

LAM GIANG
NGUYỄN QUANG TRÚ

những
CÁI KHÔN
CỦA NGƯỜI XƯA



SACHHOC.COM



Nhà Xuất bản THANH NIÊN

SACHHOC.COM

LAM GIANG

NGUYỄN QUANG TRÚ

NHỮNG CÁI KHÔN ? CỦA NGƯỜI XƯA

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

NHỮNG CÁI KHÔN THẦN KỲ CỦA LƯU BANG

Trong lịch sử Trung Quốc, Lưu Bang là người đầu tiên xuất thân từ giới bình dân mà dựng nên sự nghiệp Đế vương lưu truyền đến 400 năm.

Lưu Bang khéo trang bị cho mình những sự tích thần kỳ từ việc bà mẹ nằm mơ thấy giao tiếp với Xích Đế đến việc đích thân mình rút gươm chém rắn trắng cản đường, thần nữ đêm khuya kêu khóc.

- Con Bạch Đế bị con Xích Đế giết!

Thần nữ kêu khóc đêm khuya là mẹ của rắn trắng, rắn trắng là con Bạch Đế.

Hai sự tích này ăn khớp với nhau, xác định Lưu Bang là con Xích Đế.

Thời kỳ khôn lớn. Lưu Bang lúc đầu lãnh được một chức quan rất nhỏ, làm Đình trưởng trên sông Tứ, nhiệm vụ là giải giao tù phạm sung vào công tác kiến trúc các cung điện Ly Sơn và A Phòng. Đi hành dịch ở Ly Sơn và A Phòng là công tác khổ sai, dễ chết vì roi vọt và bệnh tật, rất khổ thấy hy vọng được trở về quê

hương. Bởi thế, số tù phạm bỏ việc, trốn tránh ngày càng nhiều, các chức Đình trưởng khó lòng giao nạp cho đủ số đã ghi trên giấy. Lưu Bang tận tụy với nhiệm vụ đã mấy năm trường, quan chức không thăng tiến, lương bổng cũng không được tăng thêm. Nếu để sống mất tù, Đình trưởng chắc phải vào tù thay thế. Bị xử nặng hơn thì cái tội danh để sống mất tù phạm dẫn đến án tử hình.

Năm 209 TCN (TCN là Tiền Công Nguyên) nhân một chuyến giải lao tù phạm, Lưu Bang thiếu mất mấy chục tên. Thôi thế là hết! Quan trên đâu có dám dung thứ tội này. Sự việc đến thế là lâm vào bước đường cùng. Lưu Bang liền thả luôn số tù còn lại. Có đứa không nơi nương tựa, tình nguyện theo Lưu Bang về ẩn lánh trong núi Mang Đường (cũng đọc là Mang Đẳng) núi ở Đông Bắc huyện Vĩnh Thành (nay thuộc tỉnh Hà Nam).

Lánh vào núi Mang Đường, Lưu Bang sống những ngày khắc khoải chờ đợi cơ hội...

Lúc bấy giờ Trần Thắng đã khởi nghĩa chống nhà Tần, tin tức lan truyền gần khắp nước, xa gần đều chấn động. Trần Thắng tên chữ là Thiệp, người ở Phương Thành, tỉnh Hà Nam, vốn là nông dân nghèo mà có ước vọng phú quý cao xa. Trước ngày cử sự, Thắng bói được quẻ tốt. Hữu công, nên quyết ý. Thắng nhờ bạn là Ngô Quảng viết trên những rẻo lụa ba chữ Trần Thắng vương thả xuống sông cho cá nuốt rồi câu cá ấy lên, mổ bụng trước mặt nhiều người. Ai cũng lấy làm kinh dị!

Thắng lại nhờ người thân tín đem đến đốt lửa ở các đình miếu đồng thời giả tiếng hồ ly gào to rằng “Đại Sở hưng, Trần Thắng vương”.

Lúc đầu, Trần Thắng, Ngô Quang chỉ tập hợp được một ngàn nghĩa quân nhưng nhờ có quân tâm cương quyết chiến đấu nên đánh đâu thắng đó, chẳng bao lâu chiếm được một phần hai tỉnh An Huy và Hồ Nam.

Nhân dân ở đất Bái theo lời tiến cử của Tiêu Hà, Tào Tham, nghênh tiếp Lưu Bang ở vùng đầm lầy, núi non Mang Đường về làm Bái Công. Bái Công Lưu Bang tập hợp được ba ngàn nghĩa quân đánh chiếm Hồ Lăng, Phương Dữ, làm chủ được một phần hai tỉnh Sơn Đông, Giang Tô.

Xét theo quan niệm Thiên mạng quân chủ thời bấy giờ, người làm Hoàng Đế phải có mạng Trời thì mới là chân mạng đế vương, mới được hào kiệt và nhân dân tin tưởng khiếp phục.

Sự khôn khéo của Lưu Bang cao hơn Trần Thắng một bậc tuy rằng cả hai người đều dùng một nguyên lý mượn uy thế của thần linh.

Tư Mã Thiên chép sử Tần – Hán không thể bỏ qua những sự việc hoang đường, thần kỳ này nên phải ghi vào sử ký cho đầy đủ.

Lưu Bang còn khéo trang bị cho vợ mình là Lữ Trĩ được đạo sĩ (tiên) xem tướng và quả quyết rằng tướng

mạng của Lữ Trĩ là “quí bất khả ngôn”.

Tâm lý của quảng đại quần chúng hướng về những người chân mạng đế vương có thần linh, thần long bảo vệ. Nắm được tâm lý quần chúng thì sử dụng được sức hậu thuẫn của đại đa số nhân dân.

Lưu Bang Hán Cao Tổ quả là một nhà tâm lý chiến xuất sắc.



Những sự việc này khiến chúng ta liên tưởng đến mưu lược thần kỳ của Nguyễn Nhạc, vua Thái Đức nhà Tây Sơn.

Nội hai chữ Nguyễn Nhạc, chúng ta đã thấy nhiều mưu lược hơn đời.

Vốn là một số con cháu Hồ Quý Ly nương thân ở đất Nghệ An, mãi đến giữa thế kỷ XVI mới dời vào huyện Tuy Viễn, phủ Qui Nhơn, những người tộc trưởng kế tiếp nhau làm ấp trưởng, mở đường buôn bán lên Tây Nguyên. Đến khoảng giữa thế kỷ XVII, ở các đất Qui Nhơn, Hoài Nhơn có lưu hành câu sấm “phụ nguyên trì thống”.

Phụ nguyên là Nguyễn. Lúc bấy giờ các chúa Nguyễn đang thống trị Nam Hà. Câu sấm này xuất hiện, báo hiệu sẽ có một họ Nguyễn nào mới khác hưng vận lên thay thế họ Nguyễn cũ đương thời suy mất. Hồ Phi Nhạc bèn đổi họ thành Nguyễn Nhạc để cho phù hợp

với sấm truyền. Nhạc nghĩa là tuổi lớn.

Nguyễn Nhạc sai người đêm đêm đốt lửa trên một hòn núi cao huyện Tuy Viễn. Dân chúng xa gần đều lấy làm kinh dị nhưng không một ai dám mạo hiểm lên coi.. Một hôm, nhà có đám giỗ lớn, Nguyễn Nhạc mời nhiều bậc tai mắt quanh miền đến dự tiệc. Đến khi rượu đã ngà say, một người nào đó nói đến ánh lửa Tây Sơn. Nguyễn Nhạc liền rủ quý vị đó lên núi coi thử. Đến lưng núi, giữa đám khói lửa mịt mù, mọi người nghe có tiếng quát lớn:

- Ai là Nguyễn Nhạc, lên lãnh Thiên Thư!

Mọi người sợ hãi, dừng bước ở sườn núi. Một mình Nguyễn Nhạc tuân lời thần phán, rình xuống một tấm biển đồng rất nặng, rất lớn, trên có khắc bốn chữ “Nguyễn Nhạc vi vương”.

Thấy rõ Thiên Thư, mọi người đều cho rằng ý Trời đã chọn Nguyễn Nhạc làm vua ở Nam Hà vậy.

Năm Tân Mão (1771) Nguyễn Nhạc khởi binh ở Tây Sơn. Người ở Trung châu cũng như dân ở Tây Nguyên đều hưởng ứng mạnh mẽ. Quân Tây Sơn nổi tiếng là quân nhân nghĩa vì bình nhật chỉ đánh cướp nhà bọn tham quan ô lại, lấy được tiền lúa đem phân phát cho bọn cùng đinh khốn khổ.

Quan tuần phủ Qui Nhơn là Nguyễn Khắc Tuyên lấy làm lo sợ vì tự xét mình không đủ tài lược đánh dẹp. Quan ngại những núi Kon Trot, Kon Ha hiểm trở, lại sợ quân Tây Sơn thiện chiến, dững cảm.

Nguyễn Nhạc nắm được tình hình quân Triều (của các chúa Nguyễn) hèn nhát liền lập kế mạo hiểm. Ông sai người đóng một cũi lớn, truyền cho thủ hạ trói mình lại, nhốt vào cũi, khiêng xuống phủ thành, nộp cho quan. Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên khôn xiết vui mừng, mở tiệc khao thưởng lớn. Quan quân ở phủ thành cũng như những dũng sĩ đã khiêng giặc đến nộp đều được chén no say. Nửa đêm, những dũng sĩ này chặt khóa sắt, mở cũi, thả Nguyễn Nhạc ra. Phủ thành Quy Nhơn bị lấy trọn trong nháy mắt.

Các huyện Phù Ly, phủ Hoài Nhơn đều không đánh mà tan...

Nguyễn Nhạc sai bọn Tập Đình, Lý Tài ra đánh Đại Chiêm hải khẩu ở Quảng Nam. Địa bàn của quân Tây Sơn càng ngày càng mở rộng.

Năm 1778, ông tiến tước, tự xưng Tây Sơn vương.

Xét về mưu lược, Nguyễn Nhạc có điểm hơn Lưu Bang. Lưu Bang không bao giờ dám dấn thân mạo hiểm cả. Nguyễn Nhạc dám mạo hiểm để chiếm lấy phủ thành Quy Nhơn dễ như trở bàn tay. Giả tử Nguyễn Khắc Tuyên truyền đem chém lãnh tụ của giặc trước đã, rồi sau sẽ khao thưởng quân sĩ thì sao?

Tục ngữ có câu:

- Không vào hang hùm, sao bắt được cọp?

Nguyễn Nhạc dám mạo hiểm vào hang hùm vì

biết rõ Nguyễn Khắc Tuyên không phải là cộc. Mạo hiểm mà không mạo hiểm chút nào.

Nguyễn Khắc Tuyên nuôi cái ảo mộng áp giải Nguyễn Nhạc ra Thuận Hóa để lĩnh thưởng lớn. Mộng tưởng biến thành ảo tưởng! Phủ thành bị mất nhưng Nguyễn Khắc Tuyên có được cái may là nhờ có bọn đào, nên tính mạng vẫn còn...?

Việc chiếm lĩnh phủ thành Quy Nhơn đáng gọi là một kỳ mưu vậy.

LIỀU MÌNH CỨU CHÚA: KỶ TÍN CỨU LƯU BANG Ở VINH DƯƠNG

Lưu Bang từng đem đại binh đánh Sở, thất bại, lui về cố thủ ở Vinh Dương, lập đường dừng đạo để tiện việc tiếp tế lương thực. Ý của Lưu Bang muốn dùng phòng tuyến lâu dài, thực hiện trì cửu chiến.

Hạng Vũ đem quân Sở tinh nhuệ vây Vinh Dương ba vòng kín mít, nước chảy cũng không thông. Lại phá được dừng đạo của quân Hán, hãm quân Hán vào cái thế cực kỳ nguy cấp, ngoài không có viện binh, trong không có lương thực tích trữ.

Kỷ Tín, bầy tôi của Hán Vương Lưu Bang hiến kế rằng:

- Tôi có diện mạo giống như Đại vương, xin giả làm Đại vương ước hẹn ra hàng quân Sở. Tôi ra hàng ở cửa Đông, Đại vương lên ra cửa Tây, chắc là trốn thoát được.

Trần Bình cũng hồi thúc Hán vương nên y kế thi hành, Bình sẽ thiết thêm điều kiện hấp dẫn quân Sở đến cửa Đông để Hán vương tiện việc tẩu thoát.

Ngày ước hẹn đầu hàng đã đến. Trần Bình tập trung 2.000 mỹ nữ đã được chuẩn bị từ trước, trang phục lụa là, gấm vóc cực kỳ xinh đẹp. Phụ nữ từ từ đi ra trước, Kỷ Tín ngồi trên một cỗ xe trang hoàng rất đẹp, chậm chậm ra sau. Tướng sĩ bên Sở đổ dồn về cửa Đông để coi cho sướng mắt...! Quân sĩ tung hô vạn tuế, reo mừng thắng lợi.

Hạng Vũ quát mắng Kỷ Tín rằng:

- Lưu Bang kia sao không xuống xe, quỳ lạy, làm lễ đầu hàng?

Kỷ Tín cứ ngồi yên lặng. Đến lúc quân Sở thấp thỏm sáng như ban ngày, soi lại cho kỹ thì Hạng Vũ biết mình bị mắc lừa, truyền lệnh đốt xe Kỷ Tín hóa thành tro bụi.

Lưu Bang chạy tuốt về Thành Cao, còn nghe tiếng của quân Sở vang vọng đến...!

*

*

*

Người Việt Nam đọc sử nhà Lê, không ai quên

được chuyển Lê Lai.

Tháng 4 năm Kỷ Hợi (1149) Bình Định Vương Lê Lợi đánh đồn Nga Lạc ở Thanh Hóa. Quân Lê tuy thắng nhưng quân nhà Minh kéo đến đông lắm. Giặc đông, ta ít, Vương phải rút quân về núi Chí Linh, giặc truy kích đến cùng, vây miền Chí Linh rất ngặt.

Tướng Lê Lai mặc nhung phục của Bình Định Vương, cỡi voi ra đánh nhau với giặc. Giặc xúm lại vây đánh, bắt được Lê Lai, đem giết liền. Chúng yên trí là đã giết được lãnh tụ Nghĩa quân Lê Lợi nên rút quân về Tây Đô.

Bình Định Vương thoát nạn, chiêu tập tàn quân, tổ chức lại lực lượng, đem quân về phía Tây Châu Quan Hóa, được dân thường ủng hộ hết lòng...

*

*

*

Trong sự nghiệp trung hưng của chúa Nguyễn ở Nam Hà vào cuối thế kỷ XIX cũng có một việc hy sinh tương tự.

Lê Phúc Điển, người huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, theo Nguyễn Vương Phúc Anh vào Gia Định.

Năm Quý Mão (1883) quân Tây Sơn vây khốn quân của Nguyễn Vương ở miền Đá Chông ngoài khơi Biên Hòa. Lê Phúc Điển mặc áo của Nguyễn Vương ra đứng ở đầu mũi thuyền chỉ huy chiến trận. Ông hô to lên rằng:

- Ta là cự chủ đây!

Quân Tây Sơn tưởng thật, đổ xô đến vây bắt, Nguyễn Vương thừa cơ hội lộn xộn, cõng một chiếc khoá thuyền chạy tuốt ra Côn Lôn.

Quân Tây Sơn cùng truy, đem nhiều chiến thuyền bao vây quần đảo. May cho Nguyễn Vương, một trận gió bão nổi lên, thủy quân Tây Sơn thấy thiên thời bất lợi, nên phải rút quân về đất liền. Nguyễn Vương nhờ vậy mà thoát tử nạn.

Tuy thời đại khác nhau, song trung can nghĩa khí của những người như Kỷ Tín, Lê Lai, Lê Phúc Điền cũng khiến cho người đời sau phải bồi hồi cảm phục.

YÊN HỘI HỒNG MÔN GƯƠM ĐAO LẤP LÁNH

Năm 221 TCN (tiền công nguyên) Tần Vương Doanh Chính diệt 6 nước, xưng hiệu là Thủy Hoàng. Đời Tần Nhị Thế 3 năm, đời Tần Tam Thế (Tử Anh) chỉ được 46 ngày.

Lưu Bang và Hạng Vũ đều lĩnh mệnh Nghĩa Đế (Sở Hoài Vương) chia đường đánh nước Tần. Lưu Bang vào Hàm Dương (kinh đô nước Tần) Tần Tử Anh đem ngọc tỷ dâng nạp cho Lưu Bang. Hạng Vũ vào sau, giết

Tân Tử Anh, đốt cung điện Hàm Dương, ngọn lửa cháy suốt 3 tháng.

Quân lực Lưu Bang đóng ở Bái Thượng, đông khoảng 10 vạn người. Quân lực của Hạng Vũ mạnh hơn, chiến đấu giỏi hơn, đông đến 40 vạn.

Mùa đông năm 206 TCN, Hạng Vũ mở hội yến ở Hồng Môn, Lưu Bang bắt buộc phải tham dự. Quân sư của Hạng Vũ là Phạm Tăng chủ trương phải giết Lưu Bang để trừ hậu hoạn. Nếu để Lưu Bang sống thì người tranh giành thiên hạ với Hạng Vũ chính là Lưu Bang chứ không phải ai khác đâu.

Chung cuộc tương tranh, chắc là Lưu Bang sẽ thắng và phe Hạng Vũ sẽ chết không có đất chôn. Các cơ hưng vong, còn mất treo lơ lửng trong buổi hội yến. Các đao phủ bên Sở đã mai phục sẵn chỉ chờ Hạng Vũ ra lệnh là Hán Vương Lưu Bang biến thành một đồng thịt băm.

Phạm Tăng đã ba lần giơ cái vòng ngọc cầm ở tay lên. Hạng Vũ chỉ cần ném chén rượu xuống đất là kế hoạch do Phạm Tăng xếp đặt lập tức được thực hiện êm xuôi không sai chạy một ly nào cả. Nhưng vô hiệu vì...

Hạng Vũ bản tánh cương cường, không thích những âm mưu quỷ kế, ngụy kế. Huống chi Lưu Bang đã tỏ ra biết thuận phục, dâng cho Hạng Vũ một đôi ngọc bích tuyệt đẹp, tặng cho Phạm Tăng một đôi chén ngọc chạm trổ tinh vi. Hạng Vũ không ưa việc giết

người đã chịu lép vế, bèn cứ lặng thinh, ngắm nghía đôi ngọc bích. Phạm Tăng bức lắm, đi tìm Hạng Trang và bảo rằng:

- Vua chúng ta nhân từ quá lắm. Chú vào trước tiệc rượu. Xin múa kiếm giúp vui. Trong khi biểu diễn múa kiếm, thừa cơ hội đâm chết Lưu Bang đi.

Hạng Trang vâng lời, đến trước mặt Hạng Vũ xin được phép múa kiếm giúp vui. Hạng Vũ đồng ý, thuận cho phép. Hạng Trang múa kiếm, mắt thường liếc về phía Lưu Bang...

Hạng Bá, bạn thân của Trương Lương và cũng là người đã kết nghĩa sui gia với Lưu Bang, đứng dậy nói với Hạng Vũ rằng:

- Nghệ thuật múa kiếm phải có đủ đôi, có hai người thì trông mới đẹp. Tôi xin đổi vũ.

Hạng Vũ ưng thuận cho phép múa đôi. Hạng Bá múa kiếm, lui tới quanh quần chỗ Lưu Bang ngồi, lấy mình che chắn những đường gươm hiểm ác. Hồi lâu, Hạng Trang không hạ độc thủ được, phải dẹp màn múa kiếm.

Trong lúc này, Trương Lương đã lên ra ngoài, đi tìm Phân Khoái, kiện tướng và là anh em bạn cột chèo của Lưu Bang. Phân Khoái nghe Trương Lương nói, vừa thất kinh vừa nổi giận, bèn cầm gươm mang thuẫn, xông vào nơi đặt tiệc rượu. Bọn vệ sĩ bên Sở ngăn cản, bị Phân Khoái gạt, đẩy cho ngã lăn chiêng. Phân Khoái

vào trước tiệc rượu, trợn mắt nhìn trừng trừng vào Hạng Vũ, cơn giận xung thiên làm rách khốe mắt rướm máu. Hạng Vũ ngồi thẳng người lên, tay sờ vào bảo kiếm đeo bên mình hỏi rằng:

- Người này là ai?

Trương Lương vội đáp:

- Chức Tham thặng của Lưu Bang.

Hạng Vũ thấy Phân Khoái vóc dạng to lớn, oai phong lẫm liệt, có ý ngợi khen, hỏi rằng:

- Tráng sĩ có uống được rượu không?

Phân Khoái đáp rằng:

- Chết còn chả sợ huống nữa là uống rượu!

Bèn nốc cạn bình rượu Hạng Vũ ban cho. Hạng Vũ lại sai người đem cho một vai thịt heo sống. Phân Khoái đặt cái thuẫn xuống đất, xẻ thịt heo sống ăn ngon lành.

Rồi lên ra, tìm gặp riêng Lưu Bang ở nhà xí, hối thúc Lưu Bang phải trở về Bái Thượng cho mau. Lưu Bang nói:

- Không từ biệt mà đi, coi sao tiện?

Phân Khoái nói:

- Hiện giờ người ta sắp sẵn dao thớt, mình sắp phải là cá thịt, chậm trễ thì nguy đến tính mạng còn phải từ biệt làm gì.

Lưu Bang bèn theo Phân Khoái tẩu thoát cho thật

le, lưu Trương Lương ở lại, kiếm lời nói khéo đối đáp với Hạng Vũ. Liệu chừng Lưu Bang đã về tới quân dinh Bái Thượng an toàn, Trương Lương mới nói với Hạng Vũ rằng:

- Bái Công không uống được nhiều rượu, hiện đã về đến Bái Thượng. Lúc lâm hành có dặn tôi ở lại hầu tiệc Đại Vương.

Phạm Tăng thấy mưu mô, kế hoạch của mình không đem lại chút kết quả nào, tức giận đập tan đôi chén ngọc. "*Chén ngọc của Hồng đập vỡ tan!*"

Phạm Tăng đối diện Hạng Vũ, thuyết minh hành động của mình.

- Đối với tôi, chỉ có cái đầu của Lưu Bang mới là vật đáng quý.

Lưu Bang đào nạy, về tới Bái Thượng lập tức giết ngay Tào Vô Thương là kẻ đã mật báo với Hạng Vũ rằng Lưu Bang mưu phản.

Tất cả những mưu lược của Phạm Tăng chỉ đem lại một kết quả. Về sau, lúc phân phong chư hầu, Hạng Vũ phong cho Lưu Bang thống trị đất Ba Thục (Ba Thục là đất nhà Tần khi trước dùng để đày tù) lại tước giảm binh lực của Hán Vương từ 10 vạn xuống còn 3 vạn.

Chung quy Hạng Vũ phạm vào cái lỗi dưỡng hổ di họa về sau...!

CỰ LỘC: CHIẾN THẮNG ANH DŨNG CỦA HẠNG VŨ

Đời Tần Nhị Thế, trong những năm 208, 207 TCN, các nước chư hầu phương Đông như Yên, Tề, Triệu, Sở đều mới thành lập. Nước Đại Sở được thành lập sớm nhất và mạnh nhất.

Nước Triệu vừa mới thành lập đã bị quân Tần vây đánh rất khẩn cấp. Quân Tần do Vương Ly, Chương Hàm chỉ huy đều là lực lượng chính quy được tập luyện thuần thục, thiện chiến.

Sở Hoài Vương sai Tống Nghĩa làm Thượng tướng đem quân đi cứu nước Triệu. Tống Nghĩa đến An Dương, sai con đi làm Tướng quốc nước Tề, mở đại trại đất Vô Diêm (đây là phía Đông huyện Đông Bình) hội tụ rất nhiều quý khách. Hạng Vũ sau đôi ba lần diện kiến thôi thúc, Tống Nghĩa vẫn cứ trơ trơ. Luận điệu đối đáp của Tống Nghĩa là:

- Cầm đồ binh khí sắc bén xông pha chiến trận tôi không bằng ông. Trù tính mưu lược trong chốn mǎn trướng, quyết định đại cuộc thắng phụ, ông không bằng tôi. Đợi quân Tần đánh Triệu cho kiệt quệ rồi ta sẽ thừa cơ đánh nó.

Trong lúc Tống Nghĩa đang có hứng uống rượu, Hạng Vũ xông vào chém đầu. Rồi đứng trước đại quân

mà hiểu dụ tướng sĩ rằng:

- Nay đương lúc mưa gió lạnh lùng, quân sĩ phải ăn rau thay gạo, quân Tần mạnh sẽ diệt nước Triệu, nhuệ khí của nó sẽ gia tăng chớ mong gì nó kiệt quệ? Các nước Yên, Tề đều phát binh cứu Triệu, song không nước nào dám cùng quân Tần quyết đấu một trận thư hùng. Quân Sở chúng ta phải gấp gấp vượt qua Chương Hà, đánh một trận quyết liệt và quyết thắng.

Rồi Hạng Vũ sai Anh Bố, Bố tướng quân đem hai vạn quân qua sông trước, giữ vững địa thế và thủy thế cho đại quân Sở tiến sau. Đạo quân tiên phong còn có nhiệm vụ phá đường dừng đạo vận lương của Vương Ly nữa.

Đại quân Sở qua sông, Hạng Vũ sai quân sĩ chìm hết thuyền bè xuống nước, chỉ giữ lương thực đủ ăn ba ngày. Một là thắng, hai là chết, không còn lựa chọn cách nào khác được.

Quân Tần đông hơn quân Sở nhưng được tin đường vận lương bị phá hủy nên đâm ra lo sợ hoang mang. Quân Sở ở vào cái thế tiến lên thì sống, lui lại là diệt vong nên ai nấy đều phấn dũng lực trận, khí thế mạnh mẽ, một người địch nổi mười người.

Quân chư hầu đều đứng ở vị trí dinh trại mình mà coi, trừ một toán quân của Trần Dư, không còn có ai tham gia chiến đấu cả. Tiếng reo hò của quân Sở chấn động xa gần, mái nhà ngói trong thành cũng rung

chuyển. Chủ tướng quân Tần là Vương Ly bị bắt sống, Chương Hàm thấy tình thế nguy cấp, vội vã tháo vòng vây, đem tàn quân chạy trốn.

Hạng Vũ vào ngôi trong trường, triệu tập chư hầu đến tiếp kiến. Các tướng chư hầu vừa kinh sợ, vừa thần phục nên đến trước mặt Hạng Vũ đều nhất tề quỳ xuống, tự nguyện xin được ở dưới quyền chỉ huy của Thượng Tướng quân.

Hạng Vũ ít quân mà thắng nổi Vương Ly, Chương Hàm nhiều quân, đó là nhờ có ý chí quyết chiến quyết thắng cao độ. Các tướng chư hầu từng phục là phải vì chính mắt họ đã trông thấy một trận chiến đấu tuyệt vời.

Sử sách đương thời và đời sau dùng chữ “*Phá phủ trăm châu*” (đập chỗ nấu ăn, chìm hết thuyền bè) để miêu tả những hành động cương quyết, anh dũng.

Bản thân Hạng Vũ đối với nước Tần có mối thù không đội trời chung. Hạng Vũ là dòng dõi Hạng Yên. Hạng Yên đã từng đánh thắng 20 vạn quân Tần do Lý Tín chỉ huy, nhưng năm 224 – 223 TCN, vua Tần sai Vương Tiễn đem 60 vạn đại binh chinh phục nước Sở thì Hạng Yên thua trận, nước Sở diệt vong, họ Hạng phải phân tán đi ẩn nấp nhiều nơi để chờ thời cơ quật khởi.

Mười lăm năm sau, nước Sở đã phục hưng mà Hạng Lương sau nhiều lần chiến thắng lại bị quân Tần dùng kế thủy công giết chết ở Định Đào.

Hạng Vũ nung chí quyết thắng quân Tần là vì có

cả hai động cơ: báo thù cho quốc gia, báo thù cho tông tộc.

TRÍ KHÔN TRÂM MẶC CỦA TRẦN BÌNH

Thời Hán – Sở tranh hùng. Trần Bình là một mưu sĩ thân tín của Lưu Bang, vị thứ chỉ đứng sau Trương Lương một bậc mà thôi.

Trần Bình là người làng Hội Dũ, huyện Dương Vũ. Thuở nhỏ nhà nghèo có chút ít ruộng nương, giao cho người anh là Trần Bá cai quản, canh tác, còn mình thì chuyên tâm đọc sách.

Bình là người khôi ngô, da trắng đẹp trai, người trong thôn ấp hỏi bốn rằng:

- Nhà nghèo, ăn gì mà cao lớn, xinh đẹp thế?

Người chị dâu vốn ghét Bình không lo làm ăn mà chỉ suốt ngày đi chơi và đọc sách bèn đáp rằng:

- Ăn cám thôi! Có một chú em như thế thà không có còn hơn!

Cũng vì nhà nghèo mà chậm có vợ. Một phú gia trong làng Hội Dũ gả cháu gái cho Bình, cho mượn luôn tiền làm đám cưới và làm vốn cho đôi vợ chồng trẻ. Phú

gia lại dặn cháu gái rằng:

- Chớ thấy nó nghèo mà không phụng sự tử tế, cần thận. Phải coi anh Bá của chồng như cha, coi chị dâu như mẹ.

Phú gia quả thật là người biết đạo lý và có mắt xanh.

*

*

*

Nghĩa quân phương Đông nổi lên. Trần Thắng xưng vương ở đất Trần, sai Chu Thị bình định đất Ngụy, lập Ngụy Cửu làm vua ở Lâm Tế.

Bình bèn cùng với số bạn thanh niên đến yết kiến Ngụy Vương, được trao chức Thái bộc, coi về ngựa xe. Bình hiểu nhiều kế sách quân – chính nhưng không được Ngụy Vương nghe theo.

Bình ly khai Ngụy Vương, theo phò Hạng Lương đánh Tần, được phong tước khanh. Hạng Vũ cho Bình làm Tín Vũ Quân, phong làm Đô úy, cho 2.000 lượng vàng. Ở bên Sở, những sách lược chính trị, quân sự của Bình dâng hiến đều không được bá vương Hạng Vũ lựa dùng, Bình bê niêm ấn, phong vàng để trả lại và tìm đường về với Hán Vương.

Lúc bước lên thuyền ở bờ sông Hoàng Hà, bọn lái đò trông thấy tướng dạng của Bình, đoán là một viên quan bỏ chức đi trốn, chắc có đem theo vàng bạc. Bình thấy tình thế nguy cấp, bèn ra đứng phía mũi thuyền,

trút bỏ hết quần áo, bảo bọn chúng rằng:

- Tôi cũng biết chèo thuyền, xin giúp các bác một tay để thuyền đi cho mau!

Thân thể lỏa lồ, không có gì giấu được trong mình cả, thuyền cập bến, Bình lên được trên bờ, hú vía thoát nạn.

Theo về với Hán Vương, Bình cũng được phong làm Đô úy. Các tướng bên Hán, nhiều người ganh tỵ, bảo với nhau rằng:

- Đại vương mới có được một anh từ bên Sở trốn về, chưa biết hay dở thế nào, vội phong nó làm Đô úy có quyền coi cả chúng ta nữa là nghĩa làm sao?

Hán vương nghe vậy lại càng thân mật với Bình nhiều hơn trước, Hán Vương cho Trần Bình đi theo mình, tấn công vào Bành Thành (nay là Từ Châu, thuộc Giang Tô). Trước thắng, sau thua, Hán Vương phải chạy đến Vinh Dương, nơi có Hàn Tín đóng quân, phong cho Trần Bình là Á tướng để giúp đỡ Hàn Tín tổ chức lại quân đội vừa bị tán bại.

Tướng Hán là Quán Anh nói gièm rằng:

- Trần Bình tuy khôi ngô, đẹp trai nhưng cũng ví như hột ngọc cần trên mũi, bên trong chưa chắc đã có gì, Thần nghe nói Bình lúc ở nhà thông dâm với chị dâu, thờ nước Ngụy không được người ta dung nạp, bỏ Ngụy về Sở, lại cũng không hợp với Sở nên cùng đường phải theo về Hán. Hắn làm Đô úy coi các tướng mà tham của

hối lộ, ai đưa nhiều vàng thì cho lánh chỗ tốt, ai đưa ít vàng thì bị đì vào chỗ xấu. Tư cách Trần Bình như thế, quyết không thể đảm đương nổi việc lớn, xin Đại Vương xét kỹ lại cho.

Hán Vương nghi ngờ, cho đòi Ngụy Vô Tri là người đã tiễn cử Trần Bình đến trách mắng. Ngụy Vô Tri bảo rằng:

- Tôi tiễn cử Trần Bình là tiễn cử về mưu lược và tài năng. Điều mà Đại Vương nghe là thuộc về đức hạnh. Nay có người thủ tín như Vỹ Sinh, đức hạnh như Hiếu Kỷ thì Đại Vương có thì giờ dùng đến hay không? Hán – Sở tranh hùng, ai biết dùng những kẻ sĩ nhiều mưu hay chước lạ thì người đó sẽ thắng.

Hán Vương vẫn cứ giao tiếp thân mật với Trần Bình, bàn định về lễ hưng vong Hán – Sở. Trần Bình hiến kế rằng:

- Hạng Vương có bốn bảy tôi cốt cán là Phạm Tăng, Chung Ly Muội, Hoàn Sở, Chu Ân nhưng không biết dùng. Ta có thể tung kế phản gián, ly gián. Xin Đại Vương xuất cho vài vạn cân vàng, đừng hỏi đến việc chi dùng, thần sẽ làm hàng ngũ bên Sở ly tán rời rã...

Quả nhiên đúng như thế. Phạm Á Phụ (Phạm Tăng) bị Hạng Vương nghi ngờ, tức giận trả lại ấn tín, xin lui về điền ấp. Đi được nửa đường, vì tức uất quá nên phát bệnh ung thư sau lưng rồi chết!

Sử sách tóm lược thành quả phản gián bằng câu:

Hán dùng Trần Bình kế

Ly gián Sở quân thân

Hán Vương dùng kế của Trần Bình,

Ly gián được vua tôi nước Sở.

Phản gián là công tác tuyệt mật, cho nên trước khi nhận được phương tiện để thực hành, Trần Bình đã phải đặt một điều kiện tiên quyết: Hán Vương không nên và không được hỏi đến việc chỉ dùng mấy vạn cân vàng ấy ra sao. Hỏi là làm lộ bí mật. Bí mật đã bị lộ thì còn phản gián được ai nữa?

Đến khi Hán Vương đã thành được nghiệp đế, Trần Bình càng được trọng đãi nên đã giúp Cao Tổ được nhiều chức lạ mưu hay.

Như có lần Hán Cao Tổ đánh nhau với chúa Thiển Vu là Mặc Đột ở thành Bạch Đằng. Quân Hán thua, phải rút vào trong thành cố thủ. Quân Kỵ Hung Nô vây kín mấy vòng. Trần Bình dò biết vợ chúa Thiển Vu là Yên Thị có máu hay ghen, bèn tung ra cái tin nay mai vua Hán sẽ đem nhiều châu ngọc, gấm lụa và gái đẹp dâng cho chúa Thiển Vu để cầu hòa... Yên Thị sợ bọn con gái đẹp bên Hán cướp mất tình yêu của chồng mình nên xúi giục chúa Thiển Vu nên giải vây, rút quân về phương Bắc, viện cái lý là dân Hán đông gấp 10 lần dân Hồ... nếu quân Hán chia nhiều đường cứu viện Bạch Đằng thì quân Hồ nguy mất. Đó là chưa nói đến việc quân Hán có thể thừa hư tập kích vào đất Hồ.

Hán Cao Tổ phong cho Trần Bình đất Khúc Nghịch là đất trù phú ngang với Lạc Dương. Ấp phong của Trần Bình về sau được nối rộng thêm vì được gia phong mấy lần liên tiếp.

Sở trường của Trần Bình là hiền được kế lạ giải trừ nhiều mối nguy to. Đến thời Lữ Hậu là thời nhiều biến cố rối ren. Trần Bình vẫn tự len lách thoát nạn, yên định được tôn miếu nhà Hán. Nếu không phải là bậc tướng văn hiền, có nhiều tài năng thì làm sao giữ được danh thơm trọn vẹn.

Đích thực là một người có đủ mưu lược, tự giữ được mình, chiến thắng các địch thủ một cách bất ngờ và kỳ diệu.

THƯỞNG PHẠT CÔNG MINH

Thưởng phạt là đại quyền của quốc gia, phép tắc thường hữu, thưởng xuyên, lúc nào cũng phải có. Phải có nhãn quan sáng suốt và tâm lý vô tư. Hễ ai có công thì dẫu người đó là người mà bình nhật mình vẫn ghét, mình cũng chiếu theo phép công mà thưởng. Hễ ai có tội thì dẫu người đó là người mình thân thương, mình cũng cứ phạt chứ không thể theo cảm tình cá nhân mà xá tội, bao dung. Không lạm thưởng cũng như không lạm phạt.

Thiên hạ bình định. Hán Cao Tổ hạ lệnh rằng:

- Những bề tôi ai nước Sở phải ra trình diện quy hàng. Ai trốn tránh thì bị tội nặng. Ai chứa chấp những kẻ trốn tránh cũng bị tội nặng, tru di tam tộc.

Quý Bố là tướng cũ của Tây Sở, cạo đầu làm nô lệ lách vào nhà hiệp sĩ Chu Gia. Chu Gia đến yết kiến Đằng Công, hỏi rằng:

- Quý Bố có tội gì mà Hoàng thượng ra lệnh truy nã rất gấp?

Đằng Công đáp:

- Lúc Quý Bố làm tướng nước Sở, hấn đã nhiều phen bức nhục Hán Vương, đánh cho quân sĩ Hán Vương nhiều trận lạc hoa lưu thủy.

Chu Gia liền nói:

- Thời Hán Sở tranh hùng, kẻ sĩ ai vì chủ nấy. Quý Bố dũng cảm, tận trung với chủ, sao lại coi hấn là người có tội được?

Huống chi tướng lĩnh nước Sở còn nhiều lắm. Nếu bức bách quá thì phía Bắc họ có thể chạy vào đất Hung Nô, phía Nam họ chạy vào nước Nam Việt, như vậy hai địch quốc của nhà Hán bỗng không mà được nhiều kẻ mưu trí dũng cảm đến giúp, họ sẽ mạnh thêm. Đến lúc ấy, điều lo của nhà Hán không phải là nhỏ vậy! Sao ông không trình bày những điều này cho Hoàng thượng nghe thử... xem sao?

Đằng Công vâng chịu, sẽ vì Quý Bố mà trình bày

sự việc. Hán Cao Tổ cũng biết Quí Bố là tướng anh dũng, xá tội, cho phép ra trình diện và phong cho chức Lang trung.

Đinh Công là cậu Quí Bố thấy vậy, tự nghĩ rằng mình là người có ơn riêng với Hán Vương nên cũng mạnh dạn ra trình diện, hy vọng sẽ được thưởng... Lúc còn làm tướng bên Sở, Đinh Công vâng lệnh Hạng Vũ truy đuổi Hán Vương bại trận, gần bắt sống được Lưu Bang thì Lưu Bang quay mặt lại, hướng vào Đinh Công mà năn nỉ rằng:

- Hai người hiền sao nỡ làm khốn nhau quá thế? Đinh Công nghe nói, bèn tha cho Hán Vương chạy đi, rồi trở về nói láo với Hạng Vương rằng mình đã cố gắng hết sức mà đuổi theo không kịp.

Đối với cá nhân Lưu Bang, thực sự Đinh Công có cái ơn phóng sinh, thả cộp về rừng.

Đinh Công ra trình diện, Hán Cao Tổ truyền lệnh xử tử ngay và tuyên bố rằng:

- Đinh Công bất trung, làm cho Hạng Vũ tiêu tan cơ nghiệp, thiệt hại đến tính mạng. Làm mất nước Sở chính là hấn chứ không phải ai khác.

Hán Cao Tổ lại biết nghe theo lời Trương Lương, phong cho Ung Xỉ tước hầu. Ung Xỉ là người bình nhậ Hán Vương Lưu Bang ghét cay ghét đắng. Ung Xỉ làm tướng nước Sở, nhiều lần bức trực Hán Vương đến cơ cực, khốn nạn.

Sau Ung Xỉ về hàng Hán Vương, cũng vì Hán Vương lập được nhiều chiến công dũng cảm. Nay Hán Cao Tổ phải phong hầu cho Ung Xỉ thật là chuyện bất đắc dĩ vậy!

Người đương thời tóm lược việc chém Đinh Công và việc phong Ung Xỉ trong câu:

Giảo nha phong Ung Xỉ,

Hàn lệ trảm Đinh Công.

Giận đến nghiêng răng mà phong tước hầu cho Ung Xỉ, buồn đến rụng rụng giọt lệ mà chém đầu Đinh Công.

Thưởng phạt nghiêm minh, công minh là thế đó. Việc Hán Cao Tổ chém Đinh Công xui ta nhớ lại tích vua Việt Câu Tiễn chém Thái tể Bá Hy nước Ngô. Nước Việt bị nước Ngô đánh cho thua lớn, Phạm Lãi sai người dâng lễ trọng hậu cho Bá Hy. Bá Hy khuyên vua Ngô Phù Sai cho vua Việt Câu Tiễn cầu hòa, giữ lễ triều cống chứ không nên tiêu diệt nước Việt. Vua Ngô Phù Sai nghe lời Bá Hy khéo nói, chấp thuận cho nước Việt cầu hòa. Hai mươi năm sau, nước Việt cường thịnh đánh diệt nước Ngô. Vua Ngô Phù Sai phải tự vẫn. Cái tội bất trung của Bá Hy bị vua Việt xử trị xứng đáng ngay.

Muôn thuở ai dung phường siểm nịnh,

Làm tôi không biết đạo trung thành!

Lại như chuyện Quách Khai ở nước Triệu ăn hối lộ của vua nước Tần, Quách Khai làm quan ở nước Triệu, rất được Triệu Vương. Thiên yêu quý, nghe lời

quân Tần xâm lăng nước Triệu. Tướng nước Triệu là Lý Mục hết sức chống đánh, quân Tần không tiến lên được. Vua Tần sai người nạp của hối lộ cho Quách Khai có đến hàng vạn cân vàng. Quách Khai liền nói gièm Lý Mục trước mặt Triệu Vương Thiên rằng:

- Lý Mục chỉ biết cố thủ, không chịu khởi thế tấn công. Việc này khả nghi lắm. Nên sai người khác ra thay thế đi thôi!

Triệu Vương Thiên còn ít tuổi, u mê, không biết ai trung lương, ai gian nịnh, liền sai một gã thanh niên bất tài là Nhan Trụ ra thay thế Lý Mục. Lý Mục tức lắm, treo ấn tướng ở cửa viên mà đào nạn giang hồ. Nhan Trụ bị quân Tần đánh cho tơi tả.

Năm 238 TCN, quân Tần diệt nước Triệu. Triệu Vương Thiên bị bắt làm tù binh, Quách Khai tích trữ nhiều vàng quá, không dám ở lại Hàm Đan (Kinh đô nước Triệu) nên đem gia thuộc vận chuyển hết gia tài vào đất Tần. Đi được nửa đường, Quách Khai bị một đám cường nhân đón đánh, giết sạch cả gia đình, cướp sạch hết của cải.

Có người bảo rằng đám cường nhân đó là môn khách của Lý Mục báo thù cho chủ.

Câu nói: *"Xưa nay ai xá bọn gian thần?"* hiển nhiên là câu nói có giá trị, có sự thật lịch sử chứng minh.

MƯƠI LƯỢC CỦA VIÊN THƯ SINH PHÂN TÁN LỰC LƯỢNG ĐÔI PHƯƠNG

Hán Vương Lưu Bang thoát nạn ở Vinh Dương, chạy tuốt về Thành Cao còn nghe tiếng quân Sở la ó. Hán Vương cảm thấy ở Thành Cao vẫn còn nguy hiểm nên đêm đầu chạy tuốt vào Quang Trung...

Vào được đất Tần rồi, Hán Vương nghĩ đến việc tái chỉnh lực lượng, sẽ quay ra phương Đông cùng Hạng Vũ quyết chiến một trận thư hùng nữa. Đang lúc dự trù kế hoạch có một gã thư sinh họ Viên đến yết kiến, hiến kế rằng:

- Đại Vương trước kia từ Vũ Quan vào đất Tần, nay muốn tiến công vào phương Đông, xin tạm thời gác chuyện Thành Cao, Vinh Dương lại đã...!

Xin chia binh hướng về các đất Uyển, Diệp, Vũ Quang, nhử cho Hạng Vũ lưu ý đến trận tuyến mới này. Sai Bành Việt phát động du kích chiến đốt phá các kho lương bên Sở, uy hiếp hậu phương của Hạng Vũ, liên tục đánh các thành Thư Dương, Ngoại Hoàng.

Hàn Tín ở Tu Vũ đem quân uy hiếp nước Tề, đồng minh của nước Sở. Hạng Vũ phải bôn tẩu, ứng chiến nhiều mặt, còn dùng oai võ tung hoành thiên hạ được

nữa sao?

Lúc bấy giờ Đại Vương thừa cơ đem quân ra phương Đông dễ lắm.

Hạng Vũ cũng cảm thấy cần thiết phải tiêu diệt Bành Việt trước đã nên sai Hạng Thanh và Tiết Công tiến đánh Bành Việt, bất ngờ Tiết Công thua trận, bị giết ở Hạ Phì. Hạng Vũ được tin báo, dùng dùng nổi giận. Sai Tư Mã Tào Cửu giữ Thành Cao, tự mình đem đại quân đi đánh Bành Việt. Lúc ra đi, Hạng Vũ kêu Tào Cửu đến, đình ninh căn dặn phải cố thủ. Giữ thành cho vững, chớ có xuất trận đối địch với Lưu Bang. Hãy đợi khi Hạng Vũ chiến thắng trở về, lúc bấy giờ sẽ tính...

Hạng Vũ đích thân cầm quân đánh đầu thắng đó, tiến vây thành Ngoại Hoàng. Dân chúng ở đó giúp Bành Việt giữ thành, chiến đấu rất gắt. Hạng Vũ nổi cáu, tấn công ngày đêm, dọa nếu hạ được thành thì sẽ làm cỏ hết. Thành bị hạ, dân chúng lo sợ vô cùng, thấy cái chết hiện rõ trước mắt.

Lúc bấy giờ có một cậu bé thần đồng 13 tuổi, nói với dân chúng rằng:

- Các ngài cứ yên tâm. Tội ra mắt Hạng Vương, bảo Hạng Vương về đường lối phủ dụ, chiêu an. Các ngài sẽ được bình yên vô sự.

Quả nhiên, thần đồng đến bái kiến Hạng Vũ, lấy tư cách là con rể của Triều đình đến chào mời dâng quân phụ. Hạng Vũ hỏi rằng:

- Bé con không sợ sao?

Thần đồng đáp:

- Con thơ đến chào mừng cha mẹ, việc gì mà sợ. Bấy lâu nay, dân chúng bị Bành Việt dùng võ lực uy hiếp, bắt đắc dĩ mà phải tạm theo chứ ngày đêm vẫn khắc khoải mong chờ Bá Vương đến giải cứu. Nay điều cần mong đã được toại nguyện nên dân chúng rất đổi vui mừng.

Rồi vị thần đồng ấy nhìn thẳng vào mặt Hạng Vũ mà nói tiếp:

- Bá Vương cần gì phải dầm dãi gió mưa, xông pha tên đạn đi đánh những thành khác cho khó nhọc? Bành Việt đã phải bỏ Ngoại Hoàng mà chạy trốn, những thành khác do Bành Việt đã chiếm được, nghe tin Ngoại Hoàng được vô sự, sẽ mở cửa thành nghinh tiếp vương sư. Bá Vương chỉ sai một viên tướng dẫn một toán quân đi dạo một vòng là mọi việc đều yên hết.

Sự việc diễn tiến đúng như lời thần đồng dự liệu. Phương lược chiêu an đem lại kết quả bình định mau chóng bất ngờ. Kiến thức của vị thần đồng Ngoại Hoàng thật không hề thua kém Cam La ngày trước ở nước Tần một chút nào. Cam La chỉ sai khiến được một viên tướng nước Tần, còn thần đồng Ngoại Hoàng thì thuyết phục được Hạng Vương, bảo toàn tính mạng cho dân chúng một địa phương rộng lớn.

Tục ngữ có câu: "*Tài không đợi tuổi*" lại nói thêm

“Qua già trăm tuổi không bằng phượng hoàng mới sinh”.
Xét trường hợp thư sinh họ Viên và thần đồng Ngoại
Hoàng đều đúng cả.

KHOÁI TRIỆT THUYẾT HÀN TÍN CHIÊM NƯỚC TÊ

Hàn Tín đánh hạ 50 thành nước Triệu, Hán Vương Lưu Bang sai Hàn Tín chuẩn bị lực lượng đánh nước Tề, triệt hạ đồng minh của nước Sở.

Trong khi Hàn Tín khẩn trương chuẩn bị thì Lịch Tự Kỳ thừa dịp thuyết Tề Vương Điền Quảng bỏ nước Sở, theo về với Hán Vương.

Khoái Triệt là mưu sĩ của Hàn Tín hiến kế rằng:

- Nguyên soái nhọc công một năm mới chiếm lĩnh được 50 thành nước Triệu. Nay Lịch Tự Kỳ chỉ uốn ba tấc lưỡi mà hạ nổi 70 thành của nước Tề. Chẳng hóa ra công huyết chiến của Nguyên Soái lại không bằng công du thuyết của một thư sinh sao?

Sao Hán Vương hành động rắc rối, khó hiểu như thế? Đã sai Nguyên Soái chinh bị lực lượng quân sự lại còn sai Lịch Tự Kỳ đi du thuyết? Tề Vương Điền Quảng hàng Hán là vì sợ oai võ bách chiến bách thắng của Nguyên Soái đó. Lịch Tự Kỳ sở dĩ du thuyết thành công

là vì Tề Vương sợ Nguyên Soái. Gã tinh ranh phỗng tay trên mà Nguyên Soái nhẫn nhục chịu thua sao? Chi bằng thừa lúc nước Tề không phòng bị mà ta tiến quân thì lấy thành chiếm đất dễ như cuốn chiếu.

Hàn Tín nghe theo lời Khoái Triệt, dẫn quân ban đêm, vượt qua sông Hoàng Hà, tiến chiếm đô thành Lâm Tri của nước Tề. Tề Vương Điền Quảng chạy về Cao Mật, sai người khẩn cấp dâng thư cho Hạng Vũ, xin cứu viện. Hạng Vũ kinh sợ, lập tức sai Long Thả đem 20 vạn đại binh đi cứu viện nước Tề.

Long Thả là viên tướng dũng cảm, giỏi việc hãm trận xung phong nhưng ít mưu lược. Bình nhật, Long Thả coi khinh Hàn Tín, cho rằng Hàn Tín sở dĩ thành công là nhờ có mưu kế của Lưu Bang dụ cho nước Tề thừa hở việc phòng bị. Hàn Tín nhờ may mà được thành công chứ thực ra tài chỉ huy chiến đấu không có gì đáng sợ! Chứng cứ là từ lúc xuất phát đến giờ, quân Sở vào đất Tề như vào chỗ không người. Quân của Hàn Tín chỉ một mực rút lui nhường đất.

Hàn Tín rút lui đến sông Chung Thủy, sai quân sĩ dùng nhiều bao cát chặn nước ở phía thượng lưu. Phía dưới, sông Chung Thủy chảy yếu ớt, có thể xăn quần lội qua được. Long Thả dẫn đại quân đến đó, truyền lệnh cho quân sĩ cứ qua sông mà truy kích cho hăng. Bất ngờ quân ra đến giữa dòng sông thì Hàn Tín sai quân mình nhất tề dỡ bao cát, tháo cho nước ầm ầm chảy xuống. Quân Sở chơi với giữa dòng sông, lớp bị nước cuốn

phăng đi, lớp bị chết đuối, lớp mới lên bờ thì bị quân Hán đánh chết tới bởi. 20 vạn quân Sở bị tiêu diệt hết, trừ một số ít van lạy đầu hàng.

Sau trận đại thắng này, Khoái Triệt xui Hàn Tín chiếm cứ nước Tề mà xưng vương, tạo cái thế tam phân đỉnh túc, chia ba chân vạc, Hán Vương giữ một chân, Sở Vương giữ một chân, Tề Vương giữ một chân. Thế của Tề Vương rất mạnh, nghiêng về Hán thì Sở nguy, nghiêng về Sở thì Hán nguy. Sự tồn tại của Hán Sở tùy thuộc vào Tề. Tề làm trọng tài cho việc tranh hùng Hán – Sở. Tề nắm quyền lực chi phối được thiên hạ.

Sau trận đại thắng ở sông Chung Thủy, thanh giá của Hàn Tín tốt bậc lên cao. Hán Vương Lưu Bang bất đắc dĩ phải phong Hàn Tín là Tề Vương. Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ cũng xuống nước, sai biện sĩ Vũ Thiệp đi sứ nước Tề, dâng lên Hàn Tín nhiều châu ngọc, chỉ xin một điều là Hàn Tín giữ vai trò trung lập cho. Dâng châu ngọc là để tạ lỗi vì trước kia Bá Vương trót lỗi lầm, coi khinh Hàn Tín. Trận đại thắng Chung Thủy, đã làm cho uy thế nước Sở suy vi. Hai mươi vạn đại quân của Sở đã làm tắc nghẽn dòng sông Chung Thủy.

Khoái Triệt ngoài việc phân tích tình thế thiên hạ trên phương diện quân sự, chính trị, còn mượn việc xem tướng số mà đoán định vận mạng cho Hàn Tín nữa. Xem tướng mặt thì chỉ đáng được phong hầu lại nguy mà không yên. Xem tướng lưng thì quý không thể nói hết “*Quý bất khả ngôn*” là tướng đế vương. Quốc thị của

Hàn Tín là chiếm cứ đất Tề mà thành lập vương nghiệp.

Đối với Hàn Tín, Khoái Triệt và Vũ Thiệp đều có những nhận xét giống nhau. Những kẻ sĩ có mưu trí thường có những kiến thức giống nhau. Lễ tất nhiên là phải như thế. Nếu Hàn Tín giữ mãi nghiệp Tề Vương thì địa vị của Khoái Triệt cũng giống như địa vị của Trương Lương ở bên Hán vậy.

ANH BỐ SỨC MẠNH MỘT NIỀM TIN SẮT ĐÁ

Năm 209 TCN, Trần Thiệp, Ngô Quảng xuất lĩnh bọn dân phu xông pha mưa tuyết, liều mạng nổi dậy chống quyền thống trị khắc nghiệt của nhà Tần.

Anh Bố xuất thân từ một kẻ bình dân áo vải, bị tội khắc chữ vào mặt, đày đến Ly Sơn, phục vụ công tác khổ sai xây đắp lăng mộ Tần Thủy Hoàng. Anh Bố bị tù đày mà không một chút buồn lo, trái lại càng phấn khởi, lo kết nạp hào kiệt.

Nguyên là lúc nhỏ, có một thầy tướng số trông thấy Anh Bố, xem kỹ tướng mạo, phán ngay một câu rằng:

- Trước bị tù tội rồi sau được phong vương.

Anh Bố tin vào câu "Thụ hình nhi hậu phong

vuơng” như tin vào một câu sấm tiên tri tiền định. Tin đồn về cuộc khởi nghĩa của Trần Thắng lan truyền khắp nước. Anh Bố đem đồng đảng của mình trên bờ sông Dương Tử (lúc bấy giờ chỉ có tên gọi là Trường Giang) khởi quân chống nhà Tần, danh nghĩa đường hoàng rất hợp với lòng dân khổ sở. Một hôm Anh Bố dẫn quân đến gặp quan huyện Phiên Dương là Ngô Nhuế, bảo quan huyện rằng:

- Tôi đến đây để chỉ bảo cho ngài một con đường sống. Hiện tại dân khắp nước đang phản kháng nhà Tần. Nếu ngài là người thức thời vụ thì ngài cùng với chúng tôi hợp tác. Nếu ngài từ chối thì ngài sẽ chết dưới pháp luật nhà Tần hay dưới oai của nghĩa quân.

Ngô Nhuế thấy diện mạo Anh Bố thông minh, lanh lợi, nên sau một hồi lâu đắn đo suy nghĩ, bằng lòng hợp tác với vị thủ lĩnh này. Ngô Nhuế tự cho là mình có hành động minh triết, đem con gái gả cho Anh Bố.

Năm 208 TCN, tướng nhà Tần là Chương Hàm thống suất bọn tù khổ sai ở Ly Sơn hơn 10 vạn trấn áp được nghĩa quân của Trần Thắng. Anh Bố nổi giận, thề sống chết với quân Tần. Với tư cách lãnh tụ, y cầm đầu toán nghĩa quân Phiên Dương xông pha tên đạn, đánh thắng được quân Tần một trận lớn ở Thanh Ba.

Lúc bấy giờ, quân Sở dưới quyền Hạng Lương đã chiếm Cối Kê (nay là Kế Châu, tỉnh Giang Tô), Hạng Lương đem quân tiến lên phương Bắc. Anh Bố đem lực

lượng của mình đến hợp tác, đánh thắng mấy trận ở Cảnh Câu, Tần Gia, tiếng tăm vang dội khắp toàn miền Giang Bắc.

Hạng Lương lập Sở Hoài Vương Tâm lên làm Nghĩa Đế để thống nhất nghĩa quân trong toàn quốc, phong Anh Bố là Đương Dương Quân. Anh Bố theo Hạng Lương trong các việc chinh chiến, tài năng vũ dũng nổi tiếng khắp nơi... Cái ảo mộng “*Thụ hình nhi hậu phong vương*” giờ như đã lóe sáng thiết thực.

Anh Bố ở dưới quyền Hạng Vũ cũng được tín nhiệm, lãnh ấn tiên phong. Trong khi Hạng Vũ nỗ lực đánh phá ải Hàm Cốc, cửa ải quan trọng của nhà Tần mà chưa phá được thì Anh Bố đem một số quân biệt kích len lỏi theo những đường tắt vào được Hàm Dương. Quả là một chiến thắng kỳ diệu.

Đến khi Hạng Vũ phân phong chư hầu trong thiên hạ, Anh Bố được phong làm Cửu Giang Vương, lời sấm ngày xưa đã được thực hiện hoàn toàn, mộng tưởng đã biến thành sự thật. Với niềm tin sắt đá Anh Bố đã thành công, được toại nguyện mười phần.

Thành công là vì Anh Bố đã dồn hết thể lực, trí lực, tâm lực vào việc thực hiện sấm ngữ. Anh Bố là người thông minh, cương quyết, hành động đúng thời cơ.

Anh Bố là người đầu tiên hưởng ứng nghĩa quân Trần Thắng – Ngô Quảng.

Anh Bố là người đầu tiên tiến chiếm Hàm Dương.

Nhà Tần mất Hàm Dương là đế nghiệp chấm dứt.

Không anh minh dũng cảm mà lập được những thành tích kỳ tuyệt như vậy sao? Niềm tin sắt đá vào sáu ngũ đã giúp cho Anh Bố nghị lực chiến đấu. Niềm tin sắt đá là một sức mạnh vô địch. Dời núi, lấp biển, làm được những việc phi thường, đó là nhờ có một niềm tin phi thường vậy.

QUAN NIỆM CHIẾN ĐẤU TOÀN DIỆN

Cuộc tranh hùng Hán – Sở kéo dài suốt 5, 6 năm.

Hán Vương Lưu Bang là người có quan niệm chiến đấu toàn diện một cách chính chắn và thông suốt. Cuộc chiến đấu phải bao gồm nhiều lãnh vực từ nội trị, hành chánh đến quân sự, ngoại giao.

Lưu Bang ủy nhiệm cho Tiêu Hà toàn quyền nội trị. Đất Quang Trung, căn cứ địa lập quốc của nhà Tần đã bị Hạng Vũ thiêu phá tan hoang. Tiêu Hà dỗ an dân chúng khôi phục cơ nghiệp cũ. Chẳng mấy lúc nhờ có chính sách nội trị nhân ái. Quang Trung lại phồn thịnh, phúc tức đủ sức cung cấp lương thảo cho Lưu Bang chinh tiến ở bên ngoài.

Trước khi ra quân, có một vị hương lão đến bảo

Lưu Bang:

- *Sự xuất vô danh, sự cố bất thành* (Ra quân không có danh nghĩa chính đáng thì sự việc sẽ không thành công được). Vì thế, Lưu Bang ra lệnh phát tang Nghĩa Đế là ông vua bị Hạng Vũ bức trục ra khỏi Bành Thành rồi lại bị Anh Bố đón đường giết chết.

Phát tang Nghĩa Đế là dùng một danh nghĩa lớn lao đủ sức xúi giục thiên hạ phản lại họ Hạng, theo về với họ Lưu vậy.

"*Ai sư tất thắng*" quân đội có niềm bi ai thì nỗi lòng càng công phần tiêu diệt quân thù. Quân đội của Lưu Bang buồn thương Nghĩa Đế, nên chiến đấu rất hăng. Quân Sở bị thua, một phần lớn cũng do việc tác chiến chính trị, tâm lý này vậy.

Về quân sự, Lưu Bang tự xét mình không phải là đối thủ của Hạng Vũ nên đã lập đàn báii tướng phong Hàn Tín làm Phá Sở Đại Nguyên Soái. Sau khi được phong, nắm được binh quyền trong tay, Hàn Tín dùng kế "*minh tu sạn đạo, ám độ Trần Thương*" công khai sửa đường Sạn đạo là trục giao thông chính yếu giữa đất Tần và Ba Thục, bí mật đưa chủ lực chiến đấu của bên Hán ra nẻo Trần Thương, chỉ trong vòng một tháng, chiếm lĩnh hết đất Tam Tần.

Rồi sau đó, Hàn Tín lại tiến quân ra phương Đông, hạ luôn 50 thành nước Triệu.

Về ngoại giao, tranh thủ các nước chư hầu để chặt

bớt vây cánh của nước Sở, Lưu Bang đã sai Tù Hà thuyết phục Cửu Giang Vương Anh Bố bỏ Sở mà về Hán. Anh Bố nguyên là đồng minh thân tín của Sở.

Về việc phản gián, Lưu Bang đã không tiếc số vàng vãi vạ cân để cho Trần Bình ly gián, khiến vua tôi nước Sở ngờ vực lẫn nhau. Phạm Tăng bị bãi chức, tức giận Hạng Vũ đến nỗi phát bệnh ung thư ở sau lưng mà chết.

Về việc quấy rối hậu phương của địch, Lưu Bang giao cho Bành Việt phát động chiến tranh du kích khiến cho Hạng Vũ không chuyên tâm được vào việc hưởng tiền, tiến đánh phía trước mặt. Còn vương mối lo ngại lớn ở sau lưng thì toàn lực hướng tiền thế nào được?

Lưu Bang biết chiến đấu toàn diện trong khi Hạng Vũ chỉ tin vào vũ lực quân sự mà thôi!

Người đời sau phê bình chuyện Hán – Sở hưng vong thường dùng luận điệu Sở thua rồi bị diệt vong là vì cứng rắn, cương cường, Hán thắng và dựng được Đế nghiệp là vì xử sự nhân nghĩa.

Cương cường tất tử, nhân nghĩa vương!

Thực ra, Hán còn xa vương đạo, còn xa nhân nghĩa nhiều lắm.

Không ai tru sát công thần tàn nhẫn như Lưu Bang Hán Cao Tổ. Nhà Hán được thiên hạ, đại cuộc là do những chiến công của Hàn Tín. Cao Tổ đi đánh Trần Hy

ở đất Đại, dặn dò Lữ Hậu phải coi chừng Hàn Tín. Lữ Hậu phao tin Cao Tổ chiến thắng, Hàn Tín bắt buộc phải đến chúc mừng, bị Lữ Hậu sai võ sĩ trói lại, chém đầu ngay ở cung Vị Vương.

Bành Việt cũng bị Cao Tổ đoạt mất tước vương, lưu đày vào Ba Thục. Trên đường đi đày, Bành Việt gặp xa giá của Lữ Hậu, Bành Việt phủ phục kêu oan. Lữ Hậu phỉnh Bành Việt về thành, hứa kêu oan giúp. Bành Việt bị Cao Tổ bắt lần nữa, chém đầu, lấy thịt làm mắm, cử chỉ hết sức dã man.

Cửu Giang Vương Anh Bố thấy Hàn, Bành đều bị giết, nổi giận làm phản, rốt cuộc thua binh, bị Cao Tổ diệt luôn.

Coi đó thì đủ thấy việc khen Hán có nhân nghĩa là việc nông nổi, bất thông sử sách.

Ưu điểm của Hán chỉ ở quan niệm chiến đấu toàn diện mà thôi.

500 NGHĨA SĨ CỦA ĐIỀN HOÀNH

Hàn Tín đánh diệt nước Tề. Tề Vương là Điền Quảng bị bắt làm tù binh, Điền Hoàn chiêu tập lực lượng ái quốc, chỉnh đốn sĩ tốt, tiếp tục cuộc chiến tranh bảo quốc nhưng vì ít quân không thể chống với 10 vạn

đại binh của Hàn Tín được nên chạy chiếm cứ một đảo hoang. Điền Hoành có 500 thủ hạ chạy ra đó.

Hán Cao Tổ bình định thiên hạ, thấy họ Điền được nhân dân nước Tề kính phục, sợ Điền Hoành có những hành động bất ngờ về sau nên sai sứ giả vượt biển đi chiêu hàng. Hán Cao Tổ sợ Điền Hoành ngày sau quật khởi như mình đã làm khi bị Hạng Vũ vây vào Ba Thục. Sứ giả nhà Hán đến hải đảo. Điền Hoành bảo rằng:

- Tôi rất cảm ơn Hoàng đế nhưng tôi không thể vào Lạc Dương triều yết Hoàng đế được. Ngày xưa, tôi đã từng viết Lịch Tự Kỳ, sứ giả của nhà Hán vì Lịch Tự Kỳ đã giúp cho Hàn Tín đánh diệt nước Tề. Lịch Tự Kỳ tuy đã chết rồi, song còn em hấn là Lịch Thương ở triều đình nhà Hán, tôi sợ không có đất yên thân.

Sứ giả trở về phục mệnh Hán đế, tường thuật lại những lời này. Cao Tổ liền đòi Lịch Thương đến, nghiêm sắc mặt mà nói rằng:

- Điền Hoành về hàng nhà Hán. Ai còn có thù xưa oán cũ động chạm đến tính mạng của hấn thì bị giết ba họ.

Sứ giả lại trở ra, báo cho Điền Hoành biết sự việc như thế và nói thêm rằng:

- Ngài chịu triều yết Hán Đế thì lớn sẽ phong vương, nhỏ sẽ phong hầu.

Bất đắc dĩ, Điền Hoành phải cùng 2 thủ hạ thân tín vào đất liền, đi xe ngựa trạm hướng về Lạc Dương,

nơi có Hoàng Đế ngự du. Lúc đến gần Lạc Dương Điền Hoành bảo người sứ giả hướng dẫn rằng:

- Tôi xin phép về nhà trọ tắm giặt, thay đổi y phục để tiện việc ra mắt Hoàng Đế.

Về nhà trọ, Điền Hoành bảo 2 người thủ hạ thân tùy rằng:

- Ta với Lưu Bang ngày trước đều là nhất diện chư hầu. Nay Lưu Bang làm Hoàng Đế, ta phải giữ phận thần tử làm lễ triều yết thì cực nhục cho ta lắm. Ở đây gần Lạc Dương, các người chỉ đem đầu ta đến diện kiến với hấn cũng được!

Nói rồi đâm cổ tự sát. Thủ hạ cứ theo lời dặn mà làm. Hán Đế thấy đầu Điền Hoành, cũng có ý thương xót và kinh ngạc, nhưng rất hài lòng vì đã trừ tuyệt hậu hoạn. Truyền lệnh mai táng thi thể Điền Hoành thật chu tất.

Đợi xong tang lễ, 2 người thủ hạ thân tùy liền tự đào huyết bên mộ chủ cũ rồi tự sát luôn. Thế là sống chết có nhau không thẹn gặp mặt dưới suối vàng.

Tin dữ truyền ra hải đảo. 500 tráng sĩ không muốn nhìn thấy sứ giả nhà Hán lại đến chiêu hàng lần nữa nên nhất loạt đâm cổ tự sát luôn. Xem vậy đủ biết Điền Hoành rất đặc nhân tâm ở nước Tề vậy.

Hán Đế được tin 500 tráng sĩ ở hải đảo đồng tâm tử quốc, vừa kinh dị vừa buồn rầu nghĩ rằng:

- Họ Điền làm như thế nào mà thu phục được

nhiều nghĩa sĩ như vậy? Bên Hán chỉ có một mình Kỷ Tín hy sinh ở Vinh Dương.

Họ Hạng thì tiêu điều lắm. Hạng Vũ ở Ô Giang, không thấy các quan văn võ bên Sở có một người nào tuần tiết cả. Họ Hạng còn có 4 người đều làm thần tử nhà Hán, quên mất quốc nhục gia thù... oan cừu sâu đậm.

Cũng đồng một cảnh ngộ quốc phá gia vong nhưng họ Điền lắm liệt hơn họ Hạng nhiều lắm.

Lịch sử Trung Quốc đời sau cũng không có sự tích nào đáng khâm phục đến như thế...

Chỉ có sử Nhật Bản trong và sau chiến dịch Thần Phong (Kamikaza) là có những tấm gương tuần quốc tương tự. Các phi công thanh niên lái những phi cơ chiến đấu lao xuống những chiến hạm của Mỹ, ngăn cản quân Mỹ đổ bộ lên đất Phù Tang. Đệ Nhị Thế Chiến kết thúc, những phi công chưa kịp tham gia chiến dịch Thần Phong đều ân hận mình đã bỏ mất một dịp chết vinh quang. Có một số tự mổ bụng chết.

Chiến tranh thì phải có thắng có bại nhưng đâu có chiến bại đi nữa, anh hùng nghĩa sĩ vẫn cứ lưu được những tấm gương trung liệt như thường...

KHÔN KHÉO, ANH DŨNG ĐẾN CUỐI CUỘC ĐỜI

Đến giai đoạn cuối đời, Hán Cao Tổ thân thể suy nhược, thường đau yếu, thích nằm riêng một nơi kín đáo, không tiếp kiến đến cả những người thân.

Cửu Giang Vương Anh Bố biết tin Hàn Tín, Bành Việt đều bị chết phi mạng, liền cử binh phản. Hán Cao Tổ định sai Thái tử Lưu Doanh đi dẹp loạn, song còn ngần ngại sợ Anh Bố nhiều kinh nghiệm chiến trận mà Thái tử Lưu Doanh là thanh niên mới lớn, e không phải là đối thủ của chiến tướng lão thành.

Anh Bố thừa lúc quân lực của Chính phủ trung ương chưa kéo đến, đánh hạ được nhiều thành ấp. Bất ngờ Hán Cao Tổ thân chinh, các tướng đều cố sức vây đánh. Cuối cùng Anh Bố thua trận, chạy trốn, vượt qua sông Hoài, rồi đến Phiên Dương thì bị người ở đó giết.

Cao Tổ tuy thắng trận nhưng cũng bị tên bắn bị thương. Trên đường về đến Trường An, bệnh thể càng nặng thêm trầm trọng. Lữ Hậu lo sợ, mời nhiều danh y đến chữa. Có một vị lương y nói rằng bệnh có thể chữa khỏi được. Cao Tổ biết là nói dối, liền gọi đến, mắng rằng:

- Ta chỉ là một kẻ áo vải, vào Hàm Dương diệt Tần

rồi quay ra phương Đông diệt Sở, đó chẳng phải là mạng Trời đã định đó sao? Nay khí số hết rồi, dầu đến Biển Thước phục sinh cũng không chữa được!

Rồi đó, thưởng vàng cho cả bọn mà đuổi hết về. Lữ Hậu biết những ngày cuối của Cao Tổ đương kéo tới liền hỏi rằng:

- Như Bệ Hạ trăm tuổi rồi, Tiêu Hà cũng qua đời thì nên lấy ai làm chức Thừa tướng?

Đáp rằng:

- Đương nhiên là phải dùng Tào Tham.

Lữ Hậu lại hỏi:

- Trắng hoặc Tào Tham cũng chết luôn thì lấy ai gánh vác nhiệm vụ quan trọng đó?

Cao Tổ mỉm cười đáp:

- Vương Lăng làm được. Nhưng Vương Lăng thẳng thắn quá, phải có Trần Bình giúp đỡ mới được. Trần Bình là người túc trí đa mưu, nhưng không thể một mình đảm nhiệm mọi phương diện. Phải để Chu Bột là người thành thật nắm giữ binh quyền. Về sau giữ vững cơ nghiệp nhà Hán là Chu Bột chứ không ai khác.

Lữ Hậu lại hỏi:

- Trần Bình, Chu Bột đều chết, sau đó mọi việc sẽ diễn tiến ra sao?

Cao Tổ đáp ngay:

- Sự việc lúc đó thì đến Bà cũng không biết được.

Nhà Hán, năm thứ 12 tháng 4 (195 TCN) Cao Tổ băng hà, hưởng thọ 62 tuổi.

Cao Tổ băng hà rồi, Lữ Hậu giữ kín sự việc, không chịu phát tang, cùng tình nhân là Thẩm Tự Kỳ thương nghị rằng:

- Hoàng Thượng và các tướng đều xuất thân từ hàng áo vải, Hoàng Thượng ở địa vị chí tôn, nay một sớm qua đời, e các tướng nổi dậy làm phản thì sao? Chi bằng ta ra tay trước, giết hết cả bọn đi để trừ tuyệt hậu hoạn.

Lữ Hậu gian ác, định hạ độc thủ như trước kia đã giết Hàn Tín, Bành Việt. Bất ngờ Lịch Thương đến chơi nhà Thẩm Tự Kỳ, dò biết mưu ấy, lên tiếng cảnh cáo rằng:

- Tôi nghe rằng Cao Tổ băng hà đã 4 ngày. Lữ Hậu giấu kín không chịu phát tang, ý muốn thừa cơ hội này mà tru diệt các tướng. Hiện nay Trần Bình, Quán Anh cầm quân 10 vạn đóng ở Vinh Dương. Phàn Khoái, Chu Bột cầm quân 20 vạn bình định đất Yên, đất Đại. Nếu ở Trường An, các tướng bị giết, 4 người kéo binh về Quan Trung thì sao? Đại thần làm loạn ở bên trong, chư hầu lẫn đánh ở bên ngoài, cơ nghiệp nhà Hán chắc là diệt vong còn mau hơn nhà Tần ngày trước nữa!

Thẩm Tự Kỳ nghe Lịch Thương phân tích sự thế

nên hư, lợi hại, sợ hoảng lên, vội chạy đi báo cáo với Lữ Hậu. Lữ Hậu cũng hoảng sợ, không dám làm ầu, làm cần.

Thực ra, bố trí cho Trần Bình, Quán Anh, Phan Khoái, Chu Bội cầm trọng binh ở bên ngoài, Hán Cao Tổ đã dự tính việc Lữ Hậu chuyên quyền làm bấy. Hán Cao Tổ biết rõ tim đen của Lữ Hậu từ lâu rồi!

Để phòng không cho biến loạn xảy ra, Hán Cao Tổ đã đi một nước cờ rất cao vạy. Người khôn thì đến ngày lâm tử vẫn cứ tỉnh khôn...

LƯU BANG VÀ TRIỆU ĐÀ

Năm 207 TCN, Lưu Bang vào thành Hàm Dương. Cùng năm ấy, Triệu Đà diệt nước Âu Lạc của An Dương Vương, lập ra nước Nam Việt.

Lưu Bang bình định Trung Hoa, vẫn có ý lo ngại Thiệu Vu (Hung Nô) ở phương Bắc và Nam Việt ở phương Nam. Ngặt vì trấn định nội loạn là việc quan trọng nên nhà Hán chưa rảnh mà ngó xuống phương Nam được.

Triệu Đà lập nước Nam Việt, đóng đô Phiên Ngung gần Quảng Châu bây giờ. Nam Việt tiếp giáp với nước Hồ Tôn (sau là Lâm Ấp) Triệu Đà cũng phải thủy

quân Nam chinh, đánh thắng vào Simhapura (Đại Chiêm hải khẩu) mới giữ cho bờ cõi nước mình khỏi bị xâm lăng.

Hán - Việt chưa có cơ hội tương kiến, tiếp xúc với nhau. Năm 196 TCN, Hán Cao Tổ sai Lục Giã đi sứ nước Nam Việt. Triệu Đà ngồi xồm lên ghế, không thèm chào Hán sứ. Lục Giã tiến lên, nói rằng:

- Nhà vua cậy nước mạnh chẳng? Mồ mả tổ tiên, họ hàng thân thích của nhà vua còn ở cả Chân Định, nếu Hán Đế tru di tông tộc của nhà vua, xâm phạm mồ mả tổ tiên họ Triệu thì nhà vua nghĩ sao, đối phó bằng cách gì?

Tuy là lời đe dọa nhưng đúng sự thật, Triệu Đà mới đứng dậy nghinh tiếp Hán sứ, rồi nhân tiện đàm luận về tình hình Tấn, Hán ở Trung Hoa. Triệu Đà than rằng:

- Tiếc thay, ta không được khởi nghiệp ở cõi Trung Nguyên, nếu ta được khởi nghiệp ở đó thì cơ nghiệp dựng nước nào có kém gì Hán Đế.

Triệu Đà tự nhận định tài năng của mình không thua kém Lưu Bang một chút xiu nào. Nước Hán tuy to lớn hơn Nam Việt nhiều song không dễ gì mỗi chốc lại dấy binh xuống xâm phạm Nam Việt được.

Đời Hán Cao Tổ, bang giao với Hán Việt diễn biến tốt đẹp, biên cảnh giữa hai bên đều hòa hảo, không có xích mích gì. Nhưng đến khi Lữ Hậu chuyên quyền thì bà dùng ngay cách phong tỏa kinh tế nước Nam Việt, cấm dân Trung Quốc bán cho Nam Việt các đồ sắt, đồ

đồng. Về lứa ngựa thì chỉ bán cho toàn giống đực.

Triệu Đà (Triệu Vũ Vương) nổi giận, thân chinh đi đánh quận Trường Sa rồi đánh luôn đất Mãn Việt (Phúc Kiến), quân Việt liên tiếp chiến thắng.

Năm 181 TCN, nhà Hán mở những trận đánh phục thù. Quân Hán vào đất Việt, không chịu được khí hậu nóng bức và sơn lâm chướng khí nên quân lực hao mòn đành rút lui về phương Bắc.

Triệu Vũ Vương bèn lên ngôi Hoàng Đế, nghiêm nhiên đứng ngang hàng với Hán triều. Nhà Hán không đủ sức dùng binh lực khuất phục được nước Nam Việt.

Trước đó, Triệu Vũ Vương đã mở lòng nhân ái, cho Khoái Triệt gởi gắm đứa con di phúc của Hàn Tín. Nhờ vậy mà họ Hàn khỏi bị tuyệt diệt. Để cho được kín đáo, họ Hàn đổi ra làm chữ Vi, giữ một nửa chữ phía bên phải. Họ Vi tồn tại trên đất Việt mãi đến thế kỷ XX.

Đến đời Hán Văn Đế, Văn Đế sai người chăm sóc phần mộ tổ tiên họ Triệu, cấp lương ăn cho bà con họ Triệu được no đủ tử tế. Ở biên thùy Hán Việt không xảy ra một sự xích mích xung đột nào.

Hán Văn Đế chỉ yêu cầu có một điều kiện về danh nghĩa, vua Nam Việt đừng dùng đế hiệu nữa.

Triệu Vũ Vương bằng lòng, gởi một phong tạ biểu vào Hán Triều lấy tư cách là đại tướng các giống Nam Di. Tình giao hảo Hán Việt được thực hiện. Các khoản

cầm vận kinh tế do Lữ Hậu đặt ra đều bãi bỏ hết.

Trước sau, Triệu Vũ Vương vẫn có uy thế độc lập, không chịu để cho nhà Hán lấn lướt, áp bức một điều gì.

Phải có mưu trí khôn ngoan mới bảo vệ chủ quyền quốc gia nguyên vẹn được.

Bỏ đế hiệu để cho việc ngoại giao được êm đẹp, nhưng trong việc nội trị, Triệu Vũ Vương vẫn xưng đế như thường.

Đại Nam quốc sử diễn ca ghi rằng:

Ngoài tuy giữ lễ chư hầu,

Trong theo hiệu đế cầm đầu nước ta

Trăm hai mươi tuổi mới già,

Tính năm ngự trị kể đã bảy mươi.

Triệu Đà là ông vua trường thọ nhất trong lịch sử Việt Nam và Trung Hoa. Lịch sử Đông Tây không có một ông vua nào đạt mức trường thọ khả kính như vậy cả.

ĐỨC ĐỘ KHOAN DUNG VÀ HÙNG TÀI VŨ LƯỢC CỦA LÝ THÁI TÔNG

Năm 1028, Lý Thái Tổ băng hà. Theo quốc pháp Thái tử Phệ Mã đương nhiên có quyền kế vị.

Khi các lễ tế táng chưa xong thì các Hoàng tử khác đã được phong vương như Vũ Đức Vương, Dực Thánh Vương, Đông Chinh Vương đem quân về vây kinh thành, chủ ý là tranh ngôi vua. Lý Nhân Nghĩa và Lê Phụng Hiếu xin Thái tử đem binh ra đánh một trận để trấn định bọn phản loạn. Khi quân của Thái tử và quân của Tam Vương đối trận, quan Võ Vệ tướng quân là Lê Phụng Hiếu tuốt gươm ra, chỉ thẳng vào mặt Vũ Đức Vương mà quát mắng rằng;

- Các người khi dễ Tự quân, trên quên ơn Tiên Đế, dưới trái nghĩa tôi con, Phụng Hiếu xin dâng một lưỡi gươm này!

Rồi xông vào đánh, giết chết Vũ Đức Vương trước trận. Đông Chinh Vương, Dực Thánh Vương hoảng sợ, lui binh, tìm đường chạy trốn.

Thái tử Phật Mã lên ngôi, ấy là Lý Thái Tông. Vua không muốn anh em đánh giết lẫn nhau, nên ban chiếu xá tội và cho 2 vị vương phản loạn được giữ nguyên chức cũ.

Vua chỉ bắt các quan trong triều, các vị thân vương hăng năm cứ đến ngày 4 tháng 4 là phải hội thề ở Đồng Cổ (làng Yên Thái, Hà Nội)

Lời thề rằng:

- Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung. Ai bất hiếu, bất trung, xin Trời Đất Quỉ Thần bắt tội.

Ai trốn tránh không chịu thề thì bị phạt đòn 50

trường.

Lúc bấy giờ, các nước láng giềng như Ai Lao, Chiêm Thành thường đem quân vào cướp phá, quấy nhiễu, Lý Thái Tông thân chinh đi đánh dẹp, quân Lào, quân Chiêm đều thua trận chạy tan...!

Kịch liệt nhất là đám giặc Nùng do Nông Tôn Phúc làm thủ lĩnh. Nông Tôn Phúc tự xưng là Chiêm Thánh Hoàng đế, đặt quốc hiệu là nước Trường Sinh rồi đem quân đi đánh phá miền Thượng du. Lý Thái Tông thân chinh, đánh bắt được Nông Tôn Phúc, đem về trị tội ở kinh đô.

Con Nông Tôn Phúc là Nông Trí Cao chạy thoát được trong trận đại bại năm 1039, dựa vào các tù trưởng miền núi, chiếm giữ châu Thăng Do. Vua sai các tướng đi đánh, bắt được Nông Trí Cao. Vua nghĩ rằng trước đã giết Nông Tôn Phúc rồi nên tha cho Nông Trí Cao và cho làm chức Mục ở Quảng Nguyên.

Năm 1048, Nông Trí Cao lại cử binh luyện tập, xưng là Nhân Huệ Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Nam. Lần này, Nông Trí Cao lại đánh chiếm 8 châu ở Quảng Đông và Quảng Tây. Nhà Tống phải sai tướng Dịch Thanh đi đánh dẹp rất là tốn công tốn của.

Năm 1043, Lý Thái Tông cấm người trong nước mua bán nô lệ. Điều này chứng tỏ lòng từ bi của nhà vua.

Đối với người thua trận, vua không khi nào thắng

tay chém giết mà lại còn tìm sinh kế cho bọn tù binh được yên thân. Vua cho 5.000 tù binh Chiêm Thành khẩn đất làm ruộng ở các xã Đăng Châu, Vĩnh Khương (nay thuộc về Nghệ An).

Từ tấm lòng từ bi phát sinh ra đường lối chính trị dân bản. Dân là gốc nước, việc cai trị phải coi trọng việc lợi ích của toàn dân. Ngài là một ông vua có đức độ khoan hòa, các nước ở xa như Chân Lạp (Thành Chân) Chiêm Thành đều sợ oai mến đức.

Vua lại bắt các cung nữ học nghề thêu dệt gấm vóc. Cấm không cho mua gấm lụa sản xuất ở bên Tàu.

Ngài cũng hạn chế việc dùng nhạc kỹ (kỹ nữ chuyên về âm nhạc) không được quá 100 người.

Vua biết tiết kiệm nhân, tài, vật, lực nên dẫu có mấy lần dùng binh mà quốc lực nước Đại Cồ Việt lúc nào cũng sung túc.

LÒNG NHÂN ÁI VÀ QUYỀN TƯ PHÁP

Trước khi được lên ngôi chí tôn, Thái tử Nhật Tôn đã vâng lệnh phụ hoàng đi xem xét, phúc khảo hình án ở các bộ. Có bắt tay vào việc mới biết trong dân gian có nhiều oan khiên, xử đoán không hợp tình, hợp lý, sự

giam giữ lại khắc nghiệt, nhiều khi thương tổn đến sinh mạng con người. Kịp đến khi đã được làm vua, Lý Thánh Tông bèn xuống chiếu ban ra những thủ tục nhân ái.

Quan lại xử kiện không được ăn của hối lộ, bề cong làm lệch cán cân công lý, quan lại phải thanh liêm. Muốn bắt buộc họ phải thanh liêm thì phải cấp phát lương bổng cho họ đủ ăn, đủ nuôi dưỡng gia đình trước đã. Quan Sĩ sư (Bộ trưởng tư pháp) được cấp 50 quan tiền, 100 bó lúa. Các ngục lại được 20 quan tiền và 100 bó lúa hằng năm. So với sinh hoạt thời bấy giờ, lương bổng như vậy là đã hậu lắm, một con heo lớn giá chưa đầy một quan. Ngoài ra còn được cấp cá mắm nữa.

Gặp tiết mùa Đông, tiết trời giá lạnh, vua sai cấp phát chăn chiếu cho những người bị giam giữ và cho bọn họ mỗi ngày được 2 bữa ăn no.

Vua bảo kẻ tả hữu rằng:

- Trẫm trong cung mặc áo hồ cừu (áo da lông chồn) mà vẫn còn rét cóng như thế này, nghĩ đến những người trong chốn ngục, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc lại còn bị xiềng xích thì sự khổ sở không biết nói như thế nào cho hết được. Huống chi có những người tra xét chưa xong, gian ngay chưa rõ, nếu đói rét quá mà chết đi thì thực là đáng thương lắm.

Vua thân hành xét án trên điện, nhân có Công chúa Đông Thiên đứng hầu, vua bèn bảo rằng:

– Lòng trầm thương dân như cha mẹ thương con. Đức hóa chưa đủ nên có những người ít học, thiếu hiểu biết, lỡ ra phạm tội lần đầu thì nên xét kỹ mà khoan thứ cho.

Vua coi việc trừng phạt là việc bất đắc dĩ mới phải làm. Thượng sách là giáo hóa cho dân hiểu biết đạo lý và luật pháp để cho họ đừng phạm tội.

Đọc sử đến đoạn này, chúng ta liên tưởng đến hình pháp nhà Tống. Phạm tù nhân đã thành án bị giải đến nơi phục pháp phải chịu 100 roi đòn thị oai. Đó là luật của Vũ Đức Hoàng Đế (Tống Thái Tổ).

Hình pháp nước Đại Việt văn minh, hợp nhân đạo hơn hình pháp của nhà Tống rất nhiều. Việc hình pháp công minh là biểu tượng một quốc gia thịnh trị thì tự nhiên binh lực phải hùng cường. Binh lực hùng cường thì nhiều khi muốn chống tham vọng xâm lăng của nước ngoài, ta đủ sức đánh vài trận thị oai cho họ biết!

Nước Chiêm Thành hay sinh sự ở ngoài biên. Lý Thánh Tông thân chinh, đánh bắt được vua Chiêm là Chế Củ (Rudravarman). Chế Củ phải dâng 3 đất Bồ Chính, Địa Lý, Ma Linh để chuộc tội. Vua ta tha cho Chế Củ về nước, bắt phải giữ phiên thần triều cống.

Ở biên thù Tây – Bắc, các vương Ai Lao, Ngưu Hồn vào triều cống trước khi có việc Chiêm Thành.

An Nam hành quân pháp là một tài liệu quân nói về cách tổ chức chính binh và phiên binh của nước Đại

Việt. Chính binh là thứ lính coi giữ Trung châu. Phiên binh là thứ lính bảo vệ biên thùy. Binh nào cũng phải theo kỳ hạn mà ứng trực. Hết hạn ứng trực thì được về nhà làm ruộng.

Gặp năm đại hạn mất mùa, Lý Thánh Tông ra lệnh chẩn cấp chu đạo cho dân nghèo.

Những việc làm của nhà vua đều là vì phúc lợi của dân chúng. Tất cả những việc làm từ hình pháp đến quân sự, từ canh nông đến thuế khóa đều nhắm vào cái đích bảo quốc an dân. Tất cả đều thấm nhuần tinh thần từ bi nhân ái.

Tuy cơ binh hùng cường, song nhà vua không vướng vào cái lối “cùng binh độc vũ” dùng binh liên miên. Nhà vua chỉ dùng binh trong những trường hợp cấp thiết, không dùng không được.

Thực là một ông vua thánh nhân.

HỒ NGUYỄN TRỪNG NIỀM HIẾU HỮU VÔ SONG

Hồ Nguyễn Trùng là con trưởng của Hồ Quý Ly, người sáng lập ra nhà Nhuận Hồ. Biết ý cha thương Hồ Hán Thương hơn mình, Hồ Nguyễn Trùng chịu nhún nhường, không tranh ngôi vua với em.

Một hôm, Hồ Quý Ly muốn thử ý con, chỉ vào một nghìn mực bằng đá, ra một câu đối:

- *Thứ nhất khối kỳ thạch, hữu thời vi vân, vi vũ, dĩ nhuận sinh dân.*

Hồ Nguyên Trừng chỉ vào một cây thông con, đáp ngay rằng:

- *Giá tam thốn tiểu tùng, hữu thời vi đồng, vi lương, khuông phò xã tắc.*

Khối đá làm mây, làm mưa, tưới nhuận cuộc sống nhân dân là làm công việc đế vương.

Cây tùng làm cột, làm rường, giữ vững xã tắc là công việc của một trung thần, giúp cho xã tắc yên định.

Hồ Quý Ly biết ý tưởng của con không có ý gì tranh ngôi vua với em, mới truyền ngôi cho Hồ Hán Thương, còn mình thì xưng là Thái Thượng Hoàng.

Hồ Nguyên Trừng là con trưởng, theo quốc pháp xưa nay, Đông Tây cũng thế, có quyền thừa kế, không ai xâm phạm nghịch lý được. Nếu Hồ Nguyên Trừng quyết tâm giữ quyền huynh trưởng thì đó là lý đương nhiên, không ai phản kháng được.

Nếu viện cái lý trạch hiên, ngôi vua phải về tay người hiền tài theo truyền thống truyền từ đời Hùng Vương thì cũng không thể nói cho thông lý được vì Hồ Hán Thương đâu có tài năng hơn anh.

Năm 1406, bọn tướng nhà Minh là Chu Năng, Trương Phụ đem đại binh xâm lược nước ta. Một số sĩ

dân nước Đại Việt như bọn Mạc Địch, Mạc Viễn, Mạc Thủy viện cố khôi phục nhà Trần, ra hàng giặc Minh trước hết...

Hồ Nguyên Trừng tuyên bố rằng:

- Đánh thì tôi không sợ, chỉ sợ dân không theo.

Quả nhiên, nhà Hồ vì cố thất nhân tâm mà thua trận liên tiếp. Cuối năm 1407, toàn thể tông tộc bị bắt ở núi Thiên Cẩm, bên Kỳ La (địa phận Hà Tĩnh).

Bị áp giải về Kim Lăng, đáng lý tông tộc họ Hồ bị tru lục hết, nhưng Hồ Nguyên Trừng là người có kỹ thuật đúc súng rất tinh thạo... mà nhà Minh đương cần súng để chống nhau với nhà Bắc Nguyên. Thế là Hồ Nguyên Trừng được làm nhiệm vụ giám đốc công binh xưởng. Hồ Nguyên Trừng sáng chế ra súng Thần Thương, một thứ đại bác cỡ nhỏ, bắn nhanh, đạn đi xa và mạnh.

Không lẽ dùng Hồ Nguyên Trừng mà sát hại tông tộc họ Hồ cho được cho nên Minh Thánh Tổ ra lệnh an trí họ Hồ ở Quảng Tây.

Vì có tài chế súng ống, về sau Hồ Nguyên Trừng được thăng lên đến chức Binh bộ Thị lang (tương đương Thứ trưởng Bộ quốc phòng đời sau).

Hồ Nguyên Trừng tưởng nhớ nước Việt, có làm ra sách "Nam Ông mộng lục" ghi lại nhiều sự việc lịch sử quan trọng thuở Trần - Hồ.

Một bậc nhân tài lỗi lạc như thế mà công tích chỉ

đủ cứu mạng cho một dòng họ, lại phải đem thao lược kỹ năng phục vụ cho nhà Minh vốn là kẻ tử thù. Thật là hết sức quá đáng thương và đáng tiếc!

Đáng thương ở điểm Hồ Nguyên Trừng biết rõ những biến cải về quân – chính, nhất là tài chính của vua cha là thất nhân tâm mà không can gián gì được.

Càng đáng thương hơn nữa khi thấy tình thế đã tuyệt vọng mà mình vẫn cứ phải ra sức một cột chống trời.

Đáng thương và đáng buồn nhất là biết rõ nhà Minh lợi dụng tài trí của mình mà vẫn phải cúi đầu phục vụ!

Đáng buồn hơn nữa là sử sách nước Đại Việt lại không quan tâm gì đến tài năng, lòng yêu nước nhiệt thành và đức hiếu hữu vô song của ông.

Đáng buồn nhất là các sử quan nhà Nguyễn Gia Miêu không có quan niệm địch hữu giới tuyến cho rõ ràng, ghi chép những sự việc của nhà Nhuận Hồ bằng quan điểm và bút pháp của sử quan Trung Quốc. Những vị sử quan của nhà Nguyễn Gia Miêu về thời vua Tự Đức coi việc Chu Năng, Trương Phụ, Mộc Thạnh là cái quyền chinh phạt của Thiên Tử đối với kẻ cớ tội.

Những câu như :

*Thu cứu nguyệt, Minh Mộc Thạnh xuất binh phạt
Hồ Hán Thương...*

... Đại bác Hồ binh vu Mộc Hoàn Giang...

Phá tan quân Hồ ở sông Mộc Hoàn!

Quý vị sử quan đời Tự Đức coi Hồ binh là thứ người xa lạ đầu đầu, chứ không phải là người Việt.

Luận điệu và giọng văn của Khâm định Việt sử là rước giặc Minh vào đánh nước ta.

Đại Nam quốc sử diễn ca cũng có lập luận tương tự. Chép về cha con nhà Hồ bị bắt thì Đại Nam quốc sử diễn ca dùng những câu:

Núi cao vọng, bến Kỳ La

Đường cùng phải bắt cũng là Trời xui

Trời đồng ý cho quân Minh diệt nhà Hồ

Đại loại, sử sách của nhà Nguyễn Gia Miêu thiên vị mù quáng như thế đó...

Không ai nghĩ rằng Hồ Quý Ly là một nhà chính trị có nhiều sáng kiến.

Không ai nghĩ rằng Hồ Nguyên Trừng là một nhà quân chính có kỹ tài, lại là một người có đức hiếu thuận vô song cả!

ĐỨC HIẾU DŨNG CẢM

“Nhị thập tứ hiếu” là một tác phẩm luân lý đã được phổ biến sâu rộng đến giới bình dân ở thảo dã nông thôn. Những gương hiếu hạnh đều rút từ sử sách

Trung Hoa, từ chuyện vua Thuấn cày voi đến chuyện Tử Lộ đội gao.

Tác dụng giáo dục đã thấm nhuần vào tâm hồn giới bình dân, duy trì được truyền thống trung hiếu là truyền thống cơ bản ổn định gia đình, bình trị xã hội.

Chúng tôi nghĩ rằng trong sử sách Việt Nam có nhiều chuyện hiếu hạnh dũng cảm xứng đáng nêu gương.

Các nhà Nho thường nói:

Hiếu vi bách hạnh tiên

(Hiếu đứng đầu trăm nét tốt)

Không duy trì được hiếu hạnh thì cương thường đổ nát, phong hóa suy đồi. Những người hữu tâm với tiền đồ dân tộc nên xét biết đến điều này trong chương trình giáo dục quốc dân...

Người đời trước đã có công ghi chép, người đời sau nên tìm cách phổ biến...

Những chuyện hiếu hạnh này đều xảy ra ở nước ta. Thời gian tương đối gần gũi...

*

*

*

Nguyễn Thị Quyền là người sống vào đầu triều Nguyễn (thế kỷ XIX), ở huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định.

Y thị là con nhà bình dân nghèo khổ. Cha mất

sớm, thị làm nghề đồn củi và bán củi cùng với mẹ lo sinh kế gia đình. Tánh khí dũng cảm không sợ ma, sợ cọp gì hết. Một hôm, thị và mẹ vào rừng kiếm củi như thường lệ. Chợt có một con cọp từ đâu chạy đến, thị vác dao xông lên đuổi đánh, cọp núng thế, chạy tuốt vào rừng sâu.

Thị đưa mẹ về nhà, cơm canh phụng dưỡng chu đáo. Ban đêm, hễ mẹ ra khỏi nhà là thị vác dao theo để bảo vệ.

Một đêm nọ, mẹ vừa ra khỏi nhà, một con cọp lớn từ đâu không biết, xông ra chực vồ. Thị vác dao xông lên, đánh nhau với cọp một hồi lâu, cọp phải nhịn thua, trốn vào rừng biệt tăm biệt dạng.

Người trong huyện hăm mộ thị có đức hiếu hạnh và võ nghệ nên có nhiều đám nhà giàu sang đến xin dạm hỏi. Thị dứt khoát từ tạ, hẹn rằng khi nào mẹ già qua đời, thị mới chịu lấy chồng. Ai thiết tình thương yêu, xin cứ bền lòng chờ đợi...

Đến đời Tự Đức, năm 1848, gương hiếu hạnh của Nguyễn Thị Quyền được triều đình Huế biểu dương.

Cọp là dã thú mạnh dữ nhất ở chốn rừng xanh. Những làng gần rừng núi thường tổ chức bộ Hổ để tự vệ. Bộ Hổ gồm nhiều trai tráng khỏe mạnh, có chút ít võ nghệ, chuyên đuổi cọp, bắt cọp và đánh bẫy cọp. Thị Quyền chỉ có một mình mà dám giao chiến với cọp y như một bộ Hổ đông người. Can đảm vũ dũng của Thị

Quyền thiệt là hiếm có.

*

* . *

Sánh kịp Nguyễn Thị Quyền họa may có Hoàng Thị Nghĩa, người huyện Quảng Phước tỉnh Khánh Hòa.

Hoàng Thị Nghĩa lấy chồng là người bình dân nghèo khổ. Hai vợ chồng mưu sinh bằng nghề kiếm củi. Một hôm y thị cùng chồng vào rừng. Một con cọp nhảy đến vỗ người chồng. Thị vác dao xông lên, đánh nhau với cọp một trận kịch liệt, chém chết cọp dữ, cũng được chồng về nhà.

Bán cọp kiếm tiền thuốc thang, nuôi dưỡng cho chồng bình phục. Tình nghĩa vợ chồng chung thủy đã tăng cường sức mạnh và dũng khí cho người thiếu phụ quê mùa. Y thị đã thắng lợi trọn vẹn trong cuộc giao tranh với mãnh hổ.

*

* . *

Hoàng Nhật Tế là người huyện Phong Lộc tỉnh Quảng Bình.

Tánh nết siêng năng, Tế thường giúp cha trong việc ruộng nương khó nhọc. Năm 14 tuổi Tế thường theo cha ra ruộng.

Một hôm, Tế theo cha đi băng qua rừng để đến một vạt nương vừa mới khai khẩn. Một con cọp núp ở đâu trong bụi rậm gần đó, nhảy đến vỗ người cha. Trong

tay Tể chỉ có một cây gậy tầm vông. Tể cũng xông lên đánh cọp, vừa đánh vừa la hét om sòm. Anh của Tể là Giám chặn trâu ở gần đó, nghe tiếng em kêu, vội chạy đến. Hai anh em hiệp lực đánh đuổi được cọp, khiêng được cha về nhà.

Xóm làng ai nghe chuyện anh em Tể cũng cảm động, góp tiền gạo giúp đỡ. Người cha được chữa chạy đến hàng tháng mới bình phục.

Quan tỉnh tâu sự việc về Triều đình. Tể và Giám đều được biểu dương, được lãnh tấm biển có 4 chữ “Hiếu hạnh khả phong”.

Hai anh em đều còn ở tuổi thiếu nhi, chỉ vì có hiếu với cha mà đánh đuổi được cọp dữ, nêu gương dũng cảm phi thường.

Sự dũng cảm xuất thân từ hiếu hạnh.

ỨNG BIẾN PHI THƯỜNG

Phải là người mau trí khôn mới có thể tùy cơ ứng biến, làm chủ tình thế trong những trường hợp phi thường... như

Mac Đĩnh Chi, Trạng nguyên đời vua Anh Tông nhà Trần (thế kỷ XIII).

Ông phụng mạng sang sứ Trung Hoa. Các quan ở

nước Bắc, tự phụ là người Thượng quốc, có ý xem khinh các sứ giả của các nước phương Nam.

Một hôm, có một bà Công chúa của Bắc Triều qua đời. Các quan trong triều nhà Nguyễn cử Mạc Đĩnh Chi vào đọc văn tế. Ông giở tờ giấy ra xem, không thấy có văn bài gì hết, chỉ có bốn hàng chữ, mỗi hàng đều có một chữ “Nhất”.

Chiêng trống nổi lên, nghi lễ diễn tiến. Ông liền ứng khẩu, đọc một bài văn tế ngắn:

Thanh thiên nhất đóa vân

Hồng lô nhất điểm tuyết

Thượng uyển nhất chi hoa

Dao trì nhất phiến nguyệt

Y!

Vân tân, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!

Nghĩa là:

Trời xanh một đóa mây

Lò hồng một giọt tuyết

Thượng uyển một cành hoa

Dao trì một vầng nguyệt

Ôi!

Mây rã, tuyết tiêu, hoa tàn, trăng khuyết!

Các quan dự lễ ai cũng phục là văn tài nhanh, trí khôn lẹ. Đi sứ bốn phương, không làm nhục mạng lệnh của nhà vua, giữ tròn thanh giá cho bản quốc, thiệt

là việc khó khăn vậy.

Lại như...

Lương Quận Công, sứ giả đời Lê (thế kỷ XV).

Vua Lê Thái Tổ đánh đuổi quân Minh, khôi phục chủ quyền nước Đại Việt. Tuy có vinh dự chiến thắng song nhà Lê vẫn phải khuất ý cầu phong với Thiên Triều. Vua nhà Minh không muốn phong, chỉ miễn cưỡng viết cho sáu chữ:

"Quyền thụ An Nam quốc sự"

Quyền thụ tức là lâm thời, tạm thời vậy. Vua nhà Lê cũng miễn cưỡng tạm nhận sáu chữ này.

Đến đời Lê Thái Tông, niên hiệu Đại Bảo, Lương Quận Công sang sứ Bắc Triều. Vào đất nước nhà Minh, vua nhà Minh sai quan bạn tổng dẫn đường cho sứ giả. Mấy ông quan bạn tổng muốn bày trò thử thách sứ giả để kiếm chuyện cười chơi. Sứ giả Đại Việt vừa lên lầu cao đã có người bí mật rút mất thang gác. Một mình sứ giả ở trên lầu cao. Làm sao bây giờ?

Lương Quận Công vào trong lầu, thấy trên một cái bàn có một pho tượng Phật, một bình nước, một quyển kinh và hai cây đèn. Ông lấy móng tay cào vào tượng Phật. Tượng làm bằng bột chín, sảy khô. Ông liền ăn bột, uống nước, mở quyển kinh ra xem. Đến chiều, bột ăn và nước uống đều hết, ông xếp quyển kinh lại đặt lên bàn, giương hai cây đèn ra, từ trên lầu cao nhảy xuống. Biểu diễn nghệ thuật nhảy dù! Quan Tàu hỏi

Phật đâu? Ông chỉ vào bụng, đáp rằng:

- Phật tức tâm, tâm tức Phật!

Viên quan bạn tổng người Minh khâm phục sử giả Đại Việt có tài vũ dũng, ứng đối nhanh, biện bác giỏi.

Đến Yên Kinh (Bắc Kinh) Lương Quận Công biện luận về việc được nước của nhà Lê là rất chính đáng, trên hợp ý trời, dưới thuận lòng dân. Các quan nhà Minh khen ông là hùng biện như dòng sông Hoàng Hà treo ngược! Ý khen lời nói thao thao bất tuyệt...

Vua nhà Minh phong cho Lê Thái Tông làm An Nam quốc vương.

Việc đi sứ của Lương Quận Công thành công mỹ mãn.

*

*

*

Cũng trong thời Thiệu Bình – Đại Bảo (niên hiệu của Lê Thái Tông) Lương Như Hộc thi đỗ Thám hoa, hai lần phụng mạng quốc vương đi sứ Bắc Quốc.

Ông lưu tâm khảo sát nghệ thuật khắc gỗ làm bản in. Khi việc học hỏi hoàn thành, ông về nước dạy nghề khắc và in mộc bản cho dân hai xã Hồng Lục và Liễu Chàng.

Về sau, dân hai xã này lập đền thờ, thờ ông làm Tiên Sư.

Du nhập nghệ thuật, kỹ năng của nước ngoài, mở mang công nghiệp cho bản quốc, dân mình được thêm

một nghề mới, thành tích lợi nước lợi dân như thế, dân lập đền thờ là phải.

Lại còn như Phạm Đôn Lễ, đỗ Trạng nguyên đời Hồng Đức, đi sứ Tàu, học được nghề dệt chiếu bằng cối, bằng lát, dệt chiếu trơn chiếu hoa, đủ các kiểu mỹ thuật.

Nước có chính sĩ, chân tài, quốc kế dân sinh nhờ đó mà thêm phú túc. Cái học biết quý trọng thực nghiệp của hai ông Lương Như Hộc, Phạm Đôn Lễ thật đáng làm gương sáng cho chúng ta. Nhất là trong thời đại khoa học kỹ thuật.

HAI CHI HỌ LÝ ĐẠI VIỆT Ở TRIỀU TIÊN

Thượng bán thế kỷ XII, một Hoàng tử nhà Lý là Lý Dương Côn, em ruột vua Lý Thần Tông, lưu lạc sang miền Đông Bắc Á, vào lập nghiệp ở bán đảo Triều Tiên. Đó là tổ của họ Lý Tinh Thiện.

Khoảng thượng bán thế kỷ XIII, em ruột vua Lý Cao Tông là Lý Long Tường lại sang Cao Ly, giúp vua nước này chống quân Mông Cổ, được phong làm Hoa Sơn Quân, tỹ như một nước chư hầu.

Hai chi họ Lý Tinh Thiện và Hoa Sơn đều là hậu duệ của Hoàng triều họ Lý ở Đại Việt.

Họ Lý Tinh Thiện truyền đến đời thứ sáu có Lý Nghĩa Mẫn nắm quyền Tể tướng, giúp vua Nghi Tông nước Cao Ly đánh bình nội loạn do một phản thần là Trịnh Trọng Phụ gây ra.

Khánh Đại Thăng cùng với Lý Nghĩa Mẫn tước bình nội loạn, làm Tể tướng được năm năm rồi bị bệnh chết. Lý Nghĩa Mẫn lên thay, cầm quyền được 14 năm thì bị Tê Thiện gây ra một cuộc binh biến. Ông và bốn con đều bị giết. May còn có người anh, con ông bác thoát nạn.

Sự tích Lý Nghĩa Mẫn được ghi vào chính sử Cao Ly.

Chúng ta không nên nghi ngờ về chuyện đường xa, giao thông giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á.

Năm 1168, sứ nhà Tống và sứ nước Kim đều đến nước ta. Người nước Kim biết rằng ở phương Nam, phía Nam đất Tống còn có nước Đại Việt, binh lực hùng cường. Người Kim không muốn Đại Việt giúp nhà Tống.

Vua Lý Anh Tông biết được thâm ý đó nên sai quan bồi tiếp cả hai sứ đoàn Tống, Kim ở hai nơi riêng biệt không cho họ gặp nhau.

Lúc bấy giờ sau lưng hai nước Tống, Kim đã có sự hưng khởi của Mông Cổ dựng nước từ năm 1147. Mông Cổ tung hoành ở Mạc Nam, Mạc Bắc, từ sa mạc Qua Bích mở hướng tiến về Đông Âu.

Mông Cổ hùng mạnh thì tai họa chiến tranh sẽ

trần ngập nước Kim rồi đến nước Tống.

Họ Lý Hoa Sơn giúp vua Cao Ly chống với Mông Cổ là ở vào thời kỳ này. Họ Lý đã chọn Hoa Sơn làm quê hương thứ hai. Đó là một điều vinh dự cho người Đại Việt.

Trừ đời Lý Thái Tông có một cuộc nổi loạn của Tam vương, những đời vua Lý Kháo kế thừa không có sự bi thảm nổi da xáo thịt. Được như vậy, có lẽ là nhờ việc Lý Dương Côn, Lý Long Tường đều lánh thân ra nước ngoài chăng?!

Đi xa muôn dặm mà làm vinh dự cho Tổ quốc nguyên thủy, đó cũng là một sự thiên cổ kỳ quan.

Hoàng triều họ Lý thường được gọi là Lý Bát Đế (Lý Tám vua) truyền đến đời nữ chủ Lý Chiêu Hoàng (1225) thì bị nhà Trần chấm dứt.

Con cháu họ Lý mãi đến thế kỷ XIX còn sản xuất được vài bậc anh tài như Nguyễn Tử Giản danh thần đời Tự Đức...

Nhà văn Nguyễn Triệu Luật, tác giả "Ngược đường trường thi" cũng là hậu duệ của Lý.

BÉ GÁI CHÍN TUỔI THÁM SÁT CHIẾN TRƯỜNG

Người Việt Nam cũng biết sự tích Phù Đổng Thiên Vương đời Hùng Huy Vương đại phá giặc Ân ở bộ Vũ Ninh. Mới lên ba tuổi, cậu bé làng Phù Đổng đã biết ứng nghĩa Cần Vương, đòi gươm vàng ngựa sắt để xông pha chiến trận.

Chuyện huyền sử thần kỳ

Phá tặc dân hiểm tam tuế văn

Đăng vân do hậu cứu thiên dê!

Mới lên ba tuổi đã đánh tan quân giặc, Thiên Vương còn cho là muộn màng. Đến lúc đăng vân lại hận chín tầng trời còn thấp.

Câu đối diễn tả khí thế anh hùng trấn giữ cõi Nam.

Chuyện em bé gái Ngọc Tường đời nhà Lý là chuyện lịch sử lịch xác có thật xảy ra dưới đời Lý Nhân Tông.

Trần Huân, người gốc Ái Châu (Thanh Hóa) ra Thăng Long dạy học. Vợ là người nhân đức, bắt được một tay nải gấm lụa vàng bạc mà trả lại nguyên gói cho người mất không hao hụt một sợi tơ. Đêm bà nằm mộng thấy Vương Mẫu cho một ngọc nữ xuống trần đầu thai... Sau bà sinh được một con gái, đặt tên là Ngọc Tường.

Năm Long Phù thứ ba (1103) đời vua Lý Nhân Tông, tên phủ thủy Lý Giác chiếm cứ Diễn Châu làm phản. Lão tướng Lý Thường Kiệt đem binh đến đánh, Lý Giác thua chạy sang nước Chiêm Thành, y hướng dẫn vua Chiêm là Chế Ma Na sang cướp phá ba châu Bố Chính, Địa Lý, Ma Linh mà Chế Củ đã nhường cho Lý Triều từ trước.

Lý Thường Kiệt lại được lệnh Nam chinh.

Trần Huân tuân chính với phận sự cang đáng việc giấy tờ ở Ty quân chính, quân pháp. Ái nữ Ngọc Tường được 9 tuổi cử nhất định đòi đi theo cha đánh giặc.

Chủ soái Lý Thường Kiệt thấy cô bé có chí hướng kỳ lạ nên đặc cách cho theo mặc dầu ngài chưa biết dùng cô bé gái này vào việc gì.

Quân Việt và quân Chiêm đối lũy ở miền Trị - Bình. Phòng tuyến quân Chiêm canh gác rất nghiêm ngặt, các thám tử bên ta không thể đến gần.

Ngọc Tường ăn bận như con nít nhà quê đi bán trâu cau, thuốc hút. Binh sĩ Chiêm Thành thấy em còn bé lắm không nghi kỵ gì. Em bé lần lần đi sâu vào phòng tuyến địch, đến gần các vị trí phòng thủ trọng yếu. Em ghi nhớ kỹ những điều mắt thấy tai nghe...

Chủ soái Lý Thường Kiệt nhờ vậy mà biết rõ quân hình, binh thế của Chế Ma Na. Ngài ra lệnh tấn công thần tốc, quân ta thu lại ba châu.

Vua Lý phong Ngọc Tường làm Ngọc Hoa Công

chùa.

Lăng mộ Công chúa ở Đại An được lịch triều phong tặng. Như sắc phong đời Lê Cảnh Hưng năm thứ 44 (1784) có những câu:

Yếu diệu thiên hương.

Thanh kỳ quốc sắc.

*Dương tại thượng nhi trừ tai giáng phúc, hòa bình
mạc trắc anh uy;*

*Hội tế nguyên nhi hộ quốc bảo dân, chính đại nan
danh ý đức.*

Nghĩa là:

Hương trời yếu diệu thướt tha

Sắc nước thanh cao đẹp dễ

Ở tầng cao trừ tai giáng phúc, oai nghiêm lạng lẽ
khắc thường;

Hội mở đầu giúp nước giữ dân, chính đại quang
minh khó sánh.

Đến đời Nguyễn Gia Miêu, Ngọc Hoa Công chúa được tôn phong làm Thượng Đẳng Thần.

MỘT SƯ BIỂU ĐỜI ĐẠI HÒA

Trong xã hội Việt Nam văn hiến, quân, sư, phụ là ba bậc đáng tôn kính nhất trên đời. Vị trí của ông thầy cao hơn chỗ đứng của ông cha, những bậc thầy nào được đời tôn xưng là sư biểu thì lại càng được quý trọng.

Đời Đại Hòa (1443 - 1453) niên hiệu vua Lê Nhân Tông ở Hải Dương có một Nho sĩ học thức rất uyên bác. Ông đậu giải nguyên khoa thi Hương, nhưng mấy lần thi Hội đều vô vọng. Ông lui về quê quán ở huyện Chí Linh, chuyên tâm vào việc dạy học. Xa gần nghe tiếng, người các tỉnh khác theo học cũng đông.

Thành tích đào tạo nhân tài của ông rất cao, trong sử Triều Lê, Triều Nguyễn không thấy ai sánh kịp.

Học trò của ông:

- Ba người đỗ Trạng nguyên.
- Bốn người đỗ Bảng nhãn.
- Sáu người đỗ Thám hoa.
- Mười người đỗ Hoàng giáp.
- 51 người đỗ Đồng Tiến sĩ.

Đời Hồng Đức (niên hiệu Lê Thánh Tông) quá nửa số triều quan đều là học trò của ông cả. Vua Lê Thánh Tông biết tiếng, triệu ông ra làm quan cho bổ dụng như Tiến sĩ.

Ông làm quan có đức thanh liêm, siêng năng, gặp

việc dám nói. Ông làm giám sát Ngự sử, sau thăng đến Đông các Học sĩ. Sĩ phu đương thời rất kính trọng, ông hưởng thọ một trăm tuổi.

Ông có cái vui được thấy phong cảnh văn học toàn thịnh đời Hồng Đức. Ba danh tài được Lê Thánh Tông khen ngợi là:

Trạng nguyên Lương Thế Vinh.

Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh.

Thám hoa Quách Đình Bảo.

Thiên hạ cộng tri danh!

Cảnh tượng văn trị hòa bình, nhân tài tú phát làm cho thanh giá nước Đại Việt được nhà Minh kiêng nể.

Mãi đến giữa thế kỷ XVI, nước Đại Việt mới nảy được một vị Trạng nguyên nổi danh quốc tế. Đó là Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Các sứ giả Bắc Triều khen rằng:

An Nam lý học hữu Trình Tuyền!

Lý học của Nguyễn Bỉnh Khiêm còn được các nhà lý số Tây Phương lưu ý khảo sát. Họ ví Nguyễn Bỉnh Khiêm với Nostradamus nước Pháp.

Nguyễn Bỉnh Khiêm được học trò tôn hiệu là Tuyết Giang Phu Tử, đức độ trong sáng như băng tuyết. Học trò thầy Tuyết Giang cũng có người đỗ được Trạng nguyên. Đó là Phùng Khắc Khoan, sứ giả hùng biện nhất của nhà Lê thời Trung hưng.

Nguyễn Bỉnh Khiêm có một bài thơ tiên đoán về

sự diễn tiến thời cuộc thế kỷ XVI (thế kỷ ông đương sống) và thế kỷ XVII tiếp, thế kỷ chúa Trịnh bức hiếp vua Lê.

*Thái bình vũ trụ bất Ngu Chu
Hỗ chiến giao tranh tiểu lương thù!
Xuyên huyết sơn hà tùy sứ hữu.
Uyên ngư từng tước vị thủy khu?
Trùng hưng dĩ bặc độ giang mã,
Hậu loạn tu phòng nhập thất khu...
Thế sự đảo đầu hưu thuyết trước
Túy ngâm bận trách nhiệm nhân du!*

Phan Kế Bính diễn nôm:

Non sông nào phải buổi bình thời
Thù đánh nhau chi khéo mực cười
Cá biển chim rừng ai khiến đuổi?
Núi xương sông huyết thấm đầy vơi!
Ngựa phi ắt có hồi quay cổ.
Thú dữ nên phòng lúc cắn người.
Ngán ngấm việc đời chi nói nữa
Bên đầm say hát nhỡn như chơi!

Cái sư biểu của Nguyễn Bình Khiêm có giá trị rất cao. Ông được các phe phái chính trị thời đó, nhà Lê trung hưng cũng như nhà Mạc suy tàn, chúa Trịnh lộng quyền cũng như chúa Nguyễn bị nạn, xúm vào hỏi ý kiến. Với ai, ông cũng có những ý kiến chỉ giáo rất sâu xa.

Đúng là Đệ Nhất sư biểu.

BÁCH LÝ HỀ

TÌNH NGHĨA THỦY CHUNG

Bách Lý Hề là một người có tài lược chính trị đủ sức trị dân giúp nước, tạo lập sự phú cường.

Thời vận truân chuyên, nhiều phen chìm nổi, có lúc phải làm nô lệ chăn nuôi dê bò.

Các nhà chính trị cổ điển thường nhắc đến sự tích ông để làm thí dụ điển hình cho việc lỗ vận và việc gặp thời. Họ nói:

- Tại Ngu như Ngu vong. Tại Tần như Tần bá!

Bách Lý Hề từng làm quan nước Ngu, nước Ngu bị diệt vong. Ông làm quan nước Tần, nước Tần dựng nên sự nghiệp bá chủ.

Sự khác nhau một vực một trời đó là do mưu lược của ông bị bỏ xó hay được đấng minh quân thực hiện, tin dùng. Kẻ sĩ chưa gặp thời, ở với một ông vua ngu muội, vua bỏ mất nước, kẻ sĩ cũng bị tai họa lây.

Vua nước Ngu tham của tặng hảo do vua Tấn gửi đến, cho vua Tấn mượn đường đi đánh nước Quắc. Nước Quắc mất, rồi đến lượt nước Ngu. Môi hở thì răng lạnh. Bách Lý Hề đã hết sức phân tích tình thế lợi hại, vua nước Ngu ngu lắm, tham vòng bạch bích và ngựa túc sương của nước Tấn, cứ cho nước Tấn mượn đường. Kết quả không ngoài sự dự liệu, tiên đoán của Bách Lý Hề.

Vua Mục Công nước Tần nghe Bách Lý Hề là người tài giỏi, muốn được gặp để cùng tính việc lớn. Lúc bấy giờ Bách Lý Hề đang lưu lạc tại Nam Dương, làm một tên tù binh khổ sở. Sứ giả nước Tần đến Nam Dương, Thiết Kế nói với viên võ quan nước Sở rằng:

- Tên tù họ Bách Lý kia đắc tội với phu nhân của vua Tần. Phu nhân muốn được nó để trị tội. Sai tôi đi tìm nó. Tôi có năm bộ da dê đây, ông cho tôi chuộc nó đem về!

Viên võ quan nghĩ mình khi không mà được năm bộ da dê, thuận ý cho chuộc.

Bách Lý Hề sang được nước Tần, cùng với Tần Mục Công nói chuyện chính trị suốt mấy ngày đêm. Hai bên rất hợp ý nhau. Tần Mục Công phong Bách Lý Hề làm quan đại phu, sau lại làm Tướng quốc.

Quan Tướng quốc bảy mươi tuổi vẫn còn thất lạc vợ con. Viên quản gia thấy quan lớn buồn phiền, gọi một toán hát xuống giải trí. Trong toán ca xướng có một cụ già biết đàn hát cũng khá hay. Đợi cho cuộc vui đến lúc tưng bừng, cụ già ôm đàn đến dưới thềm, cất tiếng hát rằng:

Bách Lý Hề! Bách Lý Hề! Năm bộ da dê...

Nhớ ngày chàng ra đi

Giết con gà mái ấp

Thổi nồi cơm gạo vàng

Đường đời phong sương

Chừ thương thì thương!

Chàng nên quan sang

Còn nhớ chăng người vợ tào khang!

Sau một lúc căn vặn hỏi chuyện, Bách Lý Hề nhận ra người vợ thuở hàn vi. Một cuộc tương phùng sau mười mấy năm cách biệt...

Từ ngữ Trung Hoa ngày trước có câu:

- Y bất như tân! Nhân bất như cố!

Áo không gì bằng mới. Người không gì bằng cũ. Tình nghĩa phải giữ cho được chung thủy vẹn toàn.

Còn như chuyện giàu đổi bạn, sang đổi vợ thì đó là người bội bạc, vi phạm thiên lý và nhân luân, xã hội lương thiện không thể coi trọng những hạng người như thế.

Bách Lý Hề làm Tướng quốc nước Tần, khuếch trương thế lực về phương Tây, các nước Tây Nhung xin đến thần phục nước Tần có đến 20 nước.

Con là Mạnh Minh được làm Tướng quân, sau 2 lần thua trận, chung cuộc cũng đánh thắng được quân nước Tấn ở Hào Sơn. Nước Tần nghiêm nhiên thành ra một nước cường thịnh bậc nhất ở phương Tây.

Công nghiệp của vua tôi, cha con đều trọn vẹn.

Sử Trung Quốc chép:

Đời Xuân Thu có Ngũ Bá là: Tề Hoàn, Tấn Văn, Tần Mục, Sở Trang, Tống Tương.

Tên tuổi Bách Lý Hề gắn liền với Tần Mục Công, vua tôi đều có danh thơm tiếng tốt. Vua là minh quân sáng suốt, tôi là Tướng quốc có tài năng.

Sự nghiệp cha con Bách Lý Hề cũng trọn vẹn. Cha là tướng văn, con là tướng võ. Cả hai đều trung nghĩa lập được nhiều công.

TỬ SẢN NHÀ CHÍNH TRỊ HIỀN TRIẾT

Tử Sản là tên chữ của Công Tôn Kiêu, một nhà chính trị đời Xuân Thu ở nước Trịnh. Ông tham gia hơn 40 năm, giúp cho nước Trịnh bình yên thịnh vượng. Đối với chính trị học, ông cũng có nhiều sự cống hiến về tư tưởng tiên tiến, văn minh.

Ông hết lòng phụng sự quốc kế dân sinh, lo cho dân chúng được an cư giàu có. Ông thường nhắc đến hai câu thơ lưu truyền đã lâu đời:

Chỉ yêu hành đắc chính

Bất phạ khẩu thiệt đa

Mình chỉ cần làm được việc chính đáng, không quản gì nhiều chuyện khẩu thiệt thị phi.

Tại nước Trịnh, ông là người đầu tiên khu biệt

thuế công thương và thuế nông nghiệp.

Để cho nông dân tiến đến sản nghiệp giàu có, ông chủ trương nhiều biện pháp thủy lợi như khơi ngòi, vét sông, đắp đê.

Lúc đầu, nhân dân nước Trịnh không hiểu được những sự ích lợi dài ngày và lý tưởng chính trị cao quý của ông nên đã đặt ra các ca dao phản đối:

Ngã tố y mạo tha thu tàng,

Ngã chủng trang giá tha yêu lương.

Thùy sát Tử Sản ngã bản mang!

Dịch nghĩa:

Ta làm áo mũ, nó thu lấy,

Ta trồng lúa mới, nó đòi lương.

Ai giết Tử Sản, ta giúp đường!

Vài năm sau, những việc cải cách về nông, công thương nghiệp đem lại hiệu quả mong đợi, dân chúng bèn đổi lời ca:

Ngã hữu tử đệ, Tử Sản giáo

Ngã hữu điền viên, Tử Sản nhiều

Tử Sản tử liễu, thùy tiếp trước?

Dịch nghĩa:

Ta có con em, Tử Sản dạy

Ta có ruộng vườn, Tử Sản tưới

Tử Sản chết rồi, ai tiếp nối?

Tử Sản chú trọng theo dõi dư luận, công luận của

quần chúng nhân dân.

Nước Trịnh có những học hiệu ở làng xã. Ban ngày đó là những nơi giáo dục, đào tạo. Ban đêm, đó là nơi tụ hội dạo mát, nói chuyện phiếm, đàm luận thời sự, chính trị, đủ thứ chuyện gần xa. Có một ít quan lại cho rằng dân chúng đàm luận chính trị là xúc phạm đến chính quyền, làm cho chính quyền mất vẻ uy nghiêm. Họ muốn phá bỏ các trường hương học, Tử Sản bảo rằng:

- Việc gì mà phải phá trường? Chúng ta cần nghe ngóng dư luận của nhân dân. Họ nói phải thì chúng ta lựa lấy những ý tốt mà thi hành, họ nói bậy thì chúng ta bỏ qua, tự nhiên những ý bậy bị tiêu hủy... Sao lại phá trường?

Lấp miệng dân khó hơn lấp miệng sông! Phải để cho nó có những lỗ hở chảy thông. Nếu bịt kín hết, tức nước vỡ bờ, lúc ấy sự tai hại khó vụ lường tính.

Ông cho khắc "Hình Thư" vào các đỉnh đồng, bày ra ở những nơi công cộng để cho mọi người đều hay, đều biết mà tuân theo cho đúng pháp luật...

Quan Đại phu nước Tấn là Thúc Hưởng có ý kiến phê bình rằng:

- Các bậc vua thánh hiền đời xưa tùy theo tình thế và sự việc mà phán đoán phải trái, nên hư... Chưa từng có việc phải theo điều khoản thứ mấy, thứ mấy.

Sự dân chúng phát sinh ra lòng tranh giành nên

dùng đạo nghĩa mà đề phòng, dùng hành chính mà sắp xếp, dùng lễ nghĩa để dẫn đạo, dùng sự thành tín để cố thủ, dùng sự nhân ái để nuôi dưỡng, dùng lộc vị để cổ vũ, như thế mà còn sợ chưa đủ.

Vì vậy, dùng sự trung nghĩa để răn dạy, dùng hành động để khen thưởng, dùng sự hòa thuận yên vui để sai khiến, dùng sự cương chế để ước thúc, dùng sự cương quyết để xử lý, như vậy mà còn sợ chưa đủ giải quyết vấn đề.

Cần phải có vua hiền thánh ở trên, quan lại sáng suốt ở dưới, như vậy mới có thể ngăn ngừa sự bạo loạn...

Nghe nói anh lo được việc thủy lợi, việc thuế khóa đó là việc đáng mừng. Nhưng nay công bố “Hình Thư” e rằng dân bỏ điều lễ mà lo khảo cứu từng chữ, từng câu, quan tư lo việc chẳng xiết, nạn hối lộ sinh ra, nước Trịnh khó tránh được sự vong diệt.

Tử Sản nghiên cứu ý của Thúc Hưởng, có lời cảm tạ về những ý kiến phê bình.

Công cuộc nội trị gặp nhiều rắc rối nan giải như Công Tôn Hắc cơ mưu giao quyết, tranh vị với Công Tôn Sở.

Nguyên quan Đại phu Từ Ngô Phạm có một người em gái rất đẹp, Công Tôn Hắc, Công Tôn Sở đều muốn cưới làm vợ. Ý kiến của người con gái là dứt khoát chọn Công Tôn Sở làm chồng. Mặc kệ! Công Tôn Hắc cứ

đến tranh cưới, bị Công Tôn Sở đánh bị thương. Công Tôn Hắc bẽ mặt, đem sự việc đi kiện, khai man với quan Tư pháp rằng mình đem lễ vật đi mừng đám tân hôn, bắt ngờ bị đối xử tàn tệ.

Vua nước Trịnh sợ các đại thần trong nước bất hòa thì sẽ xảy ra nhiều tai hại nên hạ lệnh cho 6 quan khanh phải hội thề, giữ niềm tương kính hòa thuận. Công Tôn Hắc tự ý đến gia nhập, không coi lệnh vua có một chút uy nghiêm nào.

Công Tôn Hắc lại còn mưu đánh diệt gia đình Công Tôn Sở nữa.

Thấy giới quý tộc nước Trịnh có nhiều đặc lợi, đặc quyền quá, Tử Sản rất lấy làm lo. Gia đình Công Tôn Hắc cũng lo ngại không kém gì vì Công Tôn Hắc hoành hành thái quá, họ sợ bị tai họa lây. Khi hay được tin Công Tôn Hắc muốn tự ý truất bỏ Du Cát để cho mình thay thế làm chức Thượng Khanh, Tử Sản đương đi kinh lý ở biên cương, vội vàng trở về Triều, sai người đến nhà Công Tôn Hắc, niêm yết tội trạng của y, có 3 điều đáng xử tử hình:

- Tự tiện giết quan Đại thần là Bá Hữu.
- Tranh vợ với anh em, động dụng can qua.
- Mạo truyền thánh chỉ giả để dự hội thề với 6 quan Khanh.

Công Tôn Hắc không chối cãi gì được, nên tìm kế khất hẹn rằng:

- Vết thương ngày trước sau ót tội lại phải tẩy lên, tội sắp sửa chết, các ngài còn hồi thức làm gì?

Tử Sản không cho hẹn lần nữa, bắt Công Tôn Hắc phải chết lập tức, nếu không trong vài khoảnh khắc quan hành pháp sẽ đến nơi ngay. Công Tôn Hắc thấy tình thế bất lợi, lại nài thêm một khoản rằng:

- Sau khi tôi chết rồi, con tôi có được kế chức Quản lý thị trường hay không?

Tử Sản bác ngay rằng:

- Anh là kẻ có tội, cứ phải lo đền tội đi đã. Con anh có làm được Quản lý thị trường hay không, nhà Vua sẽ xét sau...!

Công Tôn Hắc thất cổ chết. Tử Sản sai bày xác bên đường để làm gương răn những kẻ hoành hành phạm pháp.

Tử Sản còn tỏ ra người bác học nhiều tài năng. Vua Bình Công nước Tấn bệnh nặng, Trịnh Giản Công phái Tử Sản sang thăm. Các quan y được và bói toán nước Tấn hỏi rằng:

- Vua chúng tôi bị 2 vị thần Thập Trảm, Thai Đài gây cho trọng bệnh. Chẳng hay 2 vị thần đó là gì xin ngài ban ơn chỉ giáo.

Tử Sản bèn đem sử Thượng Cổ ra giảng giải rằng:

- Xưa Đế Cao Tân có hai người con. Người lớn là E Bá, người nhỏ là Thập Trảm. Hai anh em không hòa thuận, thường dùng binh lực đánh nhau. Đế Cao Tân

giảng hòa không được, đuổi E Bá đến Thương Khâu, lấy phần đất có sao Thương trực chiếu làm cơ sở dựng nước, đó là cơ sở đầu tiên của nhà Thương.

Thật Trầm được phần đất thuộc trình phân sao Sâu. Họ Đường từ đó mà ra. Đường Thúc Ngụ là tiên tổ nước Tấn.

Lại Đế Kim Thiên có hai người con trưởng là Doãn Các thứ là Thai Đài. Thai Đài coi 2 dòng sông Phần, Thao. Hiện nay, sông Phần là sông lớn tưới nhuần nước Tấn.

Tôi nghe rằng người quân tử buổi sớm xem xét công việc, giấy tờ, buổi chiều quyết định, ban đêm nghỉ ngơi. Sinh hoạt có điều độ thì cơ thể tự nhiên khỏe mạnh.

Lại nghe nói ở chốn hậu cung, vua không nên kết hợp với những người đẹp đồng họ. Kết hợp với những đồng họ thì tai bệnh sinh ra.

Tấn Bình Công nghe Tử Sản giảng luận sử sách, tỏ ý khâm phục, khen rằng:

- Đúng là một vị quân tử bác học!

Tử Sản giữ được tinh thần minh mẫn cho đến cuối đời. Năm 522 TCN, ông lâm bệnh nặng, gọi Du Cát đến bảo rằng:

- Tôi qua đời rồi, chắc anh sẽ được cầm quyền. Anh nên nhớ cho rằng chỉ những người có đức lớn mới dùng nổi đường lối chính trị khoan hòa. Nếu không phải

bậc thượng đức thì nên dùng chính trị nghiêm khắc.

Lửa nóng, ai cũng biết và sợ nên số người bị chết vì phỏng lửa, chết cháy rất ít.

Nước mát, ai cũng muốn gần gũi, chơi thân. Vì ham giốn nước nên số người bị chết đuối nhiều.

Nước, lửa, nghiêm, khoan là vấn đề trị, loạn.

Việc trị loạn tùy thuộc vào sự hoạch định chính sách của chúng ta...

Tử Sản qua đời, Du Cát không nỡ dùng chính sách nghiêm khắc, cứ xử sự theo lối khoan hòa, chẳng mấy chốc mà trộm cướp tràn lan như ong vỡ tổ.

Tình thế bất buộc Du Cát phải dùng binh lực đánh dẹp, giết chết nhiều người. Lúc bấy giờ ông mới hối hận mà than rằng:

- Tử Sản là một bậc quân tử tiên cơ, đoán sự việc đời sau như thần thánh. Chỉ tiếc ta vâng lời ông hơi chậm mà thôi!

Lúc Du Cát dùng đường lối nghiêm khắc để lo việc trị an, một thanh niên là Khổng Khâu tán thưởng rằng:

- Nghiêm khắc là để chữa những cái tệ của khoan hòa. Khoan hòa là để chữa những cái tệ của nghiêm khắc. Dùng cho đúng lúc thì xã hội bình trị, dân chúng được no ấm, yên vui.

Thanh niên đó sau là Khổng Phu Tử.

Thiên Ngoại Sinh cho rằng đức độ của Tử Sản

không thua kém gì Khổng Phu Tử chút nào. Người đời sau nên vì Tử Sản mà viết cho ông một liệt truyện.

TÂY MÔN BẢO TRẦN THỦ TÂY HÀ

Đầu đời Chiến Quốc, Tây Môn Bảo ở nước Ngụy nổi tiếng là một nhà cai trị giỏi. Ngụy Vũ Hầu sai ông ra trấn thủ đất Tây Hà, một biên trấn trọng yếu.

Ông đến nơi thấy dân cư thưa thớt, nhà cửa tồi tàn, đồng ruộng thê lương, xơ xác. Ông liền đòi các vị hương lão đến hỏi duyên cớ vì đâu? Các vị hương lão thưa rằng:

- Dân chúng tôi khổ sở về chuyện Hà Bá lấy vợ. Mỗi năm phải kén một người con gái đẹp, sắm sửa cỗ bàn linh đình để đưa dâu về Thủy Phủ. Những nhà nào có con gái lớn sợ con bị bắt dâu, phải bỏ nhà bỏ cửa trốn đi nơi khác. Vì thế ruộng rẫy nhiều đám bỏ hoang...

Lại hỏi:

- Nếu không cưới vợ cho Hà Bá thì sao?

Thưa rằng:

- Nếu không có đám cưới thì Hà Bá nổi giận dâng nước lên ngập cả ruộng đồng, còn làm ăn gì được nữa?

Tây Môn Báo lặng thinh một lúc, đưa mắt nhìn con sông và đồng ruộng rồi hỏi tiếp rằng:

- Thế vùng này có bao giờ bị ngập lụt chưa?

Dân thưa rằng:

- Chưa! Vì năm nào cũng có đám cưới trọng thể... Không ngập lụt nhưng lại bị nạn hạn hán, lúa má chết khô.

Sau khi dò hỏi sự tình, Tây Môn Báo dặn các vị hương lão rằng:

- Thế khi nào có đám cưới, các người nhớ báo tin cho ta biết. Ta sẽ đến dự với...

Đến kỳ, Tây Môn Báo phẩm phục chỉnh tề, đem cả một đoàn lính đến. Mụ đồng giá hí hửng, cho rằng cả quan Trấn thủ cũng đến dự, thế thì xưa này mụ chủ trương cưới vợ cho Hà Bá là một mỹ tục tốt đáng được duy trì!

Tây Môn Báo vén rèm, xem mặt người con gái, đuổi ả ra khỏi kiệu mà bảo rằng:

- Hà Bá là một vị thần, cần phải chọn người cho thật đẹp thì mới xứng đáng. Người con gái này nhan sắc tầm thường quá, không được đâu! Nhờ bà đồng xuống Thủy Phủ bẩm với Hà Bá rằng quan Trấn Thủ dương cho người đi tìm một thiếu nữ sinh đẹp. Xin Hà Bá dẫn lòng đợi cho...

Nói đoạn, sai lính trời cổ mụ Đồng, vút tồm xuống sông. Tây Môn Báo vẽ kính cần, quì bên hương án. Một

lúc sau không thấy mộ Đồng nổi lên, Tây Môn Báo mới sai lính trói bọn đệ tử của mộ Đồng, cũng vứt tẩm xuống sông để bọn này đi thúc giục tin tức.

Lại thấp hương chờ đợi một lúc, Tây Môn Báo bảo các vị hương lão rằng:

- Mộ đồng già lắm lắm, bọn đệ tử ngu si không được việc gì cả! Hay là nhờ quý vị hương lão đi giúp một phen...

Bọn này nghe nói thất kinh, nhất loạt quì lạy xin dung tha tính mạng. Tây Môn Báo chỉ dòng sông Chương Hà, bảo toàn dân rằng:

- Sông chảy cuộn cuộn, nào thấy Hà Bá ở đâu?

Từ rày về sau, cấm tuyệt, không ai được nhắc đến chuyện cưới vợ cho Hà Bá này. Hễ ai nhắc đến thì người đó phải có phận sự đi làm mai!

Lệnh cấm được thi hành triệt để. Những người dốt dừ vợ con đi trốn ngày trước lục tục trở về. Dân ở gần đó cũng đổ xô đến khai khẩn ruộng rẫy bỏ hoang.

Được vài năm, đất Tây Hà trở nên trù phú.

Tây Môn Báo lại tổ chức các đội dân phòng. Lũ thanh niên cường tráng vui lòng gia nhập. Trộm cướp vắng bóng. Tây Hà trở thành những thôn ấp phú túc nhất bên bờ sông Chương. Quan Trấn thủ cho đào con kênh dẫn nước vào đồng. Các kênh đều có bắc cầu ván, qua lại rất tiện lợi.

Kể sĩ quân tử làm việc nước, lo điều phúc lợi cho

dân. Bài trừ những hủ tục mê tín dị đoan để mở mang dân trí. Tiết kiệm tiền bạc để chi dùng vào những việc có ích lợi thực tế.

Bí quyết thành công của Tây Môn Báo xuất phát từ một tấm lòng nhân ái lo nước thương dân. Đáng làm gương mẫu cho những nhà kinh tế (Kinh bang Tế thế).

TÔ HIẾN THÀNH: CHIẾU SON CÒN ĐÓ DÁM THAM VÀNG?

Năm 1138, vua Lý Thần Tông băng hà. Thái tử là Thiên Tộ nối ngôi, ấy là vua Anh Tông mới có 3 tuổi.

Bà Lê Thái Hậu nhiếp chính, tư thông với Đỗ Anh Vũ. Đỗ Anh Vũ chỉ có tiếng hát hay mà được Thái Hậu sủng ái. Y viên không dám làm việc cướp ngôi vì lúc ấy trong Triều còn có những tài giỏi, trung lương.

Ở mạn Thái Nguyên có tên Thân Lợi khởi binh làm phản, tự xưng mình là con riêng của vua Nhân Tông, đem binh về vây phủ Phú Lương. Tô Hiến Thành đuổi đánh, Thân Lợi chạy lên Lạng Sơn thì bị bắt giải về kinh trị tội.

Tô Hiến Thành chấn chỉnh võ bị, lựa chọn những người biết thao lược, đưa vào các cấp bậc chỉ huy.

Binh lực Đại Việt lại hùng cường, đánh tan các mường Ngưu Hống ở lưu vực sông Đà, đuổi giặc Lào và giặc Chiêm Thành, giữ yên bờ cõi.

Năm 1175, vua Anh Tông phong Tô Hiến Thành làm thái phó, ban cho vương tước và gởi con thơ ấu là Long Cán mới có 3 tuổi cho Tô Hiến Thành phù trì.

Năm sau Anh Tông băng hà. Bà Chiêu Linh Thái Hậu muốn lập con mình là Long Xưởng lên làm vua, sai người đem nhiều vàng bạc đút lót cho bà vợ Tô Hiến Thành. Mặc dù cố bà phu nhân ở trong nhà nói ra, nói vào nhưng Tô Hiến Thành nhất định không nghe, không tham vàng phụ nghĩa, cứ phù lập Long Cán lên làm vua. Ấy là vua Cao Tông.

Sự sáng suốt của vua Anh Tông là biết lựa đúng người trung nghĩa mà gởi gắm con thơ.

Năm Kỷ Hợi (1179) Tô Hiến Thành bệnh nặng. Lúc bấy giờ có quan Tham tri chính trị là Vũ Tán Đường ngày đêm săn sóc thuốc thang. Bà Đỗ Thái Hậu (mẹ đẻ ra vua Cao Tông) ngự đến thăm, hỏi rằng:

- Nếu một mai tướng phụ qua đời thì việc nước nên ủy thác cho ai?

Tô Hiến Thành đáp rằng:

- Thần xin tiến cử quan giám nghị Trần Trung Tá.

Đỗ Thái Hậu nói;

- Sao không tiến cử Vũ Tán Đường?

Tô Hiến Thành đáp:

- Nếu Thái Hậu hỏi người hầu hạ thì thần cử Vũ Tán Đường. Nếu hỏi người giúp nước thì thần cử Trần Trung Tá.

Mặc dù đã có lời tiến cử minh bạch và khẩn thiết như thế nhưng khi ông mất rồi, Triều đình vẫn không chịu nghe theo lời ông nên cử Đỗ Yên Gi làm Phụ chính, Lý Kính Tu làm Để sự. Triều đình lúc bấy giờ còn có những người tài giỏi nên bà Chiêu Linh Thái Hậu không giám mưu việc thế lập.

Tô Hiến Thành là trụ cột của hai triều Anh Tông và Cao Tông. Người đời thường ví ông với Gia Cát Lượng Thừa tướng nhà Thục Hán đời Tam Quốc.

Đến khi vua Cao Tông lớn lên, nhà vua chỉ nghĩ đến việc săn bắn, vui chơi như phụ hoàng Anh Tông ngày trước. Nhưng Anh Tông có chỗ dựa, còn Cao Tông thì dựa vào ai?

Biên thù phương Bắc thì các sắc dân Thổ, Hán từ bên Tàu tràn qua cướp phá khốc hại.

Biên thù phương Nam thì giặc Chiêm Thành nổi lên đánh phá dữ dội. Dân chúng khổ sở, điêu linh.

Vua Cao Tông cứ một mực rong chơi, lại còn xây đắp cung điện nguy nga làm hao tổn của nước. Nạn hối lộ lưu diễn gần như công khai.

Tô Hiến Thành mất rồi, còn ai đâu đủ uy tín tinh thần mà răn dạy, khuyên bảo, can gián nhà vua nữa?

Kỷ cương ngày một hao mòn.

Cuộc đời chầm nổi, ai còn hiện trung?

Đã thế mà lại còn hay có nạn đói kém, mất mùa. Một sự quái dị nhỏ cũng đủ sinh ra loạn lớn. Như ở giáp Cổ Hoàng có chuyện trâu trắng để ở cạnh xoài.

Có người trông thấy một con trâu trắng treo lên cây xoài, rình xem hồi lâu thì bóng ma trâu biến mất nhưng vết chân trâu thì còn rành rành. Đi bói xem đó là điều lành dữ thế nào. Thấy bói phán:

- Trâu là con vật dưới thấp, nó treo cao như thế là điềm kẻ dưới thay được người trên.

Người giáp Cổ Hoàng liền tụ nhau làm phản, để ứng với điều trời?!

Xem sử nhà Lý thấy đời nào cũng nhiều điềm lành chỉ trừ thời Tô Hiến Thành phụ chính là không có điềm gì mà thôi.

THÉMISTOCLE: QUYỀN LỢI CỦA DÂN TỘC LÀ TỐI THƯỢNG

Bán đảo Hy Lạp nằm trên vị trí Âu - Á giao liên.

Nhã Điển (Athemis) là một thị trấn cường thịnh, có thủy quân hùng hậu, nắm quyền bá chủ hàng hải ở đông phần Địa Trung Hải.

Sparte là một thị trấn nằm trong nội địa Hy Lạp có lực quân thiện chiến, dũng cảm.

Hai thị trấn Athemes và Sparte thường tranh quyền bá chủ địa phương với nhau. Athemes có truyền thống văn học cao, triết học nổi tiếng với nhiều nhân tài hào hoa phong nhã.

Sparte có truyền thống dụng võ, muốn khuất phục các thị trấn khác dưới quyền lực chỉ huy của mình.

Về phía Tây Á có đế quốc Ba Tư hùng cường, quân số đông đảo đến hàng trăm vạn. Hoàng đế Xerxes cố tham vọng thống trị cả phần đất Tây Á - Đông Âu. Muốn đạt được mục đích thì phải đánh thắng hai thị trấn Athemes và Sparte.

Thế kỷ VI TCN, Hoàng đế Xerxes của Ba Tư mở cuộc Tây xâm. Hai thị trấn Themes và Sparte bắt buộc phải liên minh quân sự với nhau để chống lại kẻ thù chung xâm lược.

Themistocle là một lãnh tụ chính trị của thị trấn Nhã Điển. Ông đã xây dựng được cho Nhã Điển một hệ thống trường lũy kiên vững, một hạm đội hùng cường.

Tin Ba Tư mở cuộc Tây xâm với uy thế quân sự áp đảo về quân số làm cho toàn thể Hy Lạp phải lo sợ, kinh hoàng. Ý kiến của Themistocle là phải chặn đánh Ba Tư ngay trên mặt biển. Nếu có trận thủy chiến diễn ra thì Ba Tư không thể dàn trải quân lực đông đảo trên mặt biển được. Thủy quân của Ba Tư kém tập luyện

không thể đương đầu với thủy quân Nhã Điển tinh thực hơn nhiều.

Ý kiến của các tướng lĩnh Sparte là dàn trận đánh quyết liệt trên mặt đất. Quân sĩ của Sparte nổi tiếng chiến đấu giỏi xưa nay.

Hội nghị liên minh quân sự khai diễn, hai thị trấn Athemes và Sparte tranh luận đằng dai, chưa đi đến một quyết định dứt khoát nào cả. Thượng tướng của Sparte nổi nóng, giơ cây gậy chỉ huy lên, dọa đánh.

Themistocle bình tĩnh nói to lên rằng:

- Cứ đánh đi nhưng tất cả phải nghe lời tôi nói đã...

Rồi ông phân tích quân hình, binh thế của hai phe lâm chiến Hy Lạp và Ba Tư. Phải có một trận thủy chiến mới bẻ gãy nhuệ khí của quân Ba Tư được.

Năm 480 TCN quân liên minh Hy Lạp chiến thắng ở Salamine. Hoàng đế Ba Tư phải lui quân về Tây Á. Đúng như Themistocle đã liệu tính, quân Ba Tư không thạo thủy chiến, lâm trận thì thua tan. Yếu tố đồng quân của họ thành ra vô dụng.

Nếu như Themistocle cũng nổi đóa một tí vì thể diện tướng lĩnh của mình bị xúc phạm thì công cuộc chống ngoại xâm của Hy Lạp chắc phải tiêu tan. Đến lúc đó, ai bảo vệ cho quyền lợi dân tộc?

Themistocle nhường nhịn Thượng tướng của Sparte là vì ông thấy rõ trong lúc quân thù đã đến trước

cửa mà anh em trong nhà còn tranh giành với nhau thì có khác gì mình mở rộng cửa đón mời quân thù đến ngự trị.

Binh pháp có câu:

- Mình có tự đánh mình trước, người ngoài mới thừa cơ tiến đánh mình sau.

(Quốc tất tự phạt, nhiên hậu nhân phạt chi!)

Sự cơ sinh tử, tồn vong không nên lệ thuộc vào vấn đề thể diện cá nhân. Buồn vì mất thể diện có thể sẽ gặp được lúc vui nhưng chết thì không thể sống lại được.

Vì quyền lợi trường cửu và tối thượng của dân tộc, Themistocle đã ẩn nhẫn, chịu nhục trong chốc lát. Ông đã buộc được Thượng tướng của Sparte phải đồng ý với mình. Ông đã tạm lui một bước để tiến lên con đường vinh diệu chiến thắng.

Chẳng những là một nhà quân sự có mưu lược kỳ tài, Themistocle còn là một nhà hiền triết nữa.

SPICION: NHANH TRÍ CHUYỂN BẠI THÀNH THẮNG

Gia Thái Cơ (Carthage) và La Mã (Rome) quyết chiến 3 phen để tranh quyền bá chủ Tây phần Địa

Trung Hải. Gia Thái Cơ lập nghiệp ở Bắc Phi, La Mã lập nghiệp ở Trung Âu. Hai bên đều có thương thuyền và binh thuyền mạnh. La Mã nhiều tham vọng muốn độc chiếm bá quyền.

Trong chiến dịch thứ nhất, La Mã thắng. Gia Thái Cơ bị đuổi ra khỏi đảo Sicile (ngày nay ở Trung Ý). Nhưng lòng tham biết mấy cho vừa. La Mã quyết thắng Gia Thái Cơ ngay trên đất Phi Châu. Tướng Spicion của La Mã được lệnh đổ bộ lên Phi Châu, mở màn chiến dịch thứ hai.

Đối với La Mã, việc đổ bộ này rất cần thiết vì tướng Hannibal của Gia Thái Cơ đã đánh thắng La Mã ở một vài thị trấn Tây Ban Nha, đưa quân sang đất Gaule (Pháp) theo đường An Sơn (Alpes) uy hiếp các biên trấn La Mã...

Tướng Spicion đem binh thuyền vào hải phận Bắc Phi. Ông vội vã nhảy từ chiến hạm lên bờ biển và bị vấp té, nằm sổng sượt trên cát. Như thế là điểm bắt đầu. Sở binh sĩ dưới quyền kinh động, Spicion túm vài ba bụi cỏ trên đất cát, hét to lên rằng:

- Hồi đất Phi Châu, phen này ta đã nắm bắt được mi rồi!

Quân La Mã thấy tướng của mình reo lời vui mừng tin là điểm đại cát nên cũng la hét vang trời. Quân Thanh rất là phấn chấn, hễ ra trận thì có nhiều kẻ tranh tiên lập công.

Tướng Hannibal, danh tướng của Gia Thái Cơ đem đoàn binh bách chiến về cứu bản quốc vẫn không thể tranh thắng với Spicion được. Quân sĩ của Hannibal đương lúc tung hoành ở An Sơn Âu Châu, nuôi cái hy vọng tiến chiếm La Mã. Quân sĩ bị triệt về, tinh thần sa sút, làm sao chiến thắng được nữa?

Quân của Spicion càng đánh càng hăng vì được La Mã tiếp viện nhân tài, vật lực đầy đủ, Hannibal thua luôn mấy trận, quân La Mã càng được thế kiêu hùng.

Kết cuộc của chiến dịch thứ hai, Gia Thái Cơ phải chấp nhận một hòa ước thiệt thòi và nhục nhã. Hannibal tiên liệu thế nào cũng có chiến dịch thứ ba vì lòng tham của La Mã là làm cho Gia Thái cơ phải chịu cảnh diệt vong toàn diện.

Spicion được mệnh danh là Người Phi Châu vẫn muốn đổ bộ lên Phi Châu lần nữa. Hòa bình đã ký kết chẳng qua là một lúc nghỉ xả hơi.

Hannibal lo đắp những chiến lũy cho Gia Thái Cơ vững thế phòng thủ...

La Mã huy động toàn lực chiến đấu. Nghị sĩ của La mã là Caton luôn luôn nhắc lại câu nói “phải hủy diệt Gia Thái Cơ” (Delenda est Carthago). Chiến dịch thứ ba ngắn ngủi chỉ có ba năm, khởi chiến từ năm 149 đến năm 146 TCN thì Gia Thái Cơ bị phá hủy toàn diện, thành lũy bị san phẳng làm đất bằng.

Spicion lập được nhiều chiến tích là vì bản thân có

tài cơ trí ứng biến. Sự cơ trí ứng biến ấy được cấp lãnh đạo Trung ương ủng hộ chí tình.

MỸ TỪ, UYỂN TỪ VÀ THỰC TẾ

Người làm chính trị khôn khéo thường dùng mỹ từ, uyển từ để cho lời nói thêm đẹp, thêm văn hoa nghe thuận lỗ tai hơn, thích ý hơn.

Như thời Đại Cách Mạng 1789. Người ta xóa bỏ tất cả các thứ thuế của chế độ quân chủ cũ, chữ thuế không còn hợp thời nữa, không thuận ý dân. Nhưng bất luận quốc gia nào, chính phủ nào cũng cần phải có tiền để chi tiêu vào trăm ngàn công kia việc nọ. Xóa bỏ hết các thứ thuế cũ thì làm thế nào đây? Người ta liền thay thế bằng những đảm phụ mới.

Chữ thuế gợi lên ý ép buộc, lệnh trên ban xuống, dân chúng phải tuân hành, nghe không có vẻ dân chủ, dân quyền chút nào cả.

Chữ đảm phụ nghe có vẻ dân chủ hơn. Tự ý dân đóng góp, và nhiều khi số tiền do tự đóng góp lại cao hơn, nhiều hơn số thuế cũ.

Thực tế là thuế hay đảm phụ thì chung quy dân cũng phải đưa tiền ra để nuôi dưỡng quốc gia và chính phủ. Nhiều người chỉ xét cái danh xưng chứ không mấy

chú ý đến thực tế.

Thay đổi danh xưng chưa chắc là đã có sự thay đổi gì trong thực tế. Đôi khi, danh xưng hoa mỹ lại đi kèm với một thực tế xấu hơn, tệ hại hơn.

Người làm chính trị cố thay đổi danh xưng mà không chịu thay đổi gì về thực tế. Miễn là có sự thay đổi về danh xưng là họ mãn nguyện rồi!

Người phương Đông (ở Trung Hoa) cũng thích dùng uyển từ pháp lắm.

Như để chỉ việc tranh đoạt ngôi vua thì họ dùng chữ thu thiên (được nhường ngôi). Họ viện dẫn điển tịch vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn.

Lại như ở nước Đại Việt, Tây Vương Trịnh Tạc nuôi chí cướp ngôi nhà Lê. Từ đời Trịnh Tùng, bao nhiêu quyền hành trong nước đều dồn về tay chúa, vua Lê chỉ ngồi làm vì mà thôi. Các chúa Trịnh thường là “Thống Quốc Chính” (quyền chính trị, hành chánh, kinh tế, tư pháp), “Đô Nguyên soái” (quyền tướng võ, chỉ huy quân sự), còn kèm thêm những chữ Thượng sư, Thượng phụ rồi gì gì nữa danh hiệu.... Vương.

Tây Vương Trịnh Tạc (Miếu hiệu là Dương Vương) đặt ra lệ vào châu không lay, sớ tấu của chúa không viết tên, sập ngổi đặt ở bên tả ngai vua ngự.

Tuy đã được nhiều đặc quyền như thế, Trịnh Tạc vẫn chưa vừa lòng, vẫn ngấp nghé ngôi Hoàng Đế.

Trong hàng bảy tôi của chúa có Nguyễn Quốc

Trình 25 tuổi đỗ Trạng nguyên, Quốc Trình từng đi sứ Bắc quốc, được vua nhà Thanh khen là mau trí khôn, có tài ứng đối giỏi. Một hôm, vua Thanh cấp cho sứ Việt và sứ Triều Tiên, bảo phải viết 100 người hiền sĩ nổi tiếng. Sứ Triều Tiên cúi đầu suy nghĩ, viết mãi chưa xong. Quốc Trình liền cầm bút viết ngay.

- Khổng môn thất thập nhị hiền, Vân Đài nhị thập bát tướng.

Như vậy là đủ 100 người. 72 người ở cửa Khổng, 28 tướng ở Đài Vân, cộng lại là đủ số.

Quốc Trình về nước. Lúc bấy giờ, Trịnh Tạc đương cho xây đài "Thụ Thiện" ở Thăng Long, dẫn Nguyễn Quốc Trình đến xem và hỏi thử ý kiến. Quốc Trình đáp:

- Thiên hạ sẽ không vui đâu!

Chúa nổi giận hỏi tiếp:

- Thiên hạ rộng, một người làm sao biết được?

Quốc Trình đáp:

- Thiên hạ là lòng Trình. Trình không vui thì biết lòng thiên hạ!

Đêm ấy, sét đánh đài Thụ Thiện tan nát. Trịnh Tạc sợ, việc ấy bèn thôi.

Tuy có lời phân kháng của Quốc Trình, song nếu không có chuyện sét đánh vào đài thì chưa chắc Trịnh Tạc đã chịu thôi chuyện "Thụ Thiện".

*

*

*

Để trang trí cho những hành động quan trọng của mình, các bậc hoàng vương Đông Phương cũng như Tây Phương hay dùng những chữ Thiên mạng, Thiên Ý, dân thanh, dân ý...

Trời ở cao xa làm sao biết được thiên mạng?

Ấy, cứ nghe tiếng nói của dân là biết được ý trời. Thánh hiền cổ La Mã đã nói: "Vox populi, vox Dei", (tiếng nói của dân là tiếng nói của trời vậy).

Để biết rõ ý dân, tiếng nói của dân, họ bày ra những cuộc trưng cầu dân ý.

Như vị Đệ Nhất Tổng Tài của nước Pháp là tướng Bonaparte. Bonaparte muốn làm vua, bày ra cuộc trưng cầu dân ý năm 1802. Tướng Bonaparte lên làm Hoàng Đế, danh hiệu là Napoleon I (Nã Phá Luân Đệ Nhất).

Nhờ có chiến thắng mới lên được ngôi vua. Nã Phá Luân Đệ Nhất cần có thêm nhiều chiến thắng mới nữa để giữ vững đế vị. Nhưng "*Binh vô thường thắng*" việc dùng binh đâu có thể chiến thắng luôn luôn. Mười năm sau, Hoàng Đế nước Pháp phải thoái vị.

Cuộc trưng cầu dân ý là màu son, màu vàng chưng bày cho đẹp mắt thế thôi. Sự thực từ năm 1804 trở đi, dân Pháp rất cần có sự hòa bình yên nghỉ. Cần có sự yên nghỉ mà cứ phải tiếp tục viễn chinh... Điều này mới thực là khổ hận.

Dân khổ thì dân ráng chịu chứ tiếng nói của dân chưa chắc Hoàng Đế đã nghe? Thiên mạng, dân ý, những từ ngữ này chỉ là những xảo thuật văn chương mà thôi hay sao?

Sang thế kỷ XX, chúng ta thấy nhiều từ ngữ mới về chính trị, kinh tế, ngoại giao xuất hiện. Từ ngữ mới, tư tưởng mới xuất hiện. Hành động loài người có gì mới không?

Chắc là văn minh, tiến bộ....

ĐIỂM CUỐI CÙNG CỦA TRÍ KHÔN THỰC DÂN

Điểm cuối cùng của mũi tên nhọn dò cây cung mạnh bắn ra không xoi thủng được tấm vải thưa. Điểm cuối cùng của trí khôn thực dân đành chịu bất lực trước những phản ứng bất ngờ của dân bản xứ.

Reunion là một đảo quốc ở Ấn Độ Dương, gần Mã đảo. Diện tích không bằng một tỉnh nhỏ của Pháp, dân số được độ 40 vạn.

Pháp chiếm cứ đảo này đã lâu đời (trên ba trăm năm) và đặt tên là đảo Bourbon, coi như cương thổ riêng của các vua dòng Bourbons vậy.

Đây là đảo mà Pháp dùng làm nơi lưu đày 2 ông vua Việt Nam: vua Thành Thái và vua Duy Tân.

Sau khi vua Đồng Khánh qua đời, thực dân Pháp rất thương tiếc, muốn đặt Triều đình Huế một ông vua dễ bảo, dễ thương như ông vua vừa mới chết trẻ.

Theo lời tiến cử của De Champeaux, Pháp lập Bửu Lân là con Dục Đức lên làm vua. Dục Đức là ông vua 3 ngày bị bọn quyền thần Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết phế và giam cho chết đói trong ngục. Bửu Lân lên ngôi, ấy là vua Thành Thái. Ông vua này không được dễ bảo, người Pháp viện cớ vua có bệnh thần kinh, cần phải tĩnh dưỡng nên năm 1907, ép vua phải nhường ngôi cho Thái tử Vĩnh San, rồi vào nghỉ mát ở Ô Cáp.

Vĩnh San lên ngôi lúc mới có 8 tuổi. Sĩ phu ở Phú Xuân họp nhau thảo luận kế tội Trương Như Cương đã xúi giục người Pháp làm chuyện đại nghịch bất đạo. Dầu sao, người Pháp cũng được yên tâm vì ông vua 8 tuổi thì còn lâu mới lớn lên được...

Để được yên tâm hơn nữa, người Pháp cho Cựu Hoàng sang nghỉ mát tận đảo Rémion Phi Châu.

Thực dân Pháp tưởng rằng hành động như thế đã là chu đáo và khôn khéo lắm!

Bất ngờ vua Duy Tân còn nhỏ tuổi mà sớm thông minh. Năm 13 tuổi ngài đã đưa thư khiển trách người Pháp vì phạm hòa ước Patenore, xâm phạm quyền hành

của triều đình Huế.

Các nho sĩ cách mạng trong nước tỏ ý hăm dọa vị vua niên thiếu này. Trần Cao Vân tìm cách liên lạc với nhà vua, dâng sớ nói về mối thù quân pháp và nhiệm vụ đánh giặc cứu dân.

Thiên khải Thánh Minh, hữu bài Pháp hưng binh

chi chi.

Địa sinh tuần kiệt, hữu tuất dân thảo tặc chi quyền.

Nghĩa là:

Trời sinh vua Thánh minh, cơ chí lớn hưng binh

đuổi Pháp,

Đất sinh người tuần kiệt, có được quyền đánh giặc

an dân.

Trần Cao Vân cũng nhắc đến việc người Pháp đào xới lăng vua Tự Đức, đây ả vua Thành Thái:

Phụ hoàng Hoàng Đế, hà tội kiến thiên?

Dục Tân tôn lăng, hà cố kiến quật?

Vua Duy Tân gặp được Trần Cao Vân rất là hợp ý. Vua sai đúc bốn ấn Bình - Trị, Nam - Ngãi, Bình - Phú, Khánh - Thuận, chuẩn bị kỹ lưỡng cho nhật kỳ đại khởi là giờ Ngọ, trưa ngày mồng 2 tháng 5 năm Bính Thìn (Dương lịch 08/06/1916)

Khẩu hiệu bí mật là:

Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa.

Thái Phiên lãnh nhiệm vụ Tổng chỉ huy lính khố

vàng ở Hoàn Thành. Ở đồn Mang Cá, ta có một lực lượng nội ứng là viên Thiếu tá gốc người Đức sẵn sàng đem bọn lính Lê Dương yểm trợ cách mạng...

Chiến lược, chiến thuật đều được hoạch định rõ ràng, tường tận.

Nhưng cuộc khởi nghĩa vì tại Quảng Ngãi, viên An sát là Phạm Liệu đã dò xét được sự việc, khẩn cấp mật báo cho Khâm sứ Pháp ở Huế.

Vua Duy Tân ra khỏi Hoàn Thành, vào Quảng Nam bị bắt ở chân đèo Hải Vân... Rốt cuộc, vua bị bắt và bị đày sang đảo Reunion như Phụ Hoàng!

Thực dân Pháp đắc thắng tuy năm 1916 là năm mà ở bên trời Âu, quân Pháp đương bị thua xiểng liểng.

Điều mà thực dân Pháp không dự liệu đến là tại đảo Reunion, Hoàng tử Vĩnh San được quân dân địa phương rất mực kính ái. Ngày nay, tên của ngài được đặt cho một đại lộ sang trọng ở Thủ phủ Reunion trong khi đó tên tuổi những mỹ nhân thực dân bị chôn vùi trong quên lãng.

Cũng nhân tâm ấy há thiên lý nào?

Dân quân đảo Reunion cũng phấn đấu cho quyền tự chủ, độc lập của mình mặc dù qua bao nhiêu biến đổi tang thương, các chính phủ Pháp vẫn coi Reunion là lãnh thổ của Pháp quốc hải ngoại...

CÁI KHÔN TƯƠNG KẾ TỰ KẾ

Tương kế tự kế là nhân cái đã thuận lợi do mưu kế đối phương tạo ra mà mình thực hành, thực hiện mưu kế của mình. Như vậy có cái lợi là mình ít tốn công mà mưu kế của mình thường đem lại kết quả xứng ý.

Thuở cái học khoa cử từ chương còn thịnh hành, trường thi Hương lập ở Bình Định chung cho các tỉnh từ Quảng Ngãi vào đến Bình Thuận. Khoa thi nào mà Quảng Ngãi đoạt được thủ khoa thì dân Quảng thường hát rằng:

Tiểu công Bình Định xây thành,

Để cho Quảng Ngãi vào giành thủ khoa!

Năm nào dân Bình Định đổ đầu thi Hương thì dân Bình Định hát rằng:

Tiểu công Quảng Ngãi đường xa,

Để cho Bình Định thủ khoa một mình.

Dân các tỉnh khác chỉ coi Bình Định có biệt tài về nghệ thuật hát tuồng, hát bội. Ngoài sở trường này ra, các chuyện khác dân Bình Định đều xoàng lắm, không giỏi hơn ai cả.

Đào Tấu là một thầy tuồng, soạn được nhiều vở tuồng có giá trị văn chương. Vì đậu cử nhân có văn tài lỗi lạc nên chẳng bao lâu ông leo lên ghế đường quan, được bổ làm Án sát tỉnh Quảng Ngãi. Ngày ông thăng

đường, có một kẻ vô danh nào đó dán trước chỗ ông làm việc 4 chữ: *hát hay, học dở*.

Thuộc hạ xin xóa 4 chữ hỗn láo kia đi rồi sẽ truy cứu thủ phạm sau. Ông cười, bảo cứ để yên đó, đừng có xóa đi, để ngày mai sẽ biết.

Hôm sau, công chúng tụ tập trước công đường, đọc câu đối rất chỉnh, nét chữ bay bướm rất đẹp.

Hát hay chính kếp Qui Nhơn thiệt

Học dở làm quan Quảng Ngãi chơi!

Công chúng được một buổi cười vui. Anh chàng nào tác giả vô danh 4 chữ “Hát hay, học dở” chắc là trốn biệt vì mắc cỡ. Mình đặt điều biếm nhẽ người ta, không ngờ lại bị người ta lật ngược thế cờ, chơi cho mình một đòn đích đáng. Ấy cũng chỉ vì học dở nên mới phải ra Quảng Ngãi làm quan chơi!

Ông Đào chỉ nối tiếp câu đối “*Hát hay, học dở*” có sẵn.

Lại như chuyện chàng thanh niên sĩ tử Phan San (sau này là Phan Bội Châu). Hồi đó, cũng như những thanh niên Nghệ Tĩnh khác, Phan San rất thích đi hát ví, hát đối với các thôn nữ có thanh sắc mặn mà. Một buổi chiều trời mưa phùn rét mướt, đường sá lầy lội, trơn trượt, chàng và đám bạn trai lần mò đến nơi hạnh ngộ. Vừa đi vừa phải mím ngón chân cái xuống đất, sợ ý một chút là trượt té lăn cù... Sự sợ ỷ, lơ đãng của các chàng là do sự chăm chú ngó nhiều các thiếu nữ. Phan San trượt chân té

trước sân. Bầy thiếu nữ cười rộ. Một cô cất tiếng lanh lảnh hát rằng:

Đến đây, đàn hát vui xuân

Khẩu đầu, lạy tạ trước sân làm gì?

Bầy thiếu nữ đắc ý, cười rộ càng to hơn.

Phan San ứng khẩu hát đáp ngay rằng:

Đất đâu có đất lạ lòng,

Bấm thì không chịu, nằm cùng lại cho!?

Nghe câu hát bốn cọt có duyên này, bầy thiếu nữ mắc cỡ, im bật tiếng cười.

Mãi một lúc sau, mới có một cô có học vấn và có lòng yêu nước hát lên một câu giữ thể diện cho chị em và kêu gọi tinh thần yêu nước của nam giới.

Mấy lâu, anh bận việc chi nhà,

Núi Hoành Sơn lở anh đã biết chưa?

Đây là một việc trọng đại, đâu có phải là việc đàn hát tầm thường. Phan San vặn hỏi lại cô thiếu nữ biết quan tâm đến thời cuộc:

Tại nghe miệng em nói, dạ anh cũng trù trù

Núi Hoành Sơn lở rằng chừ rửa em?

Tiếng địa phương rằng chừ, tiếng quốc văn phổ thông là bao giờ.

Phải có tài ứng đối mau lẹ thì mới tương kế tựu kế hữu hiệu, chuyển bại thành thắng được.

*

* *

Có khi những cuộc hát ví, hát đối biến thành những cuộc đấu chữ nghĩa văn chương.

Những người đến tham dự thường đã nổi danh trong một vài phủ huyện. Người đến chậm bị các thiếu nữ công kích bằng câu chất vấn:

Tối tăm biết Trúc là Mai,

Biết Đào là Liễu, biết ai mà chào?

Người mới đến sẵn có một túi văn chương, những kiến thức sâu sắc về địa phương chí, vừa trả lời vừa đổ lại:

Đào Nguyên một dải thanh thanh

Tiền Triều đã định liên thành còn im!

Các cô thôn nữ làm sao có những hiểu biết thông thái về địa lý, lịch sử? Đành phải cầu viện nơi Phan San. Chàng thanh niên học rộng biết nhiều này bao giờ cũng có tấm lòng hào hiệp, gỡ giùm thế bí cho các cô thiếu nữ. Gỡ ngay bằng câu:

Hương Sơn là chốn quê nhà,

Phải tên danh Bích có là đúng không?

Hương Sơn là tên của một huyện của tỉnh Hà Tĩnh. Đào Nguyên là tên gọi khác của sông Ngân Phố, Tiền Triều là tên gọi khác của làng Tuấn Lễ.

Liên Thành vì Bích là chuyện hòn ngọc Hòa Bích

mà đời Chiến Quốc, nước Tàu muốn đem 15 thành đổi lấy ngọc quý.

Phải là Phan San thì mới hất đổi ngay được khiến tên Bích phải bái phục.

Những câu đố, câu hỏi bao giờ cũng tàng trữ ít nhiều nhâ thú văn chương. Có lẽ ngày nay những tập tục văn hóa ấy vẫn còn được lưu truyền và tiến triển.

SỢ LÀ KHÔN, KHÔNG BIẾT SỢ LẠI CÀNG KHÔN

Sợ là một cách đối phó với mọi sự nguy hiểm. Biết rằng nơi đó là nơi nguy hiểm thì đừng có đến làm chi. Biết rằng việc đó nguy hiểm thì đừng có làm. Phải hiểu nghĩa bốn chữ "*Minh triết bảo thân*" cho tinh tường mới được.

Người không biết sợ có khi đối phó với mọi sự nguy hiểm một cách hữu hiệu hơn. Họ không coi việc đó là nguy hiểm thì việc đó không xảy đến. Như người đi rừng không sợ cọp, cọp sợ người đó bình tĩnh nên không dám tấn công. Đường người, người đi; đường cọp, cọp đi; không bên nào uy hiếp bên nào, cả hai bên đều yên lành, vô sự. Thật là chuyện tốt đẹp.

Sử sách Việt Nam ghi lại rất nhiều chuyện hiếu tử

không sợ cạp, làm nhà tranh bên cạnh mộ cha mẹ. Khuya sớm ra vào thường gặp cạp luôn mà không hề bị cạp làm hại. Đâu có phải cạp biết quý đạo nghĩa hiếu tử mà không gia hại cho người hiền lương? Hiếu tử được an toàn là vì hiếu tử không biết sợ cạp. Cạp thấy người ấy không sợ nên nó không dám ra oai hiếp chế, thế thôi.

Khi người ta sợ, cái capsule thượng thận tiết ra nhiều chất adrenaline thấm vào máu. Thú dữ đánh hơi được chất adrenaline, biết rằng người ta sợ nó, nó tấn công thì chắc thắng nên nó mới tấn công.

Người bình tĩnh không sợ thì capsule thượng thận không tiết ra chất adrenaline, thú dữ đánh hơi không thấy có chất này nên nó không dám ra oai tấn công. Sự việc diễn tiến đơn giản như thế đó.

Phạm Văn Thu người huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, cha mất sớm, thờ mẹ rất có hiếu. Khi mẹ chết, làm lều ở bên mộ 3 năm. Mộ ở gần núi, đêm đến cạp thường đi lại bên mộ. Thu không sờn lòng, cứ giữ mộ như thường mà cạp cũng không làm hại gì cả.

Tô Thiện cũng là người huyện Đồng Xuân, thờ cha mẹ rất có hiếu. Lúc cha chết, Thiện đội đá xây mộ, làm lều ở bên mộ 3 năm. Lúc mẹ chết, Thiện cũng đội đá xây mộ và làm lều giữ mộ mẹ. Đi về thường gặp cạp mà Thiện vẫn được bình yên.

Nguyễn Phác cũng là người Đồng Xuân, có hiếu nghĩa giống như Tô Thiện, Phạm Văn Thu. Cha chết,

làm lễu ở bên mộ, bữa thường cúng cơm, hầu hạ vong linh cha như khi cha còn sống. Mộ ở gần núi có nhiều cọp, Phác không hề né tránh, thản nhiên đi về, cọp cũng không hề làm hại.

Chuyện của Lê Văn Trạch, người huyện Tuy Hòa, đồng tỉnh Phú Yên cũng tương tự như mấy chuyện trước. Những hiếu tử này đều được Triều đình Huế biểu dương.

Đại Nam Nhất Thống Chí là bộ sách ghi chép về địa lý Việt Nam, rất chú trọng đến phần địa lý nhân văn nên không bỏ sót những chuyện hiếu tử, liệt nữ.

MỸ NHÂN KẾ

Lợi dụng nhan sắc hương phấn nữ giới vào các công tác chính trị, quân sự, tư pháp... là dùng mỹ nhân kế.

Kế không tân kỳ, trái lại còn xưa như quả địa cầu. Kế không có đặc sắc, trái lại nó rất phổ thông. Tuy vậy, nếu biết dùng nó vẫn đem lại nhiều hiệu quả, có khi hiệu quả vượt quá sự mong muốn của người dùng.

Thế kỷ thứ XVI, lúc mới vào Hoành Sơn lập nghiệp chúa, Nguyễn Hoàng phải đối phó với nhiều công tác khó khăn, nào là phải lo cung ứng thuế khóa cho chúa Trịnh ở Thăng Long, nào là phải chiêu dân khẩn hoang lập sở, làm sao cho đất Thuận - Quảng mau phồn vinh, cường thịnh.

Trong lúc cơ sở chưa bền sâu gốc rễ thì Lập Quận Công nhà Mạc đem quân vào đánh. Mưu đồ của nhà Mạc là khôi phục đất Tân Bình, Thuận - Quảng để dùng nơi đó làm cơ sở trung hưng. Chúa Tiêu lo lắng, đêm nằm mộng nghe có tiếng sóng vỗ và phảng phất như có bóng dáng người đẹp... Tỉnh dậy, chúa Tiêu nghĩ rằng có lẽ thần dân bảo nên dùng mỹ nhân kế chăng? Chúa tìm được một người đẹp nào đó, sai đem dâng cho tướng nhà Mạc. Lập Quận Công mê say, lo vui chơi với người đẹp,

quên cả việc phòng thủ dinh trại. Chúa Tiêu Nguyễn Hoàng xuất binh đánh úp thu được lương thực, khí giới rất nhiều. Lập Quận Công may mắn lắm mới chạy thoát được.

Chúa Tiêu Nguyễn Hoàng thắng một trận lớn. Từ đó, người nhà Mạc không ai dám dõm ngó đến phần đất cường thịnh này.

Thế kỷ XVII, chúa Nguyễn Phúc Thái mở đất vào Châu Lạp. Đệ Nhất Quốc Vương Châu Lạp đóng ở Nam Vang đào hào, đắp lũy, sắm dây xích sắt ngăn sông, sai tướng Ốc Nha Cống Sa đắp các đồn Sa Đồi, Câu Nam để làm kế trường kỳ phòng thủ.

Chúa Nguyễn Phúc Thái sai Mai Vạn Long đem quân dinh Trấn Biên tiến đánh.

Để có đủ thì giờ hoàn thành các cơ cấu phòng thủ. Nặc Ông Thu sai một thiếu nữ là Chiêm Dao Tân đến trước viên môn của Mai Vạn Long dâng lễ vật khao quân. Chiêm Dao Tân có nhan sắc tuyệt đẹp, giỏi đàn hát, ca múa, làm cho chủ tướng quân Việt mê say, không nghĩ gì đến việc tiến binh thần tốc.

Chúa Nguyễn Phúc Thái nổi giận, sai Nguyễn Hữu Hào đến thay thế Mai Vạn Long. Đến lượt Nguyễn Hữu Hào cũng bị Chiêm Dao Tân làm cho mê mẩn.

Nặc Ông Thu sai Chiêm Dao Tân xin với Nguyễn

Hữu Hào giảm nhẹ cho các điều khoản quy hàng. Rốt cuộc Nặc Ông Thu giữ vững được địa vị Quốc Vương, giữ lễ triều cống.

Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Thái thấy không cần dùng đến đại binh vẫn tội Châu Lạp nên cũng thuận cho Nặc Ông Thu quy hàng.

Thành ra nhan sắc của Chiêm Dao Tân giữ cho một dải đất Trấn Biên- Nam Vang khỏi đại nạn binh đao khói lửa.

*

*

*

Cổ sử Hy Lạp có ghi một chuyện mỹ nhân kế lý thú, người bị chinh phục là các quan tòa ở thị trấn Nhã Điển.

Nguyên Phryne là một giai nhân tình nguyện làm người mẫu cho nhà tạc tượng Praxutele tạo một tượng nữ thần nhan sắc. Praxutele tạc tượng rất thành công nhưng Phryne phải ra hầu tòa vì có người tố cáo nàng đã dùng tà thuật mê hoặc lòng người. Nhà hùng biện Hyperide lãnh nhiệm vụ khó khăn bào chữa cho nàng. Ông đã dùng mọi thứ lý lẽ nhưng vô hiệu. Các quan tòa vẫn đinh ninh là Phryne có tội. Hyperide nảy ra một sáng kiến. Ông giật phất chiếc áo choàng Phryne đang mặc trên người rồi chỉ vào đôi gò bồng đảo của nàng mà bảo rằng.

- Các ngài trông đây!

Sau khi được ngắm kỹ bộ ngực trần tuyết diễm của nàng, các quan tòa đều đồng ý với luật sư:

- Người này vô tội!

Hyperide đã thành công, gỡ cho thân chủ mình một tội danh ghê gớm.

BỆNH NHÂN KẾ

Mưu kế ly kỳ! Điểm khôn là ở nơi người biết sử dụng. Đối phương bị mắc mưu vì họ hoàn toàn bất ngờ.

Trong trận chiến tranh Mỹ - Nhật ở Thái Bình Dương những năm 1942 - 1945, một thiếu phụ Phi Luật Tân là Josefina Guerrero đã lợi dụng bệnh phong hủi của mình để làm liên lạc viên cho quân kháng chiến Phi, giúp cho quân Mỹ nhiều tài liệu rất quan trọng. Tháng 9 năm 1944, Josefina chuyển giao đến các cấp chỉ huy Mỹ một bản đồ về cách bố trí trận tuyến Nhật. Nhờ tấm bản đồ này, phi cơ Mỹ đã oanh tạc tan nát nhiều ổ trọng pháo Nhật. Tuy bị thiệt hại nặng nề đau đớn như vậy mà giới quân sự Nhật, kể cả Kempei Tai vẫn không nghi ngờ mảy may nào về vai trò nguy hiểm của Josefina.

Đâu phải Sở phòng gián Kempei Tai của Nhật bất tài. Sở này đã khám phá ra nhiều ổ kháng chiến của Phi, bắt được nhiều người làm gián điệp, làm mật vụ cho Mỹ. Trong những giờ phút cực kỳ quan trọng, Josefina vẫn qua lại trước mắt lính Nhật một cách dễ dàng. Lính Nhật không bao giờ khám xét Josefina vì sợ bị lây bệnh hủi.

Đầu năm 1945, khi sắp đổ bộ lên Manila, thủ đô Phi Luật Tân, quân đội Mỹ được Josefina chuyển giao cho kịp thời một bản đồ về các bãi mìn của Nhật. Nếu quân đội Mỹ cứ hành binh theo những bản đồ cũ thì số thiệt hại về nhân mạng sẽ lên rất cao, cuộc đổ bộ đã thất bại hay sẽ được tái cử vào một địa điểm khác.

Mỹ nhân kế dùng sắc đẹp giai nhân, bệnh nhân kế dùng bệnh tật của bệnh nhân, hai thứ mưu kế này tương phản nhau. Điểm tương đồng là cùng đạt được mục đích như đã dự định.

Tôn Vũ nói:

- Phi thánh trí bất năng dụng gián.

Phải chăng có thánh trí cực kỳ thông minh mới sử dụng gián điệp. Kẻ làm gián điệp cũng phải thông minh, hiểu rõ về nhiệm vụ quan trọng và nguy hiểm của mình.

Ta và đối phương cũng đấu trí, ai khôn hơn thì thắng. Cuộc đấu trí phân biệt rất quyết liệt. Nhiều khi kẻ lãnh nhiệm vụ gián điệp phải hy sinh cả tính mạng để

cho bí mật được bảo toàn.

Như trong thời nhà Nguyễn Tây Sơn và nhà Nguyễn Gia Miêu tranh hùng ở thành Bình Định. Quân của nhà Nguyễn Gia Miêu lấy được Tổng Thành của nhà Tây Sơn để Võ Tánh trấn giữ. Tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu quyết chí khôi phục đắp trường lũy vây khốn Võ Tánh ở trong thành. Võ Tánh sai nữ gián điệp Nguyễn Thị Hảo lẻn trốn ra, dâng mật kế của Võ Tánh cho Nguyễn Vương Phúc Ánh. Ý của Võ Tánh là nhân lúc Tây Sơn tập trung quân lực ở Bình Định thì ở ngoài Phú Xuân (Huế) binh lực Tây Sơn ắt là thừa thớt, yếu kém. Như vậy nên thừa hư mà tập kích Phú Xuân, chắc là đại thắng.

Trên đường liên lạc, Nguyễn Thị Hảo bị quân Tây Sơn chặn bắt được. Bị khảo đả dữ dội Thị Hảo vẫn can đảm chịu đòn, chứ không chịu khai báo gì. Thừa lúc quân canh sơ ý, Thị Hảo nhảy xuống nước, tự trầm để bảo toàn bí mật quân sự.

Đại Nam nhất thống chí ghi chuyện Thị Hảo vào danh sách liệt nữ.

Lại như Đặng Thị (không rõ tên) người huyện Chân Định, tỉnh Nam Định. Đặng Thị lấy chồng là Nguyễn Đình Chức, được một con. Chồng chết trẻ, Đặng Thị thể giữ tiết nghĩa không cải giá. Lúc bấy giờ cô viên

quan nhà Tây Sơn thấy thị có nhan sắc, muốn cưỡng ép việc nhân duyên. Đặng thị bôi lọ mặt mày, giả làm người điên, viên quan nọ thấy thế bèn thôi việc cưỡng ép. Nhờ mưu kế giả điên, bôi lọ nhan sắc, Đặng Thị giữ trọn vẹn danh tiết của mình.

Nhan sắc xinh đẹp có chỗ dùng, nhan sắc lem luốc cũng có chỗ dùng, biết chỗ nào đáng dùng thì đem ra dùng, đó mới thật là có mưu trí khôn ngoan.

VỊ THA: KHÔN VÌ XÃ HỘI

Vị tha trái với vị kỷ. Người vị kỷ thường lo nghĩ thực hiện những điều gì có ích lợi cho riêng bản thân mình, nhiều khi lơ là với tình cảm gia đình, gia tộc. Người vị tha thường có thói quen chú trọng đến xã hội đương thời hoặc những thế hệ tương lai.

Những kẻ sĩ có ước nguyện thi đỗ cao làm quan lớn đều vương vís những ý nghĩ vinh thân, phì gia, ít người còn nhớ đến lý tưởng giúp dân, giúp nước. Giữa hai con đường vị kỷ, tư lợi và vị tha, vị dân, đa số người đời – kẻ sĩ hay không phải kẻ sĩ thường chọn lựa con đường thứ

nhất. Thắng hoặc cũng có một vài kẻ sĩ kiệt xuất, nghĩ đến việc tạo sinh kế cho dân chúng thì những vị đó được ghi tên vào sử sách, lưu danh tiếng ngàn đời.

Đời Nguyễn Gia Miêu cũng có sắc phong tặng. Những tám gương vị tha ấy sáng chói ngàn thu. Một ông Thám Hoa, một ông Trang nguyên, một vị Sử thần, quan chức to lương bổng hậu! Đủ quá rồi! Can gì phải học nghề khắc bản in, dệt chiếu cho tốn sức lao động, khổ sở đến tẩm thân? Hai ông Lương Như Hộc, Phạm Đôn Lễ tìm thấy ý nghĩa cao thượng của cuộc sống trong việc giúp ích người đồng bang. Dân chúng phụng thờ hai ông là hợp lý và tỏ ra dân có lòng trung hậu, uống nước nhớ nguồn.

Nếu đem cái tài trí học nghề ấy mà tính chuyện buôn bán làm giàu thì chắc hai ông thừa sức đạt được sự hào phú. Nhưng sự hào phú ấy chưa chắc đã có ích lợi cho ai! Nghề khắc bản in, nghề dệt chiếu chẳng những có ích lợi cho dân đời Lê mà ân huệ còn thấm nhuần cho dân nhiều đời sau nữa. Triều đại có đổi thay, hết triều Lê đến triều Nguyễn, sắc phong tặng chứng tỏ cái học thực nghiệp của hai ông thật là khôn ngoan làm vẻ vang cho lịch sử, cho đất nước.

Học được một nghề khéo, truyền dạy một nghề khéo, những công việc này mở rộng sinh kế đem lại biết bao nhiêu tài nguyên... Học như thế mới làm sáng tỏ đạo

lý thánh hiền, trên là tận trung với nước, dưới là quản ích cho dân.

Lại như Lương Văn Chánh, người Tuy Hòa, có chí lớn, không theo cái học cử nghiệp, chuyên tâm về việc khẩn hoang. Ông chiêu mộ dân nghèo xiêu tán, hướng dẫn khai phá ruộng hoang, làm cho dân Trấn Biên (Biên Hòa) qui thịnh. Sau được triều Nguyễn phong làm phúc thần.

Sinh thời, ông ở đâu là phước đức cho dân cày nghèo khổ đến đó. Dân ở xã Định Phui, phía tây huyện Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên) là lệ phu coi sóc đền thờ ông ở phía đông núi Tượng Sơn. Hương khói và danh hiệu ông còn lưu truyền đến tận ngày nay.

Cái học của kẻ sĩ quân tử, bất luận học văn, học võ, học nghề đều thấm nhuần đạo lý vị tha, bác ái.

NHỮNG THIẾU NHI THÔNG MINH

Mensa là câu lạc bộ những thần đồng thông minh bậc nhất thế giới. Tạp chí N.Enquirer tháng 3.1996 có giới thiệu và đăng ảnh em bé Benjamin Woods mới hai

tuổi rưỡi đã biết đọc sách cho... cha mẹ nghe! Chỉ số thông minh của em bé là 140. Đúng như lời nhận xét của ông Dave chatten "*Cậu bé là một thiên tài hiếm có*"

Xét thi sử đời Đường, Bạch Cư Dị lúc mới biết bò đã phân biệt được 2 chữ "*chi, vô*", thử cả hàng trăm lần không sai một!

Lịch sử Việt Nam ghi rằng năm Thiên ứng Chính Bình thứ 15 (1246) Nguyễn Hiền thi đỗ giải Nguyên, năm sau thi Hội (1247) đỗ Trạng Nguyên. Lúc bấy giờ Nguyễn Hiền mới có 13 tuổi.

Trạng nguyên là người thôn Dương A, xã Nam Thắng, huyện Nam Ninh (phủ Thiên Trường lộ Sơn Nam) nay thuộc tỉnh Nam Hà.

Lúc vào thi Hội, người xướng ngôn kiêng tên quan chánh chủ khảo, đọc trại tên đi, Nguyễn Hiền không chịu vào. Đến khi người xướng ngôn xin phép chánh chủ khảo, gọi đúng tên, cậu bé mới lếch thếch bước vào. Quan chánh chủ khảo thử tài ra cho một câu đối:

Lạn Tương Như, Tư Mã Tương Như, danh tương như, thực bất tương như!

Nghĩa là Lạn Tương Như người đời Chiến Quốc, Tư Mã Tương Như người đời Hán, cũng có tên giống nhau Tương Như nhưng thực ra đâu có giống nhau. Ý của quan chánh chủ khảo muốn bảo cho thí sinh biết rằng tao tên Hiền, mày cũng tên Hiền, song mày làm sao giống được tài của tao. Thí sinh đối ngay:

Ngụy Vô Kỵ, Trưởng Tôn Vô Kỵ, bỉ vô kị, ngã diệc vô kị!

Ngụy Vô Kỵ là Tín Lăng quân nước Ngụy, trưởng Tôn Vô Kỵ là người đời Đường, họ không sợ (vô kị), ta cũng không sợ!

Ý của Nguyễn Hiền muốn nói khéo với quan chủ khảo rằng tôi không sợ gì tài của ông đâu! Thấy thí sinh bướng bỉnh, quan chủ khảo ra tiếp một câu:

Xỉ tính cương, thiết tính nhu, cương tính bất như nhu tính cửu.

Răng tính cứng, lưỡi tính mềm, tính cứng bì sao được với tính mềm về sự trường cửu. Quan chủ khảo muốn dạy cho Nguyễn Hiền bài học khiêm tốn, mềm dẻo. Nguyễn Hiền hiểu ý, chọi ngay:

Mi sinh tiền, tu sinh hậu, tiền sinh bất cập hậu sinh trường.

Nghĩa là lông mày sinh ra trước, râu sinh ra sau nhưng cái sinh ra trước đâu có thể so với cái sinh ra sau về chiều dài! Ngụ ý mày sinh trước, tao sinh sau nhưng tao có tài hơn mày.

Khoa thi năm Bính Ngọ (1246) Nguyễn Hiền đỗ Trạng nguyên, danh tiếng lừng lẫy. Người đậu Bảng nhãn là Lê Văn Hưu có công rất lớn với nền sử học nước Đại Việt.

Lúc bấy giờ, nhà Nguyên làm chủ đất Trung Hoa, sai sứ sang nước Việt thám thính tình hình chính trị,

quân sự. Sử Bắc Quốc ra một câu đố hiểm hóc:

Lưỡng nhật bình đầu nhật,

Tứ sơn diên đảo sơn.

Lưỡng vương tranh nhất quốc,

Tứ khẩu tọa đông bán!

Trong triều nhà Trần, không ai giải đáp được. Lúc này, Trạng nguyên Nguyễn Hiền còn vui chơi ở nhà. Vua Trần phải sai người triệu thỉnh về. Trạng nguyên xem qua câu đố, cầm bút viết ngay một chữ “*Diễn*”. Sử giả Bắc Quốc vừa kinh ngạc, vừa thán phục!

Lại một lần nữa, sử giả phương Bắc viết 2 chữ “*Thanh Thúy*” Trạng nguyên Nguyễn Hiền khuyên vua Trần nên bố phòng biên giới cho thật nghiêm mật. Chiết tự hai chữ “*Thanh Thúy*” là thập nhị nguyệt xuất tốt, tháng mười hai ra binh!

Quả nhiên, quân Hồ Nguyên chuẩn bị tập kích Đại Việt nhưng thấy bên ta đã đề phòng cẩn thận nên họ phải rút binh về.

Trạng nguyên Nguyễn Hiền còn hiến kế cho vua Trần kiến tạo đê điều, khai thông các ngòi nước. Vì vậy, Trạng được lĩnh chức Thượng thư bộ công.

Năm Ất Mão (1255) Trạng không bệnh mà chỉ mới hưởng dương được 21 tuổi.

Đền thờ Trạng ở Dương A có bức đại tự đề:

Khai quốc Trạng nguyên từ

Và có câu đối:

Danh dăng Nam Bắc sinh tri Trạng

Linh trạc giang sơn quốc tế thần!

Nghĩa là danh tiếng vang lừng suốt hai nước Trung Hoa, Đại Việt, Trạng là bậc sinh tri. Non nước anh linh, Trạng hưởng lễ tế của nhà nước.

Trạng được gia hiệu Trác Vỹ Thượng đẳng thần.

NHAN SẮC VÀ TIẾT NGHĨA LỰA CHỌN ĐƯỜNG NÀO?

Gia đình là tế bào nguyên thủy kiến trúc xã hội. Gia đình phải có gia giáo nghiêm minh thì xã hội mới có kỷ cương trật tự.

Nội dung giáo dục khác nhau, nhưng gia trưởng nào cũng phải chú trọng đến nam đức và nữ đức.

Nam đức dựa trên cơ sở trung hiếu.

Nữ đức gồm có 4 điểm chính: công, dung, ngôn, hạnh.

Công là sức lao tác siêng năng tề gia, nội trợ.

Dung là diện mạo đoan trang, giữ gìn phẩm hạnh trong sáng.

Ngôn là lời nói ôn hòa, nhã nhặn, bảo vệ lẽ phải,

đường ngay.

Hạnh là những việc làm trung chính, gây được thiện cảm kính nể của những người chung quanh, khôn khéo trong mọi sự giao tiếp.

Gia huấn ca của Nguyễn Trãi có những câu:

Phận con gái ở cùng cha mẹ,
 Phải dốc lòng học khéo, học khôn.
 Một mai xuất giá hồi môn,
 Phận bỏ liều giá trong như ngọc.
 Khéo là khéo bánh trong, bánh lọt.
 Lại ngoan nghề dệt vóc, may mền.
 Khôn là khôn lẽ phải, đường tin.
 Lại trọn đạo nâng khăn, sửa túi.
 Khôn chẳng tưởng mưu lừa, chước dối,
 Khéo chẳng khoe vẽ lịch chiêu trai.
 Xưa nay hồ dễ mấy người.
 Miệng khôn tay khéo cho ai được nhờ?

Người yếu điệu thực nữ phải biết khôn khéo. Gặp những trường hợp khó xử, cần phải lựa chọn giữa danh tiết và nhan sắc thì người phụ nữ hiền thực can đảm hy sinh nhan sắc, tính mạng để giữ cho danh tiết được vẹn toàn.

Lịch sử Việt Nam không thiếu những tấm gương nghĩa sĩ hào hùng cũng như những tấm gương kỳ nữ, liệt nữ.

Nguyễn Thị Phiêu người huyện Bồng Sơn, có nhan sắc, năm 20 tuổi bị tên Trần Văn Thụ cưỡng hiếp. Thị không chịu, tên Thụ giận bóp cổ cho chết. Năm Minh Mạng thứ I (1820) được biểu dương.

Bùi Thị Tâm, người huyện Tuy Phước, bị người cùng làng là Võ Đăng Hi đến cưỡng hiếp, thị lên được vào nhà, đóng cửa chửi mắng, tên Hi giận đâm chết. Năm Minh Mạng thứ 16 (1835) được biểu dương.

Phạm Thị Xuyên, người huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, có chồng là Nguyễn Tín, người cùng làng, sinh được con trai là Giám sinh Nguyễn Ái. Thị nhà giàu, người đẹp, biết chữ từ thuở nhỏ. Năm 19 tuổi góa chồng. Thị thờ mẹ chồng, nuôi con, thân thể lem luốc, quần áo rách rưới, tự thề giữ tiết cho đến chết. Khi con là Giám sinh Nguyễn Ái chết, thị thành tuyệt tự, thương khóc con quá đến nổi mất ngủ.

Vợ Nguyễn Ái cũng kiên trinh khắc khổ, hiếu kính thờ mẹ chồng, người làng thương mến. Quan tỉnh đề bạt, năm Tự Đức thứ 10 (1858) được biểu dương.

Nguyễn Thị Trinh, người huyện Yên Khánh, là vợ Hà Văn Giám, người cùng làng. Lúc Văn Giám mất, thị chưa có con, để tang chồng giữ hết lễ. Khi hết tang, thị tự tử, táng phụ bên cạnh mộ chồng. Năm Tự Đức thứ 18 (1866) người làng lập mộ chí và để ruộng sung việc thờ tự.

Như Phạm Thị Xuyên, Nguyễn Thị Trinh đáng

được coi là những bậc kỳ nữ. Tấm gan trinh liệt quyết tử của Nguyễn Thị Trinh được dân địa phương cảm phục. Lập mộ chí, lưu kỷ niệm tôn thờ không đợi đến Triều đình ban ơn khen ngợi.

Đức hạnh cao quý khiến người đời cảm phục hơn nhan sắc diễm kiều. Tiết nghĩa trọng như sơn là thế đó.

NGHỆ THUẬT... CHỬ

Người bình dân những khi bị thất thoát tài sản thường dùng tiếng chửi bới để cho hả cơn giận bưng bưng trong tim gan. Lời chửi bới nhiều khi có vần, có điệu. Những mục đàn bà thôn quê đã đưa việc chửi bới lên đến hàng nghệ thuật. Khi cần phải chửi việc... mất gà:

Tao mất một con gà vàng khoang cổ,

Tao mất một con gà nổ lang bông.

Bây về bây nấu nồi đồng,

Bây nấu nồi đất

Bây ăn lật dật

Bây ăn bằng mọ

Bây ăn cho nó

Bây nghe tao chửi.

Tam canh mỗ nội

Xóm hội, xóm phường.

Lư hương bát nước

Xóm trước, xóm sau

Xóm bản, xóm ngái.

Bọn bây xúm lại

Ăn hại gà tao

Bây ăn làm sao?

Nói ra nghe thử!

Có một nhà thơ bị mất gà, thấy việc réo chửi tốn nhiều sức lao động quá nên đã làm một bài thơ bảy tám câu dán ở chuồng gà cảnh cáo và chửi kẻ trộm:

Tao đây có mất một con gà.

Bây bắt nó rồi, hãy thả ra

Đứa lớn dạy răn cùng đứa nhỏ,

Đàn ông khuyên nhủ với đàn bà.

Buông tha chồng dặng về mừng vợ,

Chấp chứa con thời chết bỏ cha!

Nuôi nấng quá công, tao quá tiếc

Xóm gần ráo riết đến làng xa!

Mất có một con gà mà rửa nộ đến cả vợ chồng, cha con người ta, như vậy kể ra cũng có phần độc ác quá đáng... Phải rửa nộ sâu độc như thế họa may bọn nó mới chữa bớt thói gian tham đi!

Tên trộm gà ý chừng cũng là một nhà thơ nên chẳng những không chịu chữa mà còn đe dọa phát triển

tài nghệ trong một phạm vi rộng rãi hơn nữa.

*Tôi đây vừa bắt một con gà
Bắt đặng nó rồi chẳng thả ra
Đứa lớn nhỏ lông cùng đứa nhỏ
Đàn ông kho nấu với đàn bà.
Phao câu béo lấm, chồng nhường vợ,
Chéo cánh ngon giòn, con kính chu.
Nuôi nắng chi đây mà quá tiếc
Xóm gần bắt riết đến làng xa.*

Chuyện mất gà và chuyện bút chiến chắc đem lại cho chúng ta một vài nụ cười lý thú.

*

* *

Đời trước, sĩ phu nho học đối nghệ thuật chữ thành nghệ thuật khen để mà chữ một cách thâm độc khiến cho đối tượng bị chữ khen phải im thin thít không biết đối phó bằng cách nào.

Đối tượng bị chữ khen này là một vị đại quan, một vị khoa bảng, một nhà thơ có danh tiếng: Dương Khuê. Ông được triều đình Huế phong chức Thái tử Thiếu Bảo.

(Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo là 3 vị quan lớn chuyên trách dạy dỗ Thái tử. Ông vua tương lai của đất nước. Thiếu Sư, Thiếu Phó, Thiếu Bảo, giúp cho 3 vị trên hoàn thành công tác giáo dục trọng đại).

Một nho sĩ đã ca tụng Dương Khuê bằng một câu đối như sau:

Sung sướng thay cụ Thiệu Vân Đình! Con đỗ Cống, cháu đỗ Nghè, nay vui mừng sắc phẩm vua ban, mề đay Tây phát, đã đắc lợi lại thêm danh Trời riêng một nhà, gặp hội bông jua nhiều sự tốt!

Bông Jua là Bonjour, tiếng chào mừng ngày tốt đắc lợi thêm danh. Ai dám sánh với vinh dự, vinh hạnh của cụ Thiệu? Vế đối trên nói về sự nghiệp, gia đình của vị đại quan làng Vân Đình huyện Sơn Minh, tỉnh Hà Nội.

Vế đối dưới chê quan Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền không thức thời vụ:

Đau đớn nhẽ quan Hoàng Liêu Bạt, chồng một nơi, vợ một nẻo, sao chẳng nghĩ chức trọng quyền cao, bổng lương hưu trí. Nay trèo đèo, mai lặn suối, đất chung cả nước, một mình gánh vác có ai khen?

Khen cụ Thiệu, chê quan Hoàng, người làm câu đối nói trên hẳn đã nhiều phen đau lòng vì thời thế, thời cuộc.

Cùng một tâm trạng đau buồn như thế, Phạm Văn Ngôn đã đi mừng cho Vương Hữu Phú, người đỗ đầu khoa thi Đình, một câu đối nói về thành tích khoa bảng của gia đình họ Vương.

Phụ giáp ư Hương, huynh út ư Hội, quân khôi ư Đình, khoa hoạn nhất môn Trung, quốc sủng gia Khương

như thử đã!

(Cha đầu trường Hương, anh nhì trường Hội, ông lại nhất trường Đình, khoa hoạn một nhà đầy, ơn nước phúc nhà như thế đó!)

Một vế đối khen được ba người, khen suốt, khen đủ, không bỏ sót ai cả. Trong lúc gia đình họ Vương vẻ vang, vinh hiển thì có những kẻ khác không được may mắn như thế.

Phan du vu Nhật, Đặng hệ vu tù, Ngô Lưu vu hải, công danh thiên lý ngoại, cấm bào hoa hốt vị hà tai?

(Phan sang tận Nhật, Đặng nhốt trong tù, Ngô đầy cuối biển, công danh ngoài ngàn dặm, bào thù hốt chạm để phân ai?)

Phương thức hành văn của Phạm Văn Ngôn cũng giống như cách lập ý của tác giả câu đối mừng cụ Thiệu Văn Đình. Có người nói tác giả câu đối thâm thúy ấy là của một vị gia sư trong gia đình cụ Thiệu. Khỏi phải nói thì ai cũng biết cụ Thiệu vội vàng cho thầy nghỉ việc về quê.

Cũng có kẻ nói tác giả câu đối mừng cụ Thiệu là Phan Văn Diệu, người làng Đông Thái, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Những lời chê khen đó đã truyền tụng được đến trăm năm. Và chắc còn truyền tụng được lâu hơn nữa. "*Ngôn bất văn, truyền bất viễn*", lời nói không có văn chương truyền đi không được xa. Như vậy đủ biết sức

manh văn chương trong nghệ thuật khen chê, chê khen nhiều ẩn ý.

DỌA CHƠI CHỮ KHÔNG LÀM THIẾT NỒI DA XÁO THỊT CỦI ĐẬU NẤU MÈ

Những hành vi này hoặc những hành vi tương tự không bao giờ được gọi là khôn cả. Tục ngữ Việt Nam mình có câu:

Khôn ngoan đối đáp người ngoài,

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Không phải những người chức trọng quyền cao không biết như thế. Biết những điều không đẹp khi huynh đệ tương tàn, biết thì biết, mà anh em cứ cấu xé, tìm cách giết nhau, quyền chức càng cao lại càng mê muội.

Truyện Tam Quốc còn ghi rõ sự việc Ngụy Văn Đế Tào Phi lăm le giết em ruột là Tào Thực, một thi sĩ đại danh thời đó, Văn Đế bảo em rằng:

- Chú vẫn thường khoe tài làm thơ nhanh chóng. Nay ta hạn chớ chú đi bảy bước phải làm xong một bài thơ, nếu không, lập tức xử trị theo quân pháp!

Tào Thực xin đề tài, Văn Đế đáp:

- Lấy sự việc mà nói. Cấm không được dùng chữ huynh đệ, tôn tộc, gia đình.

Đi được vài bước, Tào Thực đứng lại, ngâm to lên rằng:

*Chữ đậu trĩ tác canh
Lộc thực dĩ vì tráp
Cơm tại phủ hạ nhiên
Đậu tại phủ trung khắp.
Bản thị đồng căn sinh
Tương tiên hà thái cấp?*

Dịch:

Nấu mè đốt củi đậu
Chắt lọc lấy nước ngọt.
Củi đậu cháy bùng lên
Hột đậu trong nồi khốc.
Chúng ta một gốc sinh
Sao hại nhau rất độc!

Nhờ có bà mẹ can thiệp, Văn Đế bắt buộc phải tha cho chủ em.

Đời sau dùng những câu này để chỉ việc anh em ruột thịt tìm cách hại nhau!

Ở Việt Nam, khoảng cuối thế kỷ XVIII, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đại thắng chúa Trịnh, chở hết kho hàng Bắc Hà về Thuận Hóa.

Trung Vương Hoàng Đế Nguyễn Nhạc trách hỏi về vàng bạc, châu báu. Bắc Bình Vương nổi giận đem quân vây thành Đồ Bàn của vua anh, quân Thuận Hóa vây đánh rất hăng, thành Đồ Bàn gần bị hãm. Túng thế, Trung Vương phải lên mặt thành, kêu em mà khóc ròng:

- Nổi da xáo thịt, em nữ lòng nào?

Bắc Bình Vương thấy vua anh xuống nước năn nỉ, bèn ra lệnh triệt binh, kéo quân về Thuận Hóa.

Sau này, Bắc Bình Vương lên ngôi Hoàng Đế, đặt niên hiệu là Quang Trung, thu góp lực lượng tinh anh đất Thuận Hóa, Nghệ Tĩnh, Bắc Việt, đại phá 20 vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị chỉ huy tràn vào thành Thăng Long. Ngày 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789) là ngày chiến thắng huy hoàng nhất, thần tốc nhất của dân tộc Đại Việt.

Kỷ Dậu (1789) là năm lịch sử nước Pháp dấy lên cuộc Đại Cách Mạng kéo dài đến một phần tư thế kỷ chấm dứt vào năm 1815 – 1816 với sự đổ nát cơ đồ Nã Phá Luân (Napoléon I)

Cũng trong năm này, trong lúc vua Quang Trung đánh đuổi quân Thanh ngoại xâm thì Nguyễn Vương Phúc Ánh khôi phục đất Gia Định (Đồng Nai). Đồng Định Vương Nguyễn Lữ bất tài, bị mắc lừa kế phản gián của Nguyễn Vương, bỏ mặc cho Phạm Văn Tham quân thủ đất Biên Hòa, Vĩnh Long. Còn mình thì đem quân bản bộ chạy tuốt về Qui Nhơn, nương nhờ Tây Sơn

Vương Nguyễn Nhạc. Nếu Đông Định Vương Nguyễn Lữ có tài lược hơn một chút thì đất Gia Định đã được bảo toàn... Chỉ tội cho Phạm Văn Tham, một chiến tướng trung thành và dũng cảm.

Năm Kỷ Dậu (1789) là năm vua Quang Trung khai sáng cơ đồ hùng cường của nhà Tây Sơn nhưng cũng là năm Nguyễn Vương thu phục đất Gia Định mở màn cuộc Nhị Nguyễn tranh hùng...

TỨ DIỆN SỞ CA THANH...!

Tiểu thuyết lịch sử Hán Sở tranh hùng của nhà văn Pháp J.D.Javary được độc giả Pháp hoan nghênh. Chỉ trong 2 tuần đầu tháng 3.1996, riêng tại Pháp sách đã bán đến 280 ngàn quyển.

Trước đó, phim Hạng Võ Biệt Ngu Cơ của đạo diễn Trần Khải Ca đã đem lại cho khán giả Châu Âu niềm vui say thích thú.

Phát đoạn của chuyện Hán (Lưu Bang) Sở (Hạng Võ) tranh nhau đất Trung Hoa là sự suy mạt của nhà Doanh Tần. Năm 221 TCN Tần Thủy Hoàng thống nhất bờ cõi Trung Hoa, năm 215 TCN xây dựng Vạn Lý Trường Thành, một công trình kiến trúc vĩ đại của loài người. Nếu đứng trên mặt trăng nhìn xuống địa cầu,

người ta chỉ còn thấy Vạn Lý Trường Thành mà thôi. Trong khi tất cả những điện đài lâu các khác đều không còn được hình ảnh một dấu chấm nhỏ. Nghiệp Đế của nhà Doanh Tần chỉ tồn tại được 15 năm. Năm 207 TCN Tây Sở Bá Vương Hạng Võ đem quân vào Quan Trung, hỏa thiêu thành Hàm Dương. Ngọn lửa cháy đến 3 tháng.

*Hàm Dương cung điện tam nguyệt hồng,
Bá nghiệp dĩ tùy yên tận diệt!*

Dịch:

Hàm Dương cung điện ba tháng đỏ,
Nghiệp bá đã theo tro khói tàn!

Lưu Bang và Hạng Võ tranh nhau 5 năm (206-202 TCN).

Năm 202 TCN, tướng của phe Hán là Hàn Tín dùng kế thập diện mai phục vây khốn Hạng Võ ở Cai Hạ. Trước khi phá vòng vây, dự định chạy về Giang Đông. Hạng Võ vào trướng gắm, tự tình chia biệt Ngu Cơ. Ngu Cơ làm một bài đoản ca.

*Hán binh dĩ lược địa.
Tứ diện Sở ca thanh.
Đại vương ý khí tận.
Tiện thiếp hà liêu sinh?*

Dịch:

Binh Hán lấn hết đất.

Khúc Sở vang bốn bể.

Đại Vương chí lớn càn.

Tiền thiếp sống làm chi?

Ngu Cơ tự đâm cổ chết. Hạng Võ bàng hoàng bên thi thể người đẹp, mãi đến lúc trời rạng sáng mới đột phá trùng vi, mở đường đào tẩu. Nhưng Hạng Võ mắc cở, không muốn về Giang Đông, nhìn thấy đất khởi nghiệp... bèn tự vẫn bên Ô Giang.

Nếu như Hạng Võ về Giang Đông, thu góp lực lượng ở đó rồi quay trở lại thì cuộc thắng bại quyết định chưa biết sẽ ra sao.

Giang Đông tử đệ đa tài俊

Quyển thổ trùng lại vị khả tri!

Dịch:

Giang Đông em út nhiều tay giỏi,

Cuốn đất quay về chưa biết sao!

Thế vẫn còn làm được, nhưng Hạng Võ không chịu làm, phí uổng tấm thân bách chiến bên bờ sông nước.

Chuyện Hán – Sở tranh hùng đem lại nguồn cảm hứng gần như bất tận cho các nhà thơ Hán, Việt.

Ở Việt Nam, Hồ Tông Thốc đi sứ Trung Hoa, lúc đi qua miếu thờ Hạng Võ có làm bài thơ vịnh sử.

Bách nhị sơn hà khởi chiến phong

Huê tương tử đệ nhập Quan Trung.

*Yên tiêu Hàm Cốc thanh cung lãnh.
Tuyết tán Hồng Môn ngọc đầu không.
Nhứt bại hữu thiên vong trạch tả.
Trùng lai vô địa kiến Giang Đông.
Kinh doanh ngũ tải thành hà sự?
Chỉ đắc khu khu táng Lỗ Công!*

Dịch nghĩa:

Đất nước nhà Tần là đất hiểm trở, chỉ 2 người giữ cửa ải có thể chống lại 100 người vây đánh. Vì vậy, từ xưa đã dùng chữ “*bách nhị sơn hà*” để chỉ đất này. Hạng Võ đem 8000 tử đệ vào chiếm Quan Trung. Khói bay ở cửa Hàm Cốc, cung xanh lạnh lẽo vì đã cháy tiêu hết rồi. Hạng Võ đốt kinh đô Hàm Dương của nhà Tần, ngọn lửa cháy suốt 3 tháng mới dứt. Rồi hợp chư hầu ở Hồng Môn. Ý muốn của quân sư Phạm Tăng bên Sở là nên giết Lưu Bang, kẻ đối đầu nguy hiểm. Đã mai phục sẵn đao phủ, chỉ chờ Hạng Võ quyết ý ra lệnh giết là Phạm Tăng đập vỡ vòng ngọc cầm nơi tay, võ sĩ xông ra, Lưu Bang sẽ biến thành thịt băm vụn. Nhưng Hạng Võ thấy Lưu Bang đã khuất phục nên không nỡ giết. Phạm Tăng tức giận lắm. Hạng Võ ban cho chén ngọc quý, Phạm Tăng ném chén xuống đất vỡ tan.

Rồi về sau, bên Hán và bên Sở giảng hòa, lấy Hồng Câu làm giới hạn. Từ Hồng Câu trở về phía Tây là đất Hán, từ Hồng Câu trở về phía Đông là đất Sở. Nhưng rồi Lưu Bang bội ước, xua quân chiếm hết vùng

Trạch Tả, Hàn Tín, nguyên soái bên Hán, vây khốn Hạng Võ ở Ô Giang. Ban đêm, quân sư bên Hán là Trương Lương đem mấy đội nhạc công thổi sáo, sai bọn ca sĩ hát những bài ca tiếng nước Sở làm cho Hạng Võ tinh thần bấn loạn, tưởng rằng Bành Thành, kinh đô Tây Sở đã rơi vào tay quân Hán rồi. Hạng Võ nản chí, không muốn chạy về Giang Đông để mưu việc tái cử khôi phục... Rồi Hạng Võ tự vẫn ở Ô Giang. Lưu Bang sai lấy lễ tước công mai táng Hạng Võ. Vốn xưa, Lưu Bang được phong là Bái Công, Hạng Võ được phong là Lỗ Công. Tước vị do vua Nghĩa Đế phong.

Tấn tướng Hán Sở tranh hùng chấm dứt. Lưu Bang sáng lập ra nhà Tây Hán truyền được 200 năm.

Chuyện Hán Sở tranh hùng còn để lại nhiều sự tích ly kỳ. Trong thành ngữ Trung Hoa còn có nhiều chữ liên quan đến giai đoạn lịch sử này như:

Lực năng cử đỉnh để chỉ sức mạnh tuyệt vời của Hạng Võ.

Ngu mỹ nhân thảo để chỉ một thứ cỏ dài tha thướt bên mộ Ngu Cơ.

Để vịnh chuyện Hán Sở tranh hùng, Tăng Cung, một thi nhân đời Tống có bài:

Ngu mỹ nhân thảo.

Hồng Môn ngọc đấu phân như tuyết

Thập vạn hùng binh tận lưu huyết

Hàm Dương cung điện tam nguyệt hồng

Bá nghiệp dĩ tùy yên tấn diệt!
 Cương cường tất tử, nhân nghĩa vương
 Âm lằng thất đạo phi thiên chương...
 Anh hùng bản học vạn nhân địch,
 Hà tất tiết tiết bi hồng trang!?
 Tam quân tán tận tinh kỳ đảo,
 Tọa trướng giai nhân khóc chung lão...
 Hương hồn dạ trọc kiếm quang phi,
 Thanh huyết hóa vì nguyên thượng thảo.
 Phương tâm tịch mịch ký hàn chi
 Cự khúc vẫn lai tự liễu my
 Ai oán, bồi hồi sầu bất ngữ,
 Cáp như sơ thỉnh Sở ca thi,
 Phân phân thế thủy lưu kim cổ,
 Sở Hán hưng vong lưỡng khâu thổ.
 Dương niên di sự của thành không
 Khẳng khái tôn tiền vị thùy vũ?

Tăng Cửng

Chúng tôi cứ theo nguyên điệu thất ngôn cổ phong, dịch bài ấy như sau:

Cửa hồng chén ngọc đập vỡ tan
 Mười vạn quân hùng máu chứa chan
 Cung điện Hàm Dương ba tháng đỏ
 Nghiệp bá đã theo tro khói tàn.

Cương cường ắt chết, nhân nghĩa còn
 Âm lăng lạc bước há trời chôn
 Anh hùng cốt học địch muôn kẻ,
 Sá gì vợ vẫn thương phần son
 Ba quân tan nát, cờ xí đổ
 Trong trường giai nhân thâm lặng khổ
 Hồn thơm theo với ánh gương bay
 Máu thấm bờ sông xanh ngọn cỏ
 Cảnh yếu sương đêm ngọc lạnh sương
 Chau mày điệu cũ ngậm buồn thương
 Chẳng nói ra lời hận ai oán
 Như nghe khúc Sở dãi đêm trường
 Nao nao dòng nước trôi muôn thuở
 Sở Hán hưng vong hai gò mộ
 Lâu đời chuyện cũ hóa hư không
 Khẳng khái vì ai còn múa nữa?

Bài thơ có nhiều từ ai oán, bồi hồi, xót thương cái chết trung trinh của Ngu Cơ muôn thuở còn gợi được nỗi niềm bi cảm.

Nhưng chúng tôi không đồng ý với luận điệu cho rằng nhà Hán hưng được sự nghiệp Đế Vương là vì nhà Hán theo đường Nhân Nghĩa.

Thực ra, Lưu Bang chỉ khéo giỏi cái thuật giả nhân, giả nghĩa mà thôi. Sở có tánh cương cường nhưng thẳng thắn và trung thực hơn, Lưu Bang là người có trí,

ích kỷ và nhẫn tâm, 3 tướng giỏi và nhiều công nghiệp là Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố đều lần lượt sa vào lưới chết. Chỉ có những kẻ khéo nịnh hót, khéo luồn lọt như Thẩm Tự Cơ là sống sót, được hưởng phú quý, vinh hoa...!

NHỮNG NGHĨA SĨ BƠ VƠ

Nhờ có ưu thế súng đạn, thực dân Pháp đã thắng được quân Cần Vương. Nhưng trong cuộc chiến đấu dai dẳng đến một phần tư thế kỷ (1885-1913) các nghĩa sĩ Cần Vương đều có tấm lòng khảng khái xả sinh tưng nghĩa

Người đời trước dùng chữ Cần Vương với nội dung cứu quốc. Cứu quốc viết Cần Vương. Có những nghĩa sĩ chiến đấu bơ vơ, đau buồn cho vận nước, đến nỗi mang bệnh mà qua đời.

Như Hoàng giáp Phạm Văn Nghị có câu đối nói lên tấm lòng yêu nước trung kiên khi nhà cao sĩ này cầm quân đánh Pháp ở vùng sông Đáy.

Bộ giang nhứt trận giao công, bạch phát quyền sinh vô bại bắc.

Côi linh thiên thu trường tại, đau tâm thọ tử bất thần Tây!

Nghĩa là:

Một trận đánh nhau ở sông Bộ, người tóc bạc thà chịu mất mạng sống chứ không trốn chạy.

Ngàn năm non Côi còn đó, tấm lòng son thà chịu chết chứ không đầu hàng, làm tôi bọn Tây.

Lại như trường hợp Nguyễn Quang Bích ở Hưng Hóa.

Nguyễn Quang Bích tập hợp được quân Cần Vương ở miền núi non hiểm trở này. Thực dân Pháp đem một số quân đông đảo đến tấn công, quân Cần Vương thất trận. Nguyễn Quang Bích sợ bị giặc bắt, nhảy xuống sông Đà. Thế nước chảy xiết, giặc không dám đuổi theo, Nguyễn Quang Bích bị nước cuốn phăng đi, đã cầm như chắc chết. May sao từ phía thượng lưu trôi xuống vài cây chuối, vị lãnh tụ Cần Vương vịn vào đó mà lội được sang phía bên kia bờ sông. Thoát nạn, mai danh ẩn tích nơi thâm rừng hoang.

Về sau, vua Thành Thái chủ ý khen thưởng những trung thần, nghĩa sĩ, Nguyễn Quang Bích được vua ban cho Kim Khánh. Có người đi mừng một câu đối hào hùng, nói lên cuộc chiến đấu bi tráng thuở đó và vinh dự xứng đáng ngày nay. Câu đối được sĩ phu truyền tụng là:

Thiên di nhất lão nan trầm thủy,

Để mãi cô thần đặc tứ Kim!

Nghĩa là:

Trời để sống sót một ông lão khó bị nước nhận
chìm.

Nhà vua thương xót một trung thần bơ vơ, đặc biệt
thưởng cho Kim Khánh.

Tấm gương cao nghĩa khiến cho người đời sau đọc
truyện cảm xúc, bồi hồi. Hồi còn nường theo ngọn cờ
chiến đấu, Nguyễn Quang Bích, Tôn Thất Thuyết có
những câu:

*Tinh trung bất nhẫn khí Tây Châu
Chế thắng Thao Đà tự cổ ưu.
Độc vãn cô quân trì viễn tái,
Cộng hoài xích kiếm trăm đông lưu...!*

Dịch:

Lòng trung quyết giữ cội Tây Châu
Thế nước Thao Đà cuốn chảy mau
Một cánh cô quân nường ải hiểm
Đôi tay dụng võ quyết cùng nhau...

Chuyện đã qua rồi trên trăm năm nhưng vẫn còn
có hiệu lực tô đậm nét tinh thần Hùng Việt.

Người chép sử không nên bỏ sót những tấm gương
trung trinh, cao nghĩa bơ vơ.

CÁI KHÔN XẢO LẠI

Xảo lại là những kẻ khôn khéo, chen được vào chốn quan trường, tránh hết nhiệm vụ nguy hiểm, chỉ chuyên tâm vào chuyện trục lợi, khéo giữ gìn tài lộc lưu truyền cho con cháu về sau.

Tuy tài cán, năng lực không hơn người tầm thường bao nhiêu nhưng xảo lại có cách gây cho thượng cấp (nhất là quân vương) cái cảm tưởng có được bầy tôi hiền tài, trung nghĩa.

Từ đời Sơ Đường (thế kỷ VII) Trần Tử Ngang đã phải chịu khổn đốn vì bọn xảo lại. Nhà thơ than rằng:

Hán đình vinh xảo lại

Vân các bạc biên công

Khả liêu thông mã sử

Bạch thủ vị thùy hùng?

Dịch:

Hán triều trao chức quan to

Cho phường xảo lại đến giờ vinh vang

Những ai giông ruổi sa trường

Lập công biên ải sự thưởng mà thôi!

Có quan ngự sử bồi hồi

Tâm hùng đầu bạc trọn đời bơ vơ...

Xông pha tên đạn ngoài biên thùy xa, việc này

nguy hiểm lắm, bọn xảo lại không dám làm, nhưng đến khi có tin chiến thắng thì bọn xảo lại lãnh thưởng rất hăng hái...

Trong sử Việt Nam về đời nhà Nguyễn có một người xảo lại tuyệt kỹ vô song. Đó là quan Cố Mạng hương thần Trương Đăng Quế vâng di chiếu của vua Thiệu Trị phù lập Phước Tuy Công Hồng Nhậm lên ngôi. Tự Quân làm vua, đặt niên hiệu là Tự Đức.

Cùng chịu di mạng của Tiên Đế còn có các ông Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Hiệp nhưng cái khôn vô song của Trương Đăng Quế là làm cho 3 người trên ra rìa, làm Cố Mạng bù nhìn chỉ có một mình ông là có ý kiến quyết định và được vua Tự Đức kính cẩn nghe theo.

Sự độc quyền của Trương Đăng Quế bộc lộ rõ quá đến nỗi các giám mục Pellerin, Retard cũng nhận thấy vai trò trọng đại của ông Quế...

Ông Quế quả đúng là ông Quý thật! Các giáo sĩ ngoại quốc đâu có nhận xét lầm.

Ông Quế đã quý hiển đã lâu. Từ đầu đời Thiệu Trị, ông đã sung chức Binh Bộ Thượng Thư có quyền điều động các tướng. Các danh tướng Việt Nam như Tạ Quang Cự, Lê Văn Đức, Phạm Văn Đieu, Nguyễn Công Trứ đều ở dưới quyền kinh lược của ông Quý cả. Ông Quế được vua Thiệu Trị cho khắc tên vào bửu pháo (súng quý) để lưu truyền oai võ và danh hiệu đến đời

sau.

Trong số người tận tâm kiệt lực về việc bình định thành Trấn Tây, Phạm Văn Điều bôn tẩu khó nhọc quá nên tuy chiến thắng mà nhiễm bệnh chết trên đường khải hoàn. Ông Quý kinh lược thì còn phải sống để làm cố mạng hương thầm cho ông vua vong quốc là vua Tự Đức.

Về chữ nghĩa, ông Quý chỉ là một vị cử nhân tầm thường của làng Mỹ Khê, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Làm sao mà một vị cử nhân tầm thường lại nắm được đại quyền quốc gia trong hai đời vua Thiệu Trị, Tự Đức. Để giải thích sự việc bất bình thường này, người dân Quảng Ngãi quê hương ông cho rằng họ Trương ở Mỹ Khê mã phát. Phát to lắm, to đến cực điểm:

Bách đại công hầu, nhứt đại vương.

Trăm đời làm quan to, một đời làm vua. Một đời vua ấy là Tự Đức. Vai trò xúc xiểm của Trương Đăng Quế khiến vua Thiệu Trị bỏ con trưởng Hồng Bảo lập con thứ Hồng Nhậm, ai cũng biết rõ.

Duy còn có một việc mà nhiều người còn ngỡ ngợ là Hồng Nhậm đích thị là con của Trương Đăng Quế đánh tráo vô cung từ lúc sơ sinh. Nếu quả thật như vậy thì vua Tự Đức đâu phải là huyết thống nhà Nguyễn! Tội vận của nhà Nguyễn Gia Miêu đã cáo chung ngay từ năm 1847 rồi chứ không phải đợi đến năm 1945. Bảo

Đại thoái vị.

Chuyện được đất, được mả của một gia đình sao lại liên quan đến vận mạng của toàn thể một quốc gia, một dân tộc?

*

* *

Cứ xem những lúc Trương Đăng Quế nghị luận về đại sự quốc gia thì đủ thấy tài năng của ông vào bậc nào.

Như việc tàu Pháp gây hấn ở Đà Nẵng năm 1847. Nước Pháp sai đại tá Lapierre và trung tá Rigaul De Genauilly đem 2 chiến thuyền vào Đà Nẵng, xin triều đình ta bỏ những chỉ dụ cấm đạo và để cho người nước ta tự do theo đạo Tây. Quốc thư của chính phủ Pháp viết bằng Hán văn. Triều đình ta sai quan vào Đà Nẵng đến hội thương với sứ Pháp, bàn cãi sự việc. Mặt khác điều động binh thuyền và sắp đặt binh sĩ ở các pháo đài Phòng Hải và hai thành An Hải, Diệu Hải. Bấy giờ ta có 5 tàu đồng Kim Ưng, Phấn Bằng, Linh Phụng, Thọ Hạc, Vân Bằng đậu ở vũng Trà Sơn. Lính Pháp ở trên 2 tàu chiến La Gloire và La Victorieuse sẵn đến bên chiến thuyền ta giật buồm. Quân ta thả neo giữ chặt tàu đồng.

Tin xô xát đưa đến Kinh, vua Thiệu Trị sai Đô thống Mai Công Ngôn (có tên trong bia võ công đời Minh Mạng) và Tham tri Đào Trí Phú đem 3 vệ lính Võ Lâm, Hùng Nhuệ, Võ Uy vào Đà Nẵng để đối phó. Về

mặt thủy lại đem thêm 4 tàu đồng vào Trà Sơn tiếp ứng.

Vua dặn Mai Công Ngôn rằng:

- Nếu người Tây không thị bai và hành động gì thì ta chớ nên động thủ trước.

Mai Công Ngôn đi rồi, vua vẫn chưa yên tâm, bèn hỏi thêm ý kiến Trương Đăng Quế. Ông này tâu rằng:

- Người Tây đến cửa Hàn bất quá là xin thông thương và khoan thử việc cấm đạo, chứ có lý nào chỉ đem có 2 tàu mà dám gây sự. Đào Trí Phú là người biết rõ sự thế, người ấy sẽ thương thuyết tướng không cần dùng đến can qua.

Nhược bằng người Tây khai hấn trước thì cái lẽ công trái ở họ, lẽ thắng phải ở ta, ta dẹp trừ được ngay không khó gì hết!

Cái lý "*bĩ khúc, ngã trực*" (nó cong, ta thẳng) ta có chính nghĩa thì ta phải thắng... Lý này chỉ dùng khi được hai bên có hỏa lực tương đương. Còn như khi súng của họ bắn mạnh và xa, súng của ta bắn yếu và gần, tàu của họ chạy nhanh, ghe của ta bơi chậm, thì lý này không dùng được. Cái lý cuối cùng (*ultima ratio*) thuộc về kẻ mạnh!

Chỉ một việc này đủ thấy tài năng bản định việc nước của Trương Đăng Quế ra sao. Người đời sau giải thích sự nghiệp, công danh của ông bằng hai chữ xảo lại. Tưởng không thể giải thích cách khác và không thể dùng chữ gì đúng hơn.

Chịu ân sủng của triều đình Huế nhiều và sâu nặng đến như thế mà khi Kinh thành thất thủ, phong trào Cần Vương sôi nổi khắp Trung Kỳ, Bắc Kỳ, không nghe có đám nào được sự tán trợ, tham gia của hậu duệ Trương Đăng Quế cả...

Thật là một sự khiếm diện đáng buồn cho đạo lý Việt Nam!

*

*

*

Trước đời Nguyễn Gia Miêu vào mặt kỷ Lê – Trịnh có một vị quốc sư xứng đáng làm một xảo lại gương mẫu hoàn toàn. Ông là thầy học của chúa Trịnh Sâm, dốc lòng dạy cho nhà chúa biết văn chương chữ nghĩa. Đó là việc chính đáng, hợp với đạo nghĩa làm thầy.

Nhưng đến khi Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm say mê một cô gái hái chè là Đặng Thị Huệ, phong nàng làm Tuyên Phi, cho ở nhà riêng gọi là Bội Lan thất thì người đương thời cũng thấy vị quốc sư khả kính nhà ta mang chòm râu bạc đến đó chầu hầu nữa...

Giá ông cứ ngồi yên thì chúa cũng đâu dám bạc đãi ông. Ông lui tới Bội Lan thất để làm gì? - Để lo cho Tuyên Phi mau có thai!

Ông tiến cử bạn ông cất thuốc cho bà Phi, và quả nhiên, thuốc có công hiệu mau chóng. Ông được thưởng 30 lượng bạc, bạn ông được chức Tiến triều.

Đối với một vị quốc sư, 30 lượng bạc đầu có đáng kể gì, thế mà ông vẫn cứ báỉ lĩnh!

Mặc dầu thời kỳ này ở Bắc Hà có những cuộc biến loạn ghê gớm, quân Tam Phủ nổi loạn kiêu binh, tình nhân của Tuyên Phi là Huy Quận Công Hoàng Đình Bảo bị chúng giết chết, sau đó Tuyên Phi tử nhục cũng tự đâm dao vào cổ... Bấy nhiêu sự việc cũng không hề lay chuyển được địa vị an toàn và an nhàn của Quốc sư!

Quốc sư đó là Nguyễn Hoãn. Đương thời cũng có nhiều người gọi đùa ông là Trường Lạc Lão, ví ông với Phùng Đạo, nhân vật đời Ngũ Quý bên Tàu. Ví như vậy là rất phải vì cái ông Phùng Đạo này trải thờ 13 vua 4 họ. Nhiều ông vua bị giết mà ông vua nào lên ngôi cũng đãi ngộ họ Phùng.

Nguyễn Hoãn ở Bắc Hà cũng bảo toàn được thân gia đúng y như thế. Thời cuộc biến chuyển, đột biến cách nào đi nữa thì Trường Lạc Lão vẫn cứ hưởng đủ ngũ phúc: phú, quý, thọ, khương, ninh.

Trịnh Cán và Tuyên Phi, hai mẹ con đều mất, Doan Nam Vương Trịnh Khải lên làm chưa được mấy năm. Năm 1786, quân Tây Sơn Bắc tiến. Trận đánh ở Tây Long Chử, quân Trịnh thua tan. Trịnh Khải chạy lên Sơn Tây rồi phải đâm bụng tự sát.

Bao nhiêu nhân vật trọng yếu đều chết vì một phen thay đổi sơn hà.

Quốc sư của họ Trịnh không chết theo nạn nước,

nạn vua. Ông vẫn sống an toàn, chỉ có một điều là Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ không dùng ông vào việc gì nữa...

Chung qui vẫn cứ là trường lạc như thường. Hòn gỗ tròn có khả năng lăn tròn, đặt vào thế đất nào, nó cũng lăn được, vì nó tròn nên không vướng mắc, sút mẻ gì cả.

*

* *

Phải có những hiểu biết sâu sắc về thiên văn học thì mới nhận đó mà vận dụng những cơ mưu thần diệu, lâm chiến tất thắng dễ dàng.

Chương thứ 12 của Binh pháp Tôn Vũ Tử nói về hỏa công và gió. Gió liên hệ với sự xuất hiện Cơ, Bích, Dục, Chấn ưa gió. Bốn sao hiện ra thì có gió to.

Nguyên lý lợi dụng thiên thời do Tôn Vũ Tử đề xướng, càng về sau càng có giá trị vì được các danh tướng áp dụng kỹ lưỡng và kịp thời.

Như thời Tam Quốc, Gia Cát Lượng phòng ngự quân Ngụy ở đường Trần Thương, chỉ sai Vương Bình đem vài ngàn binh trang bị áo mưa, sắm sửa nhiều củi khô để dễ nấu nướng. Ông tiên đoán sẽ có mưa dầm liên miên hàng tháng, quân Ngụy từ xa đến, dầm mưa lội bùn, củi nấu ăn rất thiếu sẽ đau ốm, nhụt mất nhuệ khí chiến đấu. Đâu có dám vào sâu trong đất Thục. Tướng Ngụy là Tư Mã Ý cũng biết có mưa dai, song

không biết đại là bao lâu nên không trù liệu cách đối phó cho thật thích ứng được. Rốt cuộc quân Ngụy phải tháo lui, cái hùng khí lúc mới xuất chinh tiêu tan hết.

Gia Cát Lượng có làm bài phú “*Phong vũ chiến hậu*” mà một vị quân sư đời Minh là Lưu Cơ chú giải tinh tường, coi bài phú như một bảo vật chẳng những cần thiết cho các nhà quân sự mà còn giúp ích rất nhiều cho những kẻ sử dụng xe thuyền trên bộ dưới nước nữa.

“*Khuy quân tập yếu*” là sách thiên văn – chính trị sáng tác đời Khang Hy nhà Thanh cũng có ghi bài phú đoán mưa đoán gió này.

Ngày nay, trên đài phát thanh các quốc gia văn minh chúng ta thường nghe những lời tiên đoán về thời tiết, tin tức cho các tàu chạy ven biển... Những trận mưa bão, lũ lụt thường được báo trước để nhân dân lo liệu, hạn chế bớt những thiệt hại thương tâm.

Thiên văn học quan hệ đến kế dân sinh không phải là nhỏ vậy!

HÙNG HÓA VÀ CHUYỆN SÁCH LƯỢC BIÊN PHÒNG

Lê Thái Tổ là người dũng lược anh minh. Chú trọng đến việc biên phòng, quyết không để cho đất biên

cương bị mất một tắc sông, một tắc núi.

Năm Thuận Thiên thứ IV (1431) Đèo Cát Hãn dựa vào địa hình hiểm trở Châu Lai, mưu việc phản loạn, Lê Thái Tổ thân chinh dẹp loạn đảng, khắc bài thơ kỷ công vào bia Hoài Lai.

Di Dịch quấy rối ngoài biên, từ xưa đã có. Như Hung Nô đời Hán, Đột Quyết đời Đường và các Man Mường Lẽ nước Nam Việt ta, đây là chứng cứ.

Trước đây vì nhà Trần, nhà Hồ chính lệnh suy đồi quan lại biên giới làm loạn, Đèo Cát Hãn quen theo lối cũ, dựa nơi hiểm trở nẩy lòng gian ác không chừa. Nay ta đem quân đi đánh, đường thủy, đường bộ song song tiến lên, đánh một trận liễu bình định được. Nhân đó viết một bài thơ khắc vào đá để răn những tù trưởng Man ương ngạnh sau này:

*Cuồng tặc cầm bô tru
Biên manh cứu hễ tồ
Loạn thân từng cổ hữu.
Hiểm địa tự kim vô
Thảo mộc kinh phong hại
Sơn xuyên nhập bản đồ
Đề thi khắc nhum thạch
Trần ngã Việt Tây ngu*

Nghĩa là:

Bọn giặc ngông cuồng kia dám tìm cái chết. Từ

lâu dân ở ngoài biên vẫn mong ngóng vương sư. Chuyện loạn thần vẫn có tự ngàn xưa mà bây giờ thì đất hiểm trở không còn nữa. Tiếng gió thổi, tiếng hạc rú đều làm cây cỏ kinh hoàng. Núi sông đưa vào bản đồ. Ta làm thơ khắc vào đá núi để trấn giữ góc phía Tây của nước Việt chúng ta.

Chuyện như vậy là rõ lắm. Không để cho bọn Di Dịch ngoài biên nổi loạn. Chính quyền có nhiệm vụ an dân, làm cho dân ở biên cảnh xa cũng được hưởng yên vui. Góc phía Tây nước Việt phải được bảo vệ. Không nên viện cớ biên viễn mà lơ là nhiệm vụ quốc phòng.

Đời Hồng Đức vua cũng theo sách lược nói trên một cách rất nghiêm túc. Đất Hưng Hóa được bình trị không có một vụ phản loạn nào xảy ra.

Hồi đó, đất Hưng Hóa tiếp giáp với nước Đại Man (Miến Điện) bọn quan lại nhà Minh rồi nhà Thanh ở huyện Kiến Thủy tỉnh Vân Nam có ý dòm ngó xuống phương Nam.

Nhà Tây Sơn đặt quan trấn thủ ở Hưng Hóa, phòng giữ rất cẩn mật nên họ không dám lấn chiếm một tấc đất nào. Các vua nhà Tây Sơn Quang Trung rồi Cảnh Thịnh đều có ý muốn giao hảo với Miến Điện và Miến Điện cũng muốn giao hảo với Đại Việt.

Thư thần nhà Tây Sơn ở Hưng Hóa vẽ đường đi sang Miến Điện (Đại Man) qua ngã Bồn Cốc khẩu.

Năm Canh Thân (1800) sứ thần Miến Điện là

Châu Công, Châu Bố vâng mạng vua Bodoahpra đến Thăng Long dâng sách lá bối và các đồ phương vật. Bodoahpra là quốc vương Miến Điện, ngài kiểm kê dân số, sai người vẽ địa đồ sông núi rất tường tận.

Việc sứ thần Miến Điện đến Thăng Long là một sự việc kỳ lạ, xưa nay chưa từng có bao giờ. Cho nên, một di thần nhà Lê là Nguyễn Áng ghi rằng:

Xét nước Đại Man ở phía Tây nước ta, phía Nam giáp với Xiêm La, phía Bắc giáp với các đất Vân Nam (Quý Châu của Trung Quốc). Rất nhiều giống người và bộ lạc. Duy có Đại Man là lớn hơn hết, quần áo và tiếng nói hơi giống với Lão Long và Thành Châu (Châu Lạp).

Chúa nước ấy gọi là Phả Ma Kỳ Sát. Bên Châu đó Mặt Trời Vừa Lặn Đất, Bữa Vừa Lớn. Bữa Vừa Nhỏ, Chứa Mỏ Vàng, Chứa Mỏ Ngọc, bảy tám giống Chúa Voi Trắng, Chúa Voi Đỏ.

Ôi! cho nên nói 9 châu đều có đặc tính, ngàn dặm không cùng phong tục, há lại không đáng tin hay sao? Nay thuật đôi lời vào đây để rộng đường nghe thấy...

Đời Nguyễn Gia Miêu, chỉ có Nguyễn Văn Thành làm Tổng trấn ở Bắc Thành là người biết chú trọng đến Hưng Hóa, Lê Văn Duyệt làm Tổng Trấn ở Gia Định là người biết chú trọng đến Miến Điện mà thôi.

Cũng có thể kể thêm Thắng Tài Hầu Nguyễn Văn Thắng. Nhưng Nguyễn Văn Thắng lại là Chaigneau, người Pháp.

Nguyễn Văn Thành e ngại bọn biên quan ở Vân Nam xâm lấn từ từ, các mường ở Hưng Hóa. Họ đưa dân tâu đến các nơi đó lập nghiệp, mở đất làm ruộng, nộp thuế cho quan lại Tàu ở huyện Kiến Thủy (tỉnh Vân Nam) rồi không cần biết đến quan lại nữa.

Nguyễn Văn Thành muốn bảo vệ toàn vẹn Châu Lai và Châu Chiêu Tấn, không để cho viên Tổng đốc Vân - Quý thả dân xuống lấn khéo bờ cõi Hưng Hóa của nước ta.

Vua Gia Long nhận được sớ tấu, xem qua loa rồi viện cớ nước mới dựng, chưa rảnh mà nghĩ đến các miền biên viễn, bèn cứ bỏ đấy, sự việc cho qua!

Về phía Miến Điện, lúc làm Tổng Trấn Gia Định, Lê Văn Duyệt đã sai người đi mua súng người Anh, nhân đó mà nhiều thủy thủ người Việt biết đến đảo Đào Sai thuộc Miến. Rồi có gặp gió bão, thuyền người Việt dạt vào đó thì được dân địa phương đối đãi rất tử tế.

Năm 1824, sứ đoàn Miến Điện đem quốc thư và các đồ phương vật đến triều yết. Nội dung quốc thư Miến Điện yêu cầu Việt Nam chớ có giao hảo với Xiêm La. Miến Điện xin liên minh với ta.

Phẩm vật tiến dâng rất trọng hậu, trong đó có một xâu chuỗi gọi là bất nhiên châu, một thứ châu kỳ lạ, ném vào lửa cũng không cháy, không nứt, sứ đoàn Miến Điện được vua Việt ban thưởng quần áo, bạc và gạo.

Chỉ có một khoản liên minh, mặc dầu có Lê Văn

Duyệt khẩn khoản nài xin, vua Minh Mạng cũng nhất định không nghe.

Ý kiến của Jean-Baptiste Chaigneau cũng giống Như Lê Văn Duyệt, nếu có liên minh này thì Việt Nam chưa cần ra binh mà Xiêm La đã cảm thấy có sự nguy cấp rồi! Miến Điện ở trên đầu Xiêm La, có thể bất thần mở cuộc tấn công, Xiêm La khó lòng ứng chiến kịp thời được.

Nếu Việt Nam liên minh với Miến Điện thì Xiêm La chắc phải rút hết quân đương trấn đóng ở Bắc Tầm Bôn (Battambang). Chủ quyền thiên tử của vua Việt ở đất nước Châu Lạp được gia tăng, củng cố gấp bội.

Có những cái lợi hiển nhiên như thế, tại sao vua Minh Mạng lại từ chối liên minh? Rất đáng tiếc, nhà vua đã bỏ lỡ mất một cơ hội thuận tiện để xoay chuyển tình hình Đông Nam Á.

Đời Minh Mạng đất nước chúng ta có danh hiệu là Đại Nam. Nhà vua cũng biết chú trọng đến chủ quyền lãnh hải, các quần đảo ở Thất Châu Dương là Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa.

Tuy không có bạn đồng minh nhưng Đại Nam vẫn cứ là một nước lớn. Đời Minh Mạng là thời cực thịnh của nhà Nguyễn Gia Miêu vậy.

KHÔN CHẾT, DẠI CHẾT, BIẾT SỐNG!.. BIẾT?!

Trong cuộc cạnh tranh, đã nói khôn chết, dại chết biết như thế nào để sinh tồn?

Dại thì chết, đó là sự lý tất nhiên. Nhưng khôn cũng chết thì lời nói nghe chừng chưa thuận lý và đúng thực tế. Cái khôn nhiều khi lại chính là nguyên nhân dẫn đến cái chết. Biết bao nhiêu kẻ sĩ cố mưu trí đã phải bỏ mạng vì cái khôn của mình.

Đọc truyện Tây Hán, không ai quên được tên Hán Tử người đã giúp Hán Vương Lưu Bang đánh thắng Tây Bá Vương Hạng Võ, lập nên cơ nghiệp nhà Hán bền vững bốn trăm năm. Vị tướng bách chiến bách thắng ấy đã chết vì mình có tài, vì mình khôn.

Một hôm cùng với Hán Cao Tổ luận về tài năng các tướng, Hàn Tín chê khen tự do, ai dũng cảm, ai mưu trí, ai cầm được bao nhiêu binh. Hán Cao Tổ hỏi rằng:

- Còn ta thì sao?

Hàn Tín nhìn thẳng vào mặt nhà vua, đáp:

- Bệ hạ có thể cầm nổi 10 vạn quân.

Vua hỏi lại:

- Khanh cầm được bao nhiêu binh?

Hàn Tín kiêu hãnh đáp:

- Nếu thần cầm quân thì càng nhiều càng tốt!

Như vậy là Hàn Tín đã tự tuyên cho mình một án tử hình. Vua chỉ cầm nổi mười vạn binh còn Hàn Tín thì cầm nổi một trăm vạn, hai trăm vạn, bao nhiêu cũng được. Như vậy nếu có cơ hội làm phản thì ai trị được? Hàn Tín không chết thì không bao giờ Hán Cao Tổ được yên tâm!

Những ông vua khai sáng cơ đồ một triều đại, ông nào cũng hay sát hại công thần là những người đã hiệu lực hiệu trung giúp cho vua nên nghiệp lớn. Hán Cao Tổ, Minh Thái Tổ, ông nào cũng như ông nào. Sau khi thiên hạ đại địch, lũ công thần phải chết. Lời tục nói:

- Chim bay cao đã hết, cung tốt quăng vào một xó. Bầy thỏ bị bắt hết, chó săn giỏi phải đem xẻ thịt.

Cao điều tận, lương cung tãng.

Giải thổ tử, tẩu cầu phanh.

Cái cung và con chó săn đã thành ra vật vô dụng. Đã vô dụng thì vất đi, giết đi. Bắt được chim thì bẻ nã, bắt được cá thì quăng nôm. Để lại làm gì cho vương tay vướng mắt?

Sự sống chết của các công thần cũng na ná như vậy. Họ chết vì họ đã một thời hữu dụng, một thời khôn.

Còn biết? biết như thế nào để khỏi chết, để được sinh tồn?

- Biết là biết lúc nào nên khôn, lúc nào không nên khôn, lúc nào nên đại, lúc nào không nên đại.

Phạm Lãi rất khôn, rất có mưu trí mới giúp được vua Việt Câu Tiễn từ thân phận một tù binh chiến bại trở thành một ông vua làm bá chủ một phương.

Phạm Lãi cũng rất khôn, rất biết khi ông vất bỏ quan tước, công danh để được phiêu du trên sông nước Ngũ Hồ.

Còn Văn Chủng, bạn đồng sự với ông, có thành tích công tác như ông thì mê luyện công danh, ở lại triều đình nước Việt để hưởng phú quý. Rốt cuộc, vua Việt Câu Tiễn ban cho ông một thanh bảo kiếm để ông đem tài năng giúp các đấng Thiên vương nước Việt ở dưới chốn suối vàng.

Văn Chủng khôn mà không biết. Không biết nên không bảo toàn được thân mình!

Nói chuyện lịch sử đất Việt thì những người đã giúp Lê Thái Tổ sáng lập ra cơ nghiệp nhà Lê như Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo đều bị giết, cái tội lớn nhất của hai ông này là có tài, có tài nên bị vua nghi, bị vua nghi thì hai ông làm sao tránh được cái chết.

Rồi còn những công thần như Lê Sát, Trịnh Khả, Trịnh Khắc Phục bị sát hại vào đời vua sau.

Nguyễn Trãi bị tru di nặng nhất, dòng họ gần như tuyệt diệt nếu như không có một bào thai di khúc của một thiếp trốn khỏi lưới hình.

Những kẻ bị sát hại toàn là những người có võ lược, có trí mưu, đủ sức gánh vác việc lớn.

Nhưng họ đã chết vì không có được cái biết của Phạm Lãi, của Trương Lương.

Biết khó hơn khôn. Biết thì được sống. Sống để xem chơi những tấn tuồng đời, ai chết vì đại, ai chết vì khôn?

TÌM BIẾT SỰ THẬT

Tìm biết sự thật là một việc rất khó vì người đời, kể cả thuộc hạ của mình hay tìm cách che đậy, giấu giếm để cho mình không thể nhận thức ra được. Cái xấu được ngụy trang thành cái tốt, cái giả có biểu tượng như cái thật, vàng thau lẫn lộn. Phải tinh tế lắm mới biện biệt đúng được.

Người có địa vị cao, quyền tước lớn thường bị kẻ dưới tìm đủ cách đánh lừa. Các bậc quân vương khi đi tìm sự thật thường phải vi hành, không cho người đời biết mình là ai cả.

Việc đi tìm sự thật thường là khó khăn, dấu sự thật ấy chỉ là một sự thật tầm thường, không có vẻ gì quan trọng.

Như chuyện vua Louis XIV nước Pháp và một bài thơ trữ tình. Dưới triều đại của ngài, văn học cổ điển nước Pháp phát triển rực rỡ. Ngài thích đọc các tác

phẩm văn chương và đôi khi cao hứng cũng làm một đôi bài đoán thi để tiêu khiển.

Một hôm ngài làm xong một bài madrigar mà chính ngài thấy rằng nó không có gì hấp dẫn, đặc sắc. Nhân trao cho một vị triều quan và bảo rằng:

- Người ta biết trăm thích thứ văn chương nên thi phẩm lớn nhỏ gì cũng cứ dâng lên để chờ ngự lãm. Như bài đoán thi này là một. Sự xoàng xĩnh và tác giả chính là một kẻ vô duyên, phải thế không?

Vị triều quan đọc bài đoán thi suốt một lượt và tâu rằng:

- Bệ hạ thực là một ông vua thánh minh. Phân đoán sự việc rất đúng. Không thể cho tác giả bài đoán thi này một cái tên khác ngoài hai chữ vô duyên,

Nhà vua cười rằng:

- Chính trăm là tác giả đó!

Vị triều quan thất sắc, sững sốt, vội tâu rằng:

- Xin bệ hạ ban ơn cho hạ thần được đọc bài thơ lần nữa. Khi nãy, thần chỉ đọc loáng thoáng mà thôi chứ chưa xem kỹ!

Nhà vua vẫn tiếp tục mỉm cười rồi bảo tiếp:

- Vô ích! Không cần xem lại làm chi, những cảm tưởng ý kiến ban đầu bao giờ cũng thành thật. Trăm cảm ơn khanh đã cho trăm biết sự thật không che giấu gì.

Chuyện xem đánh cá của vua Thiệu Trị nước Việt

Nam mình cũng có vài nét hài hước đáng ghi làm giai thoại.

Một hôm vua Thiệu Trị ra sông Hương xem dân đánh cá chơi. Bọn nội thị đã dẫn trước bọn dân chài phải giấu cá sẵn trong lưới để khi cất lưới lên cá vung vẩy thật nhiều. Chắc Ngài Ngự sẽ vui lòng vì nhiều cá thì dân sống no đủ. Dưới triều đại ngài, dân sung sướng như thời vua Thuận, vua Nghiêu...

Việc đánh bắt cá diễn tiến y như lời chỉ dẫn của bọn nội thị. Vua Thiệu Trị thấy rõ thủ đoạn xảo trá liền phán rằng:

- Ngày xưa thầy Tử Sản nước Trịnh bị tên đầy tớ đánh lừa về chuyện mua cá vì chính mắt thầy không thấy cá. Còn như ngày nay, chính mắt trẫm trông thấy cá thì không ai lừa dối trẫm được!

Bọn nội thị sợ xanh mặt!

Chuyện nhỏ mà còn như thế, nói chi đến đại sự của quốc gia...

Lại chuyện của Nữ Sa Hoàng Khách Đức Lân nước Nga dạo xem cuộc sống nông dân ở miền thảo dã. Người hướng dẫn Nữ Sa Hoàng là Potemkine vị đại quan này đã được Nữ Sa Hoàng giao cho nhiệm vụ khẩn hoang lập ấp. Ông đã quy tụ được một số đông nông dân nghèo khổ, hướng dẫn các công việc canh nông, lập được nhiều xóm làng trù mật, biến miền Nam xứ U Xiên (Ukraine) thành một nơi sản xuất nhiều thứ lúa mì.

Đã có sự phồn vinh nhưng chưa đến cái mức ông mơ tưởng.

Khi Nữ Sa Hoàng tỏ ý đi tham quan, ông bèn ra tài trang trí, bắt nông dân phải quét dọn đường sá cho thật sạch sẽ phong quang. Triệt phá những túp lều dột nát, cũ kỹ, tân trang hay kiến trúc mới những nhà lá đẹp để ưa nhìn. Nhưng Nữ Sa Hoàng cứ đòi đi sâu vào miền thôn dã. Ông rất không muốn cho Nữ Sa Hoàng thấy cảnh đói khổ trong chốn dân gian.

Ngày nay, văn học Tây phương thỉnh thoảng có dùng những chữ làng xóm kiểu Potemkine, là để nhắc lại sự tích cuộc du lãm của Nữ Sa Hoàng và tài trang trí của một đình điền sứ.

Ở đâu cũng vậy, trong sử Đông phương cũng như trong sử Tây phương, khi các đấng quân vương vừa muốn biết sự thật nào thì các ngài gặp không ít trở lực.

Tệ hại nhất là các thủ đoạn văn quá sức phi.

Văn quá là làm cho những điều lỗi lầm có vẻ thẩm duyệt văn hóa và như thế là mặc nhiên những điều sai lầm biến thành ưu điểm.

Sức phi là tô điểm cho những điều không đúng, không phải thành những điều đúng, điều phải đáng khen.

Kể ra thì những kẻ văn quá sức phi cũng là những kẻ có tài trí. Đáng tiếc là những tài trí ấy không được dùng trong việc thể hiện cái chân, cái thiện, cái mỹ ba lý tưởng tốt đẹp của loài người.

ĐÀO DUY TỪ TRÍ KHÔN HÙNG QUỐC

Đối với các đào nương, kép hát, diễn viên sân khấu, thầy tuồng... các chúa Trịnh đều miệt thị vì cho rằng xướng ca vô lại. Đã miệt thị rồi mà còn cấm họ đi thi. Ở Bắc Hà mà không được đi thi thì những người này tiến, thân bằng cách nào cho được? Do cách đối xử cố chấp, hẹp hòi đó mà các chúa Trịnh đã bỏ rơi mất một nhân tài kỳ vĩ, một thiên hạ sĩ.

Đào Duy Từ là con Đào Tá Hán một thầy tuồng kiêm kép hát nổi danh. Đào Duy Từ nổi được nghiệp cha, sáng tác nhiều ca khúc mới, sáng chế cả vũ điệu mới. Những tài nghệ ấy không cho phép ông lọt vào cửa trường thi. Để được đi thi ông phải theo họ mẹ. Vũ Duy Từ đỗ đầu khoa thi hương nhưng có người cáo giác ông man khai lý lịch. Bị cách tuột khoa giáp, may mà chưa bị ở tù!

Phần chí, Đào Duy Từ tìm cách vào Nam Hà giúp chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, lập nhiều thành tích lớn, xây dựng chiến lũy, mở rộng lãnh thổ, được phong Lộc Khê hầu.

Thấy tên kép hát này quả là một bậc kỳ tài, chúa Trịnh Tráng hối ngộ, bãi bỏ cái lệ cấm con nhà ca xướng không được đi thi, nhiều lần bí mật sai người vào

Nam Hà chiêu hồi Đào Duy Từ, đem cả chuyện mồ mả tổ tiên ra đe dọa nữa...

Nhưng vô hiệu, Đào Duy Từ vẫn cứ đem hết tài trí ra giúp chúa Nguyễn. Kiến trúc định Bắc trường thành, chiêu dụ dân lưu tân ở Bắc Hà vào Nam Hà lập nghiệp làm cho Nam Hà ngày càng phúc thịnh, hùng cường.

Đào Duy Từ đã khéo léo từ tạ các chúa Trịnh bằng một câu ca dao phổ biến rộng rãi khắp hai miền Nam - Bắc.

*Trèo lên cây bưởi hái hoa
 Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
 Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
 Em có chồng rồi, anh tiếc lắm thay!
 Ba đồng một mớ trâu cày.
 Sao anh không hỏi những ngày còn không?
 Bây giờ em đã có chồng,
 Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
 Cá cắn câu, biết đâu mà gỡ?
 Chim vào lồng, biết thuở nào ra?*

*

* *

Đào Duy Từ làm quân sư cho chúa Nguyễn, rất được quân dân kính trọng. Họ chỉ dùng chữ thầy để gọi ông, chứ không bao giờ dám gọi tên.

Sự kính trọng ấy còn lan truyền đến cả phía Bắc

quân nữa. Quân chúa Trịnh vào đánh Nam Hà thường bảo nhau:

*Hữu trí dùng hê, khả quá Thanh Hà,
Tùng hữu dục hê, Trường Lũy bất khả khoa!*

Dịch nghĩa:

Mạnh thì qua được Thanh Hà,
Dẫu rằng có cánh khôn qua Lũy Thầy!

Năm Canh Ngọ (1630) Đào Duy Từ đắp lũy từ núi Trường Dục đến Hạc Hải. Chiến lũy tương hình vòng cung.

Năm sau lại đắp lũy Nhật Lệ cao 1 trượng 2 thước (độ 6 m) phía ngoài có trụ gỗ lim, phía trong có 5 bậc voi ngựa đi lại được. Lũy dài hơn 3.000 trượng, cứ 5 hay 3 trượng lập 1 ổ bắn súng. Mỗi trượng đều có một máy bắn đá.

Hai vòng chiến lũy (lũy Nhật Lệ tức lũy Đồng Hới ở phía ngoài, lũy Trường Dục tục gọi là Lũy Thầy ở phía trong) làm cho Bắc quân phải nghỉ ngơi trước khi mở trận công kiên, mà trận công kiên nào cũng hao binh tổn tướng.

Việc phòng ngự được kiên vững ở mặt Bắc, Đào Duy Từ khuyên các chúa Nguyễn mở rộng cương thổ về phương Nam.

Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên rất tán thưởng sách lược Trường Cửu này. Chúa mở rộng phạm vi thế lực bằng một sách lược hôn nhân khôn khéo.

Năm 1620 ngài gả Quận chúa Ngọc Vạn cho vua Chey Chetla nước Chân Lạp (Cao Miên). Những nông dân Việt Nam vào khẩn đất làm ruộng ở Mô Xoài, Rừng Gòn (Prey Nokor) được bảo vệ chu đáo. Quan chức người Miên không dám nhũng nhiễu, đòi hối lộ cản trở công việc làm ăn.

Ngài lại gả Quận chúa Ngọc Khoa cho vua Po Ro Mê nước Chiêm Thành nữa.

Những cuộc hôn nhân này đều có lợi cho uy thế Nam Hà.

Sách lược Nam tiến hòa bình là sách lược kiến quốc có giá trị suốt trong thế kỷ XVII, thế kỷ XVIII

Có ai ngờ rằng một anh kép hát mà cố viên kiến chính trị đến như thế.

Anh kép hát ấy sáng tạo ra điệu Hồ Khoan (khoan hải hồ khoan) rèn luyện tinh thần thượng võ cho nhân dân Bình Phú (Bình Định và Phú Yên, hai tỉnh trù phú ở miền Trung). Lại sáng chế ra điệu nữ tướng hành quân. Khuyến khích việc cưỡi ngựa, cầm voi đi quyền ở nữ giới.

Về binh học, Đào Duy Từ có làm sách Hồ tướng Khu cơ, dạy phương lược hành quân và cách chế tạo hỏa khí, lựu đạn.

Công nghiệp của ông thật là kỳ vĩ. Suốt thế kỷ XVII, nhân tài quân chính ở cả hai miền Nam Bắc không ai sánh kịp.

SỰ THÔNG THÁI THIÊN VĂN DẪN ĐẾN CÁI KHÔN QUÂN SỰ

Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh, Nguyễn Hữu Dật, học trò Đào Duy Từ là một tướng lĩnh có nhiều kiến thức sâu sắc nhất về thiên văn học. Nhờ đó, ông đã thắng quân Trịnh những trận rất lý thú và bất ngờ.

Chiến trường những năm 1657, 1658 ở đất Hà Tĩnh, Nghệ An, 7 huyện ở phía Nam bờ sông Lam Giang.

Tháng 9 năm Đinh Dậu (1657) tướng bên Trịnh là Thắng Nham giữ lũy Đông Hôn. Đông Hôn là đất thấp, e có thể bị nạn ngập lụt. Quân Trịnh định dời đi nơi khác nhưng còn luyến tiếc sự mát mẻ của đất này. Thêm nữa, khí trời khô ráo, nắng chang chang...

Nguyễn Hữu Dật quan sát thiên văn hàng đêm và tính ra rằng ngày 24 tháng 9 năm này thế nào cũng có lụt lớn.

Ngày Quý Hợi 24 tháng 9 (dương lịch 30.10.1657) sao Chẩn giao hội Thái Dương. Hắc khí phạm vào sao Khôi, sao thứ bảy trong chòm sao Bắc Đẩu. Thế nào cũng có lụt lớn.

Nguyễn Hữu Dật sắp đặt thuyền bè, chờ đến ngày ấy tiến đánh quân Trịnh. Thắng Nham trở tay không kịp, quân Trịnh lại thiếu thuyền bè, đành phải bỏ cả lương

thực khí giới mà bôn đảo về Thổ Sơn. Quân Nguyễn tha hồ thu vét chiến lợi phẩm rồi ung dung rút lui như thể vừa đi dạo mát vậy.

Quân Nguyễn lui rồi, bên Trịnh lại sai Văn Khả ra trấn giữ Đông Hôn như trước. Cũng như Thắng Nham năm trước, Văn Khả cũng không thạo thiên văn. Nguyễn Hữu Dật tính đúng vào ngày 5 tháng 10 năm Mậu Tuất là ngày Lục Long, ngày ấy sẽ có mưa to gió lớn. Bèn chuẩn bị cướp trại quân Trịnh, tái diễn trận đánh năm trước, Văn Khả thua chạy quân Nguyễn lại chở được lương thực, khí giới, các đồ quân dụng đầy thuyền mà trở về trận tuyến bên mình một cách thờ thối bình yên.

Tây Vương Trịnh Tạc thấy Nguyễn Hữu Dật là người có tài năng siêu việt, nảy ra ý muốn chiêu dụ, bèn bí mật sai người đem nhiều vàng bạc đến kết giao, muốn dùng Nguyễn Hữu Dật vào những chức vụ trọng yếu. Nguyễn Hữu Dật đem sự việc tường trình với chúa Hiền, chúa Hiền cho phép Nguyễn Hữu Dật giữ lại lễ vật của quân thù đem đến trao tặng, mình đem trả lại chẳng là bất tử và thất sách lắm sao?

Tây Vương Trịnh Tạc mất không một số lễ vật. Không thu được một chút kết quả nào cả...! Dễ gì mà Nguyễn Hữu Dật mắc vào cái bẫy ly dấn của bên Trịnh gương ra?

Chúa Trịnh và chúa Nguyễn đánh nhau 7 lần, sự

tranh hùng kéo dài từ năm 1627 đến năm 1657 chưa nghe thấy lần nào tướng bên Trịnh thắng được Nam quân nhờ những hiểu biết về thiên văn cả. Đủ biết cái học của Nguyễn Hữu Dật sâu sắc đến bậc nào.

NHỮNG ĐIỀU KHÔN CỦA HOÀNG NGŨ PHÚC

Hoàng Ngũ Phúc vốn là hoạn quan, nhân việc dâng kế sách đánh dẹp các đám loạn quân ở Bắc Hà, được chúa Trịnh phong cho làm tướng coi một đạo quân. Hoàng Ngũ Phúc rất lấy làm lo vì tự biết mình chưa có kinh nghiệm chiến trận. Môn Khách hiến kế rằng:

- Binh võ tài, sĩ bất lai! Nếu không có trọng thưởng lấy gì chiêu dụ dũng sĩ? Xin cứ vay trước 5 vạn quan tiền để lo tính mọi việc.

Hoàng Ngũ Phúc đồng ý thưởng trọng hậu cho dũng sĩ nhưng lại lo về sau không biết lấy gì để trả nợ. Môn Khách lại nói:

- Thắng trận thì chủ tướng chức trọng quyền cao, lo gì không có tiền trả nợ? Thua trận thì thân mình chưa chắc sống sót, ai đòi nợ nữa mà lo? Hãy cứ tính sao cho thắng trận trước đã!

Hoàng Ngũ Phúc y theo kế sách. Quả nhiên chiêu mộ được nhiều dũng sĩ và do vậy mà lập được nhiều chiến công.

Môn Khách lại nhận định rằng trong số các tướng lĩnh đương quyền chỉ có Văn Đình Úc, Phạm Đình Trọng là có mưu thao lược giỏi hơn những tướng khác. Nên hành binh hộ ứng với hai người này thì thanh thế của quân mình dễ được tăng thêm.

Hoàng Ngũ Phúc lại đồng ý vì binh là việc lớn của quốc gia một mình lo liệu sao cho chu toàn được. Phải thu góp nhiều ý kiến của các mưu sĩ, lựa chọn mà dùng. Không nên tự phụ mình có tài năng mà bỏ qua những ý kiến hữu dụng của những người khác.

Năm 1769 Hoàng Ngũ Phúc vâng mạng chúa Trịnh đi đánh Trấn Ninh là đất căn bản của Thiên Nam Đé Tử Lê Duy Mật. Từ năm xưa, Hoàng tử Lê Duy Mật đã căm giận họ Trịnh quyền gian, định đốt phá kinh thành, diệt họ Trịnh ngay tại Thăng Long. Việc làm này hợp chính nghĩa nên được một số triều quan bí mật tham dự.

Việc đốt phá Kinh thành khó bề thực hiện nên các Hoàng thân Lê Duy Qui, Lê Duy Mật, Lê Duy Chúc phân tán bốn đảo. Lê Duy Mật chiếm cứ được miền Thượng du Thanh Hóa, sau sang Trấn Ninh lập được cơ sở bền vững, đủ binh lực, khí giới, thuốc đạn, lương thực tích trữ dồi dào. Quân Trịnh dẫu có vây đánh hàng năm,

cũng không hề gì đến gần được hai vòng lũy phòng thủ của Thiên Nam Đế Tử.

Hoàng Ngũ Phúc theo kế của một Môn Khách không đánh gấp lũy Trấn Ninh mà lòng bắt bà mẹ của Lại Thế Tế. Lại Thế Tế là rể của Lê Duy Mật nên được quyền ra vào hai vòng chiến lũy. Bắt được bà già rồi, Hoàng Ngũ Phúc đem cái chết ra hăm dọa bà già và hứa cho con trai được quan chức lớn nếu người con ấy biết bỏ nghịch đảng, theo về đường thuận của chính quyền. Đem cái oai phong của một ông tướng ra hăm dọa một bà già, Hoàng Ngũ Phúc đã đạt được mục đích một cách dễ dàng, êm xuôi.

Vì muốn cứu tính mạng mẹ ruột nên Lại Thế Tế đã nhẫn tâm phản lại quân phục Lê Duy Mật nghĩa quân thân, tình cha vợ chàng rể đã bị giày đạp một cách thảm thương. Lại Thế Tế mở cửa chiến lũy cho quân Trịnh tràn vào. Quân Trịnh kè súng sát vòng chiến lũy mà nã đạn. Các kho lương thực, khí giới đều bốc cháy... Thiên Nam Đế Tử biết có nội biến bèn cùng vợ con tự đốt mà chết.

Bọn Bùi Thế Đạt theo tướng lệnh Hoàng Ngũ Phúc khám xét toàn bộ lũy Trấn Ninh, thu được rất nhiều vàng bạc, khí giới, lương thực, trâu bò, lừa ngựa.

Cuộc khởi binh của Lê Duy Mật từ năm 1738 đến năm 1770 chiến đấu qua hai đất Việt Lào. Kéo dài được 32 năm đành chịu tuyệt diệt.

Năm Giáp Ngọ (1774) Hoàng Ngũ Phúc đem các tướng Bùi Thế Đạt, Phan Lê Phiên, Đoàn Nguyễn Thụ vào đánh Thuận Hóa. Hoàng Ngũ Phúc chiêu hàng được các tướng Quý Lộc, Kiêm Long bên chúa Nguyễn nên quân Trịnh vượt qua Định Bắc Trường Thành ở Quảng Bình một cách mau lẹ như một cuộc dạo mát quân sự.

Tháng 11 năm này, chúa Trịnh Sâm vào Nghệ An tiến thẳng đến Hồ Xá, truyền hịch kể tội quyền thần Trương Phúc Loan. Chúa Trịnh khởi binh là cốt để giúp chúa Nguyễn trừ khử Trương Phúc Loan và đẩy lui sự uy hiếp của quân Tây Sơn chứ không có mục đích gì khác!

Bọn Nguyễn Cửu Pháp bắt Trương Phúc Loan giải nạp cho Hoàng Ngũ Phúc, Trương Phúc Loan khóc lạy, xin chuộc mạng 1.000 lượng vàng.

Hoàng Ngũ Phúc tiến quân vào Quảng Trị rồi mừng 3 tết năm Ất Mùi, tiến chiếm thành Phú Xuân. Định vương Nguyễn Phúc Thuần chạy bộ qua đèo Hải Vân.

Hoàng Ngũ Phúc làm đại trấn phủ có quyền tiên nghi hành sự.

Tháng 3 giao cho Bùi Thế Đạt giữ thành, Hoàng Ngũ tự mình đem quân đuổi bắt chúa Nguyễn Định vương Nguyễn Phúc Thuần chạy được vào Gia Định.

Đại nam quốc sử diễn ca ghi rằng

Độ quân nó (Trịnh) bắc Phú Kiều

Thủy hoa phát phối qua đèo Hải Vân

*Quảng Nam đòi trú lục quân
Trong Tây, ngoài Trịnh, xa gần với ai?
Thuyền rồng vào bến Đồng Nai
Long Hưng còn đợi cơ trời có khi.*

Dân Nam Hà ở Bình Trị Thiên theo sự nhận xét của giáo sĩ Labartette chết đói đến một nửa, lại có bệnh dịch lưu hành.

Hoàng Ngũ Phúc chiếm đóng Quảng Nam, đồn quân ở Châu Ô. Quân Trịnh chết dịch rất nhiều. Cuối năm Ất Mùi (1776) Trịnh Sâm triệu hồi Hoàng Ngũ Phúc. Về được nửa đường Hoàng Ngũ Phúc nhiễm bệnh chết luôn.

Dẫu sao đời Trịnh Sâm cũng được sử Bắc Hà ghi là đời phồn thịnh, người góp công đầu vào sự phồn thịnh đó là viên Quận công Hoàng Ngũ Phúc.

Biệt tài của Hoàng Ngũ Phúc là khéo dùng lộc vị, quyền tước chiêu hàng được bọn tiểu nhân trong việc đánh chiếm cao nguyên Trấn Ninh cũng như trong việc đánh chiếm Thuận Hóa, ông khéo chiêu dụ được bọn tiểu nhân kiến lợi vong nghĩa mà thành được đại công.

Ông cũng đủ mưu trí để tiên đoán rằng quân Trịnh vào Quảng Bình bằng thượng đạo thì về sau sẽ có người ở phương Nam dùng thượng đạo mà tiến quân ra Bắc. Mình mở đường đi ngăn cấm sao ruổi người đời sẽ dùng đường thuận tiện ấy.

Nhưng Hoàng Ngũ Phúc thiếu hẳn tình thân ái. Ông làm Đại trấn Phủ đất Thuận Hóa, chỉ biết có việc trấn thôi chứ không phủ dụ được ai. Dân Thuận Hóa dưới quyền trấn phủ của ông, chết đói đến một nửa, có lẽ nào ông không hay biết gì sao? Người ngoại quốc còn thấy, ông không thể bảo rằng ông không thấy?

Cũng có thể, ông bỏ mặc cho dân Thuận Hóa chết đói để làm cho cơ nghiệp chúa Nguyễn bại loại từ dưới hạ tầng.

Người xưa có câu “đại binh chi hậu, tất hữu hung niên”. Sau việc dùng binh lớn ắt có năm mất mùa. Năm mất mùa thì dân chết đói rồi các thứ bệnh dịch phát sinh. Bệnh dịch không kiêngné gì quân trấn đóng cả. Dân chết dịch luôn!

Tướng đã chết rồi thì cũng chưa phải là hết chuyện. Giữa quân chiếm đóng của Bắc Hà và dân sở tại ở Nam Hà có một sự ngăn cách bằng thù hận rất lớn lao. Dân địa phương cần rằng chịu đựng là vì họ chưa có cơ hội phục thù.

Rồi cơ hội sẽ đến.

Năm 1768, Long Nhương Tướng quân Nguyễn Huệ ra đánh Phú Xuân. Ba vạn quân của chúa Trịnh bị quân Tây Sơn làm cỏ gần hết. Đứa nào sống sót, chạy ra khỏi thành Phú Xuân thì bị dân làng đón giết. Đứa nào may mắn lắm, chạy về Bắc được thì tuyên truyền cho oai võ Tây Sơn. Dân Bắc Hà rúng động.

Nhưng các quan ở Phủ chúa bàn rằng:

- Đất Thuận Quảng nguyên không phải là của triều đình, có mất cũng không sao. Điều quan hệ là giữ không cho quân Tây Sơn xâm phạm miền Thanh Nghệ.

Nhưng các tướng bên Trịnh đều khiếp đảm. Trấn tướng Nghệ An là Bùi Thế Toại, trấn tướng Thanh Hóa là Tạ Danh Thùy bỏ thành trốn trước. Quân Tây Sơn chiếm hết kho lương của chúa Trịnh ở bên sông Vị Hoàng gồm đến mấy triệu斛 lúa mà không phải bán một mũi tên nào.

Cái tâm lý mất nước của quan quân Bắc Hà làm cho cơ nghiệp hơn hai trăm năm của họ Trịnh sụp đổ, không còn một cơ hội nào hưng phục.

Rất may có Hoàng Ngũ Phúc đã chết từ 10 năm về trước, miễn thấy cảnh quốc phá gia vong. Đó là điều tất cả mưu trí của ông không bao giờ dư liệu, tướng tượng được cả.

ĐƯỜNG CUỐI CÙNG CỦA MƯU TRÍ PHẠM LÃI (ĐÀO CHU CÔNG)

Nước Ngô của Phù Sai và nước Việt của Câu Tiễn tranh hùng ở góc Đông Nam cõi Hoa Hạ (Trung Quốc).

Đầu thế kỷ thứ 5 trước công nguyên quân Ngô đại thắng quân Việt, bao vây núi Cối Kê. Việt Câu Tiễn chỉ còn 5000 quân, có ý định đốt hết các đồ châu báu vàng bạc xua tàn quân ra đánh quân Ngô một trận cuối cùng. Hai vị hiền thần của nước Việt là Văn Chủng và Phạm Lãi cố sức can ngăn khuyên Câu Tiễn cúi đầu chịu đầu hàng nước Ngô chịu lễ cống hiến, dân hết bạc vàng châu báu, cung cấp các thứ gỗ quý cho Ngô xây dựng cung thất lâu đài, lựa gái đẹp vào hầu hạ Ngô Vương ở đài Cô Tô.

Phạm Lãi sang đất Ngô làm con tin, ở tù hai năm sau được vua Ngô tha cho về. Vua tôi nước Việt đồng tâm hiệp lực, sau hai mươi năm khổ tâm làm cho nước Việt đủ binh lực, quân lương.

Năm 473 TCN quân Việt đại thắng, nước Ngô bị tiêu diệt. Đất Việt gồm cả Giang Tô và phía nam Sơn Đông. Thiên tử nhà Chu Phong Câu Tiễn làm Phương Bá.

Trong việc làm cho nước Việt phục hưng cường thịnh, Văn Chủng và Phạm Lãi đều có công rất lớn. Phạm Lãi nhận định rằng:

Câu Tiễn là người khắc bạc, có thể cùng chung nhau chịu hoạn nạn chứ không thể cùng nhau chia hưởng yên vui. Bảo Văn Chủng phải tìm cách rút lui, nếu không sẽ chịu tai họa. “Nước địch đã phá, thỏ khôn đã hết, chó săn bị xẻ thịt! (định quốc phá mưu thần vọng. Giảo thổ tận, tẩu cẩu phanh!) người khôn phải biết tự

giữ mình mới được.

Văn Chung không nghe lời khuyên nhủ, ở lại triều Câu Tiễn. Phương Bá Câu Tiễn bảo Văn Chung rằng:

- Nhà người dạy cho ta 7 kế sách phá hoại nước Ngô, ta chỉ dùng có 3 mà nước Ngô đã vong diệt. Còn dư 4 kế sách, ta muốn phiền người giúp Tiễn vương ta ở chốn suối vàng.

Rồi Câu Tiễn để lại cho Văn Chung một thanh bảo kiếm. Đó là thanh kiếm mà vua Ngô Phù Sai đã trao cho Ngũ Tử Tư ngày trước! Văn Chung phải dùng thanh kiếm ấy mà tự sát.

Phạm Lãi đi đường sông biển sang lập nghiệp ở đất Định Đào nước Sở. Trước cày ruộng sau buôn bán, làm việc gì cũng thành công và trở nên thi phú có danh tiếng trong thiên hạ.

Đến khi người con út được vài mươi tuổi thì anh nó rong chơi ở đất Sở can tội giết người. Phạm Lãi (Đào Chu Công) xuất ngàn lượng vàng định sai thằng con út đem đi, lo việc cứu mạng cho anh. Người con trưởng của ông nhất định xin đi làm việc này, nếu không được chấp thuận thì anh ta sẽ tự sát.

Bà vợ Đào Chu Công cũng khuyên chồng nên cho người con trưởng. Bất đắc dĩ, Đào Chu Công mới viết thư cho một người bạn cũ là Trang Sinh ở Kinh đô nước Sở rồi kêu người con trưởng nam lại căn dặn kỹ lưỡng rằng:

- Nay sang đất Sở, trao thư của ta và ngàn lượng

vàng cho ông Trang Sinh. Mày không được can thiệp một chút xíu nào vào việc đó. Trao thơ và vàng xong, phải đi về ngay. Để ông ta toàn quyền hành động.

Trang Sinh nhận được thơ và vàng, bảo vợ con mình rằng:

- Đây là vàng của ông Chu, các người không được tơ hào một chút xíu nào vào đó. Sau này dẫu ta có chết sớm đi thì các người vẫn cứ phải lai hoàn nguyên số cho nguyên chủ.

Trang Sinh là một kẻ hàn sĩ ở đất Sở nhưng rất có thanh giá đối với Triều đình nước Sở.

Trang Sinh xin vào triều yết kiến vua Sở và bảo rằng:

- Sao Huỳnh Hoắc phạm vào địa phận sao Nam Đẩu, điều này rất có hại cho nước Sở. Nhà vua nên làm một án đức lớn để văn hồi lòng trời.

Vua Sở y theo, sai người niêm phong các kho tiền, sắp sửa ban hành lệnh đại xá...

Người con trưởng nam của Đào Chu Công còn nấn ná ở đất Sở, đem vàng riêng của mình kết giao với những nhà quyền quý. Một vị quý nhân bảo với con trai Đào Chu Công rằng:

- Nhà vua sắp ban hành lệnh đại xá...

Con trai trưởng của Đào Chu Công hỏi:

- Sao ngài biết được?

Vị quý nhân đáp rằng:

- Theo thủ tục hành chánh nước Sở, trước khi có lệnh đại xá thì Vua niêm phong các kho tiền. Chiều hôm qua, các kho tiền đã được niêm phong cẩn mật!

Người trai trưởng của Đào Chu Công nghĩ rằng nếu có lệnh đại xá thì em mình cũng được tha. Tiếc đã mất không một ngàn lượng vàng cho Trang Sinh. Anh ta lại đến nhà Trang Sinh. Trang Sinh trông thấy, hoảng kinh hỏi rằng:

- Sao anh lại chưa về? Đây vàng anh đưa cho tôi vẫn còn nguyên vẹn. Anh vào nhà nhận lại rồi về!

Trang Sinh mắc cỡ vì đã mắc mưu trẻ con, lại xin vào yết kiến và bảo rằng:

- Người con Đào Chu Công giết người ngoài chợ, gia đình nó sai người đem nhiều vàng sang lo lót khắp nơi. Nay nhà vua đại xá, đâu có phải thương gì nước Sở mà chính bảo toàn tính mạng cho con Đào Chu Công đó!

Vua Sở nghe vậy, nổi giận nói rằng:

- Quả nhân đây dẫu kém đức nhưng có bao giờ chịu làm một việc vô lý như vậy.

Liền truyền lệnh giết người con phạm pháp của Đào Chu Công trước rồi sau lệnh đại xá mới ban ra.

Rốt cuộc, người con trưởng của Đào Chu Công đem được xác của em và ngàn lượng vàng trở về nguyên vẹn.

Đào Chu Công nói rằng:

- Ta ngày đêm vẫn mong đợi nó đem xác của em nó về. Nay quả nhiên như thế! Không phải nó không thương em nó đâu. Chỉ vì nó phải khổ sở gây dựng sự nghiệp hào phú với ta nên nó biết giá trị đồng tiền và tiếc tiền lắm. Ta sở dĩ muốn sai thằng út đi là vì thằng út mở mắt chào đời đã được thấy ngày nhà ta hào phú. Nó lớn lên, cả ngày chỉ biết rong chơi, dám tiêu tiền một cách rộng rãi.

Trong việc này, mưu trí của Đào Chu Công đã lâm vào bước đường cùng. Một người trí dũng song toàn, vực được một quốc gia sắp tiêu vong bên bờ vực thẳm lại không chu toàn được cho gia đình mình. Nghĩ kĩ cũng đau lòng thiệt!

Ông đã sáng suốt nhìn thấy tâm lý của vua Việt Câu Tiễn, ông cũng sáng suốt nhìn thấy tâm lý của các con mình, thế mà ông không sử dụng được cách xử thế xa hoa của con út cũng như không thắng được cách xử sự keo kiệt của con trưởng nam, đó là một sự thất bại lớn trong đời của ông vậy.

Trí mưu nhiều cho lắm rồi cũng phải ôm bụng kêu trời! Biết là sẽ có nạn lớn, đã tìm ra cách đối phó mà rốt cuộc tai nạn vẫn cứ xảy ra. Hơn ba trăm năm sau lại có những truyện của Trương Lương và Hàn Tín.

LÒNG TRUNG NGHĨA CỦA TRƯƠNG LƯƠNG

Hán gia quật khởi truyền Tam Kiệt.

Nhà Hán dựng được cơ đồ 400 năm là nhờ sức ba người hào kiệt: Trương Lương, Hàn Tín, Tiêu Hà.

Trương Lương là dòng dõi quý tộc nước Hán. Năm 230 TCN, Tần Vương Doanh Chính diệt nước Hán. Trương Lương thề quyết chí báo thù cho tổ quốc. Bèn tiêu tốn mấy ngàn lượng vàng, chu du khắp nơi, Phía Đông đi chơi ra đến biển, gặp được một tráng sĩ du hiệp, bèn cùng nhau bàn định mưu kế đánh giết Tần Thủy Hoàng. Biết vua Tần đi tuần du về phương Đông, Trương Lương bèn cùng tráng sĩ mai phục ở trường Bắc Lăng.

Xa giá vua Tần đến, hai người nhảy xổ ra hươu chùy đánh trúng vào một viên tướng tùy tùng. Tráng sĩ bị giết tại chỗ. Trương Lương may mắn chạy thoát được. Trốn đến Hạ Phì, được Hoàng Thạch Công truyền dạy cho sách Tam Lược.

Sự tích này được Lý Bạch nhắc lại trong bài:

Kinh Hạ Phì Dĩ Kiêu hoài Trương Tử Phòng

Tử Phòng vị hò Khiếu,

Phá sản bất vị gia

Thương hải dắc tráng sĩ
 Chùy Tần Bắc Lãng sa.
 Báo Hân tuy bất thành.
 Thiên hạ giai chấn động!
 Tiêm nặc du Hạ Phì
 Khởi viết võ trí dũng?
 Ngã lai Dĩ Kiều thương
 Hoài cổ, khâm anh phong
 Duy kiến bích lưu thủy.
 Tăng vô Hoàng Thạch Công...
 Thán tức thử nhân khứ
 Tiêu diên Trừ Tử Không.

Lý Bạch

Dịch:

Qua cầu Dĩ ở Hạ Phì, nhớ Trương Tử Phòng
 Thầy Lương thuở cạp chưa gấm
 Phá tan gia sản ao đầm ruộng nương
 Gặp người tráng sĩ trùng dương
 Một chùy Bắc Lãng đầu truông đánh Tần
 Báo Hân tuy việc chẳng thành
 Xa gần rúng động nổi danh lừng hào
 Hạ Phì lánh mặt lao đao
 Hà không trí dũng trước sau hơn đời?
 Ta nay cầu Dĩ dạo chơi

Nhớ về thuở trước, phục người anh minh.
Trôi xuôi nước biếc vô tình
Biết ông Hoàng Thạch ẩn mình nơi đâu?
Ngùi than người khuất từ lâu
Lạnh lòng Trừ Tử dòng sâu tiêu điều.

Trương Lương (tên là Tử Phòng) làm thầy cho Lưu Bang. Người sáng lập ra nhà Hán. Sử sách đương thời cũng như đời sau công nhận ông là người trù tính mưu lược ở trong màn tướng mà có hiệu lực quyết thắng ở ngoài ngàn dặm.

Trong hàng Tam Kiệt, ông là người có địa vị cao quý nhất. Tiêu Hà coi việc nội chính, Hàn Tín coi việc chiến trận, tuy có quyền của một vị Đại Nguyên soái vẫn phải coi ông là bậc thầy.

Năm 202 TCN, Hán Vương Lưu Bang toàn thắng quân Sở ở sông Ô Giang, Hạng Vũ phải tự sát. Sở dĩ có được trận đánh phân định thư hùng này là vì Trương Lương đã phá tan cái kế tam phân đỉnh túc của Vũ Thiệp và Khoái Triệt (Khoái Thông) cả hai người đều khuyên Hàn Tín giữ lấy đất Tề, chia ba thiên hạ với Hán và Sở. Cứ để cho Hán và Sở đều tồn tại, tranh đấu với nhau. Tề đứng giữa làm trọng tài, nghiêng về Sở thì Hán nguy, nghiêng về Hán thì Sở nguy, Sở và Hán đều phải khép nép, không dám xâm phạm đến Tề, Tề đứng vào thế trung lập mà thế lực bền vững như núi Thái Sơn.

Hàn Tín không phải là người minh triết, không

biết nghe theo kế tam phân đỉnh túc nên rốt cuộc Sở bị tiêu diệt và sau đó mạng sống của Hàn Tín cũng tiêu vong.

Trương Lương được phong làm Lưu Hầu, ta theo đạo tiên để làm kế tự giữ mình toàn vẹn, ông nói:

- Xuất thân là một kẻ áo vải, làm quan đến bậc quốc sư, xẻ đất phong hầu, vinh hoa phú quý đều có đủ. Vậy thì còn gì mà phải lưu luyến chốn hồng trần? Sao bằng theo Xích Tùng Tư thoát khỏi cõi hồng trần ô trọc!

Ông cũng thờ một hòn đá lạ ở Cốc Thành làm tổ sư của mình, cho rằng hòn đá ấy là chuyển kiếp của Hoàng Thạch Công, ông già đã truyền dạy sách Tâm lược.

Trương Lương hưởng trọn tuổi thọ trời cho, để lại đất phong cho con. Con ông giữ được đất phong đến đời Huệ Đế. Đời vua thứ hai của nhà Hán, thì bị kết vào tội bất kính. Ấp phong bị xóa, may phước con cháu không bị đao búa chém giết, may phước hơn Hàn Tín rất nhiều.

KHÔI HÀI

CÁCH THUYẾT PHỤC TUYỆT KHÔN

Đời Chiến Quốc, nước Tề có Thuần Vu Khôn là người giỏi biện bác, lời nói vui đùa, ai nghe cũng lấy

lắm thích thú. Tề Uy Vương thích các thứ âm nhạc đậm dặt, suốt đêm say sưa li bì, giao việc chính trị trong nước cho các quan khanh, đại phu. Các quan lại lười biếng, chính trị rối loạn, thế nước suy vi, chư hầu lần đánh, tình thế nước Tề rất là nguy cấp.

Thuần Vu Khôn vào yết kiến nhà vua, hỏi Tề Uy Vương rằng:

- Trong nước có con chim lớn, ba năm nay đậu ở sân nhà vua, không kêu mà cũng không bay. Nhà vua có biết đó là con chim gì không?

Nhà vua đáp:

- Con chim ấy không bay thì thôi, bay thì tung trời, lên vút mây xanh. Không kêu thì thôi, kêu thì vang động bốn phương, xa gần đều sợ khiếp!

Thế rồi đòi các quan cầm đầu 72 thành vào châu, xét thành tích, giết một người, thưởng một người. Cát quân ra đánh. Chư hầu hoảng sợ, trả lại những đất đã xâm lấn về cho nước Tề. Uy thế nhà vua lừng lẫy 36 năm...

Năm 317 TCN nước Sở hưng binh đánh nước Tề. Tề Uy Vương sai Thuần Vu Khôn đem 100 cân vàng, 10 cỗ xe 4 ngựa sang nước Triệu cầu viện. Thuần Vu Khôn ngựa mặt lên trời cười lớn, đứt cả dải mũ. Vua Tề hỏi:

- Sao tiên sinh lại cười? Chê ít chăng?

Thuần Vu Khôn đáp rằng:

- Thần đâu có dám cười nhà vua, thần cười anh

chàng nông phu trong xóm thần đó thôi!

Vua hỏi:

- Chuyện như thế nào?

Đáp ngay rằng:

- Khi mai, thần đi xe lại đây, thấy bên đường có anh chàng nông phu ấy cũng thổ thần. Hắn bày ruột chân giò lợn, rót mấy chén rượu rồi khẩn rằng: “ Ruộng trên đầy thúng, ruộng dưới đầy xé. Thóc nếp gặt về, đầy nhà ê hề!” Đưa lễ thì ít mà cầu lại quá nhiều ai mà nhin cười cho được?

Tề Uy Vương bèn cho đem 1000 cân vàng, mười đôi ngọc bích trắng, trăm cỗ xe bốn ngựa Thuần Vu Khôn đem lễ vật sang nước Triệu. Vua Triệu cho xuất 1000 cỗ xe bọc da, 10 vạn quân tinh nhuệ. Vua Sở nghe tin ấy, không dám chấp nhận về việc giao chiến, đang đem ra lệnh rút quân về đất Sở cho mau.

*

*

*

Sau đó hơn trăm năm, ở nước Sở có Ưu Hạnh là người giỏi bông đùa, biện luận nên được Sở Trang Vương cho thân cận gần mình, Ưu Hạnh giỏi đóng tuồng, hát chèo.

Một hôm, Ưu Hạnh đi chơi gặp Công tử con quan lệnh doãn Tôn Thức Ngao ngày trước. Công tử nghèo khổ phải đi đốn củi, gánh củi bán kiếm ăn. Ưu Hạnh cảm thương đức độ thanh liêm của Tôn Thức Ngao, bảo

với Công tử rằng:

- Tôi sẽ có cách giúp. Công tử cứ ở gần đây, chớ có đi đâu xa.

Bèn về nhà sắm sửa mũ áo, học tập điệu bộ và giọng nói giống y như Tôn Thức Ngao ngày trước. Một người bạn phường tuồng đóng vai Sở Trang Vương.

Mở màn lên. Sở Trang Vương (giả) thấy Tôn Thức Ngao (giả) liền kêu lên rằng:

- Người là Tôn Thức Ngao đó chẳng? Ta lại dùng người làm lệnh doãn (tướng quốc) như ngày trước, người nghĩ sao?

Tôn Thức Ngao (giả) đáp rằng:

- Để tôi hỏi ý kiến của vợ tôi đã!

Rồi lặn vào buồng. Một lát trở ra, trả lời cho Sở Trang Vương (giả) rằng:

- Vợ tôi có dạy cho tôi một bài hát. Tôi xin hát hầu nhà vua nghe.

Quan tham nên làm mà cũng không nên làm

Quan tham nhiều tiền của, nhiều ruộng vườn

Vợ con sung sướng, ăn ngon mặc đẹp, ra ngoài nhiều xe ngựa.

Nhưng đã tham thì bị ối, phạm nhiều tội lỗi, một mai bị tra xét thì cái án nhận của hối lộ chạy đi đâu cho khỏi?

Quan liêm nên làm mà cũng không nên làm.

Đã liêm thì thanh cao, không sách nhiễu của ai một đồng nào.

Chẳng chẳng thấy quan Lệnh doãn nước Sở ta là Tôn Thúc Ngao.

Lúc sống thanh liêm, khi qua đời tiền dư có được là bao.

Con trai may còn túp lều tranh để chui ra chui vào. Đốn củi đi bán, ăn rau ăn cháo, ốm đói xanh xao!

Chàng ơi chàng! Quân Vương nào có nhớ công lao.

Bài ca vừa dứt, Sở Trang Vương (thật) hỏi Ưu Hạnh rằng:

- Có chuyện như thế sao?

Bèn sai Ưu Hạnh đi tìm người con Tôn Thúc Ngao, định phong cho một ấp lớn. Vợ công tử nhớ lời cha dặn, chỉ xin nhận đất Tầm Khẩu.

Sở Trang Vương nói:

- Tầm Khẩu là đất xấu, hoa lợi đâu có bao nhiêu.

• Công tử nói đó là lời trắng trối của phụ thân, không dám nhận đất khác. Nhờ vì đất xấu, không ai thèm tranh nên con cháu Tôn Thúc Ngao giữ cái lộc nhỏ mọn được đến hơn mười đời. Mức sống trung bình nhưng bình yên vô sự, không ai xin tranh đất Tầm Khẩu cả.

Đúng như câu tục ngữ Việt Nam mình nói:

- Ăn ít no dài.

TRẦN BÌNH MƯU TRÍ TỰ GIỮ MÌNH, RỒI THẮNG NGƯỜI

Trần Bình là người da trắng mịn, tướng mạo khôi ngô. Theo làm quan với Ngụy Vương, thấy Ngụy Vương không đủ tài năng làm việc lớn. Nên bỏ nước Ngụy theo về với Tây Sở Bá Vương. Hạng Võ tuy có cho Trần Bình làm chức Đô Úy nhưng những mưu kế sâu xa, những sách lược lớn của Trần Bình lại không được dùng.

Trần Bình bèn bỏ Sở, theo về với Hán Vương. Lúc qua sông Hoàng Hà, bọn lái đò thấy Trần Bình, đoán biết là một viên quan đi trốn, tất có đem theo bạc vàng châu báu, nảy ra ý định sát nhân đoạt tài. Trong tình thế nguy cấp ấy, Trần Bình giữ được thái độ điềm tĩnh, trút bỏ quần áo, bảo bọn lái đò rằng:

- Tôi cũng biết chèo, xin giúp các ông một tay để thuyền đi cho mau!

Thân thể lỏa lồ, không có gì giấu được trong mình cả, thuyền cập bến, Trần Bình lên bờ được, trốn thoát nạn.

Theo về với Hạng Vương, Bình cũng được phong làm Đô Úy. Các tướng bên Hán nhiều kẻ ganh tỵ, bảo với nhau rằng:

- Đại vương vớ được một anh từ nước Sở trốn đến, chưa biết hay dở thế nào đã vội phong nó làm Đô Úy,

quyền coi cả chúng ta.

Hán Vương nghe vậy lại càng thân mật với Trần Bình nhiều hơn. Hán Vương cho Trần Bình đi theo mình, tấn công Bành Thành, bị Hạng Võ đánh cho thua lớn, phải chạy đến Huỳnh Dương. Nơi có Hàn Tín đóng quân. Hán Vương lại cho Trần Bình làm Á tướng, giúp sức với Hàn Tín, chinh đồn lại tàn quân.

Tướng Hán là Quán Anh nói gièm Trần Bình với Hán Vương rằng:

- Bình tuy đẹp trai nhưng cũng ví như hạt ngọc cắn trên mũi, bên trong chưa chắc đã có gì. Thần nghe nói Bình lúc ở nhà thông dâm với chị dâu, thờ nước Ngụy không được người ta dung nạp, bỏ Ngụy về Sở, lại cũng không hợp với Sở nên cùng đường phải theo Hán. Hán làm Đô Úy coi các tướng, lại ăn hối lộ, ai đưa nhiều vàng thì cho chỗ tốt, ai đưa ít vàng thì buộc phải nhận chỗ xấu. Tư cách Trần Bình như thế quyết không thể đảm đương nổi việc lớn. Xin đại vương xét cho...

Hán Vương nghi ngờ, cho đòi Ngụy Vô Tri hỏi. Ngụy Vô Tri bảo rằng:

- Tôi tiến cử Trần Bình là tiến cử về mưu lược và tài năng. Điều mà Đại vương nghe đó là thuộc về đức hạnh. Nay nếu có người thủ tín như Vĩ Sinh, đức hạnh như Hiếu Kỷ thì Đại vương có thì giờ dùng đến hay không? Hán Sở tranh hùng ai biết dùng những kẻ sĩ có mưu hay chước lạ thì kẻ ấy sẽ thắng.

Hán Vương vẫn cứ giao du thân mật với Trần Bình, bàn định về lễ hưng vong Hán, Sở. Trần Bình hiến kế rằng:

- Hạng Vương có bốn bảy tôi cốt cán là Phạm Tăng, Chung Ly Muội, Hoàn Sở, Chu Ân nhưng không biết dùng. Ta có thể tung kế phản gián, ly gián. Xin Đại vương xuất ra vài vạn cân vàng, dùng hỏi đến việc chi dùng, thần sẽ làm cho hàng ngũ bên Sở rời rã...

Quả nhiên đúng như thế. Phạm Tăng bị Hạng Võ nghi ngờ, tức giận trả ấn, xin lui về điền ấp. Đi được nửa đường vì tức uất quá nên phát bệnh ung thư ở sau lưng mà chết.

Sử sách tóm lược thành quả công tác phản gián bằng câu:

Hán dụng Trần Bình kế

Ly gián Sở quân thần.

Hán Vương dùng kế của Trần Bình ly gián được vua tôi nước Sở.

Phản gián là công tác tuyệt mật cho nên trước khi nhận được phương tiện để thực hành, Trần Bình đã phải đặt một điều kiện tiên quyết: Hán Vương không nên hỏi đến việc chi dùng mấy vạn cân vàng ấy ra sao. Hỏi là làm lộ bí mật, lộ bí mật thì còn phản gián ai được nữa?

Đến khi Hán Vương đã thành được nghiệp đế, Trần Bình càng được trọng đãi nên giúp Cao Tổ được nhiều chức lạ mưu hay.

Như cổ lần Hán Cao Tổ đánh nhau với chúa Thiển Vu là Mặc Đột ở Bạch Đăng thành. Quân Hán thua phải rút vào trong thành, cố thủ. Quân Ky Hung Nô vây kín mấy vòng. Trần Bình dò biết vợ của chúa Thiển Vu có tánh hay ghen, bèn tung ra cái tin nay mai vua Hán sẽ đem nhiều châu báu và gái đẹp dâng cho chúa Thiển Vu để cầu hòa. Yên Thị sợ bọn con gái đẹp bên Hán sẽ cướp mất tình yêu của chồng mình nên xúi giục chúa Thiển Vu phải giải vây, kéo quân về phương Bắc viện lý quân số quân Hán gấp mười lần sẽ chia nhiều đường đánh báo thù thì nước Hồ nguy mất...

Cao Tổ phong cho Trần Bình đất Khúc Nghịch là đất trù phú ngang với Lạc Dương. Ấp phong của Trần Bình về sau được nổi rộng thêm vì được gia phong mấy lần liên tiếp.

Trần Bình thường hiền kế lạ, tiêu trừ được nhiều mối nguy to. Đến thời Lữ Hậu là thời nhiều biến cố rối ren, Trần Bình vẫn tự len lách thoát nạn, yên định được tôn miếu. Nếu không phải là bậc tướng hiền, có nhiều tài năng thì làm sao giữ được danh thơm trọn vẹn?

Địch thị là người có đủ mưu trí, tự giữ được mình, chiến thắng các địch thủ một cách kỳ diệu, khó có ai bì kịp.

CẦN ĐƯỢC LƯU Ý CÁCH HỌC SỬ THỜI XƯA

Thời xưa đây là thời Hán học còn thịnh hành. Học sử đây là học sử Trung Hoa nhiều triều đại khó nhớ được thứ tự trước sau.

Tác giả Tam tự Kinh chỉ dùng 128 câu ngắn gọn mà tóm lược được sử Trung Quốc từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế cho đến cách mạng Tân Hợi (1911)

Chúng tôi sẽ phiên dịch và chú thích như sau:

Kinh tử thông	Độc chư sử
Khảo thế hệ	Chi chung thủy
Tự Hy Nông	Chí Hoàng Đế
Hiệu Tam Hoàng	Cư thượng thế

Học thông các kinh và sách của các nhà rồi mới đọc các sử. Khảo rõ thế hệ, biết sau trước.

Từ Phục Hy, Thần Nông đến Hoàng đế gọi chung là Tam Hoàng ở về đời trên.

Đường Hữu Ngu	Hiệu Nhị Đế
Tương Ấp Tồn	Xưng Thạch Thế

Đào Đường (đế Nghiêu) Hữu Ngu (đế Thuấn) nhường ngôi cho nhau sử xưng là thời Thịnh Trị.

Đào Đường Thi (2359 - 2259) Hữu Ngu thi (2256 - 2208)

Hạ hữu Vũ Thương Hữu Thang

Chu Văn Vũ Xưng Tam Vương

Nhà Hạ có vua Vũ, nhà Thương có vua Thang, nhà Chu có vua Văn, vua Vũ xưng là Tam Vương (Hạ, Thương, Chu)

Hạ (2205 - 1766) Thương (1766 - 1122)

Chu (1122 - 256)

Hạ Truyền Tử Gia Thiên Hạ

Tứ Bách Tải Thiên Hạ Xã

Nhà Hạ truyền ngôi cho con, coi thiên hạ thuộc về nhà mình. Được 400 năm, dổi đổi xã tắc. Nhà Hạ chấm dứt.

Thang Phạt Hạ Quốc Hiệu Trương

Lục Bách Tải Chí Trụ Vương (Vong)

Vua Thành Thang đánh nhà Hạ, đặt tên nước là Thương (Ấn - Thương) được 600 năm, đến đời vua Trụ thì mất.

Chu Vũ Vương Thủy Trụ Trụ

Bát Bách Tải Tội Trường Cửu

Vua Vũ Vương nhà Chu mới đầu giết vua Trụ truyền 800 năm, vận nhà Chu rất lâu dài.

Chu triệt Đông Vương Cương

Sinh Can Qua Trụ Thương Du Thuyết

Bánh xe nhà Chu dời về phương Đông. Kỷ cương của Vương Triều sụp đổ.

Các nước chư hầu đánh giết lẫn nhau. Kẻ sĩ đua tài du thuyết.

Thủy Xuân Thu Chung Chiến Quốc

Ngũ Bá Cường Thất Hùng Xuất

Việc can qua và du thuyết khởi từ đời Xuân Thu, chấm dứt ở đời Chiến Quốc.

Trước có Ngũ Bá là Tề Hoàn, Tấn Văn, Sở Trang, Tần Mục, Tống Tương.

Rồi có 7 nước mạnh gọi là Thất Hùng (Yên, Tề, Sở, Hán, Triệu, Ngụy, Tần)

Doanh Tần Thị Thủy Kiêm Tĩnh

Truyền Nhị Thế Hán Sở Tranh

Họ Doanh Tần đầu gồm các nước. Truyền được hai đời rồi Hán, Sở tranh nhau.

Nhà Tần thống nhất Trung Hoa vào năm 221 TCN. Đến đời Tần Nhị Thế (209-207 TCN) Thì bị quân Sở diệt. Rồi Hán, Sở tranh nhau.

Cao Tổ Hưng Hán Nghiệp Kiến

Chí Hiếu Bình Vương Mãn Soán

Quang Vũ Hưng Vi Đông Hán

Tứ Bách Niên Chung Ứ Hiến

Lưu Bang (Cao Tổ) sáng lập cư nghiệp nhà Hán. Đến đời Hiếu Đế, Bình Đế, Vương Mãn cướp ngôi nhà Hán, sáng lập ra nhà Tấn (9 TCN đến 25 CN).

Vua Quang Vũ lại Hưng, lập ra nhà Đông Hán. Cư nghiệp nhà Hán 400 năm, kết thúc ở đời Hán Hiếu Đế.

Vua Hán Hiếu Đế lên làm vua từ năm 190 đến năm 220 bị nhà Ngụy cướp mất ngôi.

Ngụy, Thục, Ngô

Tranh Hán Đỉnh

Hiệu Tam Quốc,

Ngật Lương Tấn

Bắc Ngụy, Tây Thục, Đông Ngô gọi là Tam Quốc tranh nhau cái đỉnh nhà Hán.

Người sáng lập ra triều Ngụy là Tào Phi (con của Ngụy Vũ Đế Tào Tháo. Ngụy Vũ Đế là danh hiệu Truy tôn xưng.

Người sáng lập ra Đông Ngô là Tôn Quyền.

Người sáng lập ra Tây Thục là Lưu Bị.

Nhà Ngụy được 5 vua 46 năm.

Nhà Thục được 2 vua 43 năm.

Nhà Ngô được 4 vua 58 năm.

Năm 265, Tư Mã Viêm đoạt ngôi nhà Ngụy, lập ra nhà Tây Tấn.

Năm 317, Tư Mã Duệ tránh oai võ quân Hung Nô, chạy xuống Giang Nam, lập ra nhà Đông Tấn.

Tổng, Tề Kế

Lương, Trần Thắng

Vì Nam Triều

Đô Kim Lăng

Nhà Đông Tấn bị Lưu Dụ lật đổ. Lưu Dụ lập ra nhà Tống. Rồi các nhà Tề, Lương, Trần kế tiếp nhau, kế tiếp gọi là Nam Triều.

Bắc Nguyên Ngụy

Phân Đông Tề

Vũ Văn Chu

Dữ Cao Tề

Ở Bắc Triều có nhà Nguyên Ngụy chia làm hai nước Đông Ngụy của Cao Tề, Tây Ngụy của Vũ Văn Chu.

Đãi Chí Tùy

Nhứt Thổ Vũ

Bất Tái Truyền

Thất Thống Tự

Rồi nhà Tùy thống nhất đất nước, chấm dứt thời kỳ Nam – Bắc Triều. Chẳng được hai lần truyền ngôi thì nhà Tùy mất chính quyền.

Đường Cao Tổ

Khởi Nghĩa Sư

Trừ Tùy Loạn

Sáng Quốc Cơ

Nhị Thập Truyền

Tam Bách Tái

Vua Dương Đế nhà Tùy hoang dâm xa xỉ, hiếu chiến. Ba lần đánh nước Triều Tiên, gây thành loạn lớn. Năm 617, Lý Uyên khởi nghĩa quân, bắt vua Cung Đế nhà Tùy phải nhường ngôi.

Lý Uyên là Cao Tổ nhà Đường. Nhà Đường có 20 vua. Truyền được 300 năm (618 - 907)

Lương Diệt Chi

Quốc Nãi Cải

Lương, Đường, Tấn

Cập Hán, Chu

Xung Ngũ Đại

Giai Hữu Do

Chu Ôn diệt nhà Đường, lập ra nhà Hậu Lương.

Lý Tồn Hưng diệt nhà Hậu Lương, lập ra nhà Hậu Đường

Thạch Kính Đường là rể nhà Hậu Đường, mượn binh lực Khiết Đan, diệt nhà Hậu Đường, lập ra nhà Hậu Tấn.

Lưu Trí Viễn thừa lúc côi Trung Nguyên vô chủc (con vua Hậu Tấn bị Khiết Đan bắt) lập ra nhà Hậu Hán.

Quách Uy phế vua Ấn Đế nhà Hậu Hán lập ra nhà Hậu Chu.

Ngũ Đại: Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu đều vận ngắn ngủi, có nhà chỉ được 4 năm! Nhà Hậu Chu được 9 năm.

Viêm Tống Hưng

Thụ Chu Thiện

Thập Bát Truyền

Nam Bắc Hồn

Nhà Viêm Tống Hưng, được nhà Hậu Chu nhường ngôi cho. Truyền 18 đời vua, thống nhất Nam Bắc.

Năm 960, Triệu Khuông Dẫn đi đánh Khiết Đan. Đến Trần Kiều, tướng sĩ ủng hộ cho Triệu Khuông Dẫn trở về triều, được vua nhà Hậu Chu nhường ngôi cho.

Liêu Dữ Kim

Giai Xung Đế

Nguyên Diệt Kim

Tuyệt Tống Thế

Lý Trung Nguyên

Kiểm Di Dịch

Cửu Thập Tả

Quốc Tô Phế

Đương lúc nhà Tống làm vua ở Trung Quốc thì ở phương Bắc có nước Kim, nước Liêu đều xưng đế.

Gia Luật A Bảo Cơ khởi nghiệp ở phủ Hoàng Long, dựng ra nước Liêu.

Hoàng Nhan A Cốt Đả dựng ra nước Kim.

Mông Cổ hưng thịnh, tóm thâu các nước Kim, Tống (Liêu đã bị Kim diệt từ trước) cai trị côi Trung

Nguyên và các đất Di Địch. Nhà Nguyên tồn tại được 90 năm.

Thái Tổ Hưng	Quốc Đại Minh
Hiệu Hồng Võ	Đô Kim Lăng
Đài Thành Tổ	Thiên Yên Kinh
Thập Thất Thế	Chí Sùng Trinh
Quyền Yên Tứ	Khấu Như Lâm
Chí Lý Sấn	Thần khí Phần

Chu Nguyên Chương đánh đuổi quân Nguyên, sáng lập ra nhà Đại Minh, niên hiệu là Hồng Võ, đóng đô ở Kim Lăng. Đời Thành Tổ, dời lên Yên Kinh.

Truyền 17 đời đến vua Minh Tư Tông, niên hiệu Sùng Trinh thì bọn hoạn quan hoành hành, giặc giã nổi lên khắp nơi. Thủ lĩnh bọn Lưu Khấu là Lý Tự Thành tự xưng là Sấn Vương, đánh hãm Yên Kinh. Nhà Đại Minh mất.

Thanh Thuận Trị	Cứ Thần Kinh
Chí Thập truyền	Tuyên Thống Tôn
Cử Tổng Thống	Cộng Hòa Thành
Phục Quốc Thổ	Dân Quốc Hưng

Họ Ái Tân Giác La khởi nghiệp ở Trường Bạch Sơn (Mãn Châu) Năm 1636, Ái Tân Giác La Nỗ Nhĩ Cáp Xích (Nurhachi) được cai ngọc tử truyền quốc của Trung Hoa mới đổi tên nước Hậu Kim ra Đại Thanh.

Truyền 10 đời, đến vua Tuyên Thống thì Cách

Mạng Trung Hoa nổi dậy ở Vũ Hán. Tuyên Thống phải thoái vị. Chỉ trong vài tháng Cách Mạng khôi phục đất của Hán Tộc, thành lập Trung Hoa Dân Quốc.

1912 là Dân Quốc nguyên niên.

Năm Nhị Sử

Toàn Tại Tư

Tải Trị Loạn

Tri Hưng Suy

Độc Sử Giả

Khảo Thực Lục

Thông Cổ Kim

Nhược Thâu Mục

Hai mươi hai bộ sử đều toát yếu tóm lược ở đây. Chép việc trị loạn, biết việc hưng suy. Kẻ học sử pha khảo thực lục cho thông suốt xưa nay như chính mắt mình trông thấy, thân mình tiếp xúc.

Điều cốt yếu là giúp cho người học nhớ được thứ tự trước sau. Về điểm này thì tác giả Tam Tự Kinh đã đạt được mục đích. Lời văn, lời thơ giản dị, tiện việc ghi nhớ. Nhưng đó chỉ là những sự việc của Bắc Sử.

Nếu độc giả là người nước Nam thì sao? Người Nam muốn nhắc đến những sự tích nước Nam, những triều đại nước Nam thì tính sao? Chắc là mình phải sáng tác ra một thứ tam tự kim, tứ tự kinh, ngũ tự kinh mà dùng cho thích hợp với nhu cầu tinh thần của mình chứ còn sao nữa?

Đã tự tin là một nước văn hiến, lẽ nào người Nam không thực hiện nổi công việc này hay sao?

ĐÊM TỐI NHẬN VÀNG

Nên hay không nên? Với các quan tham, việc thu nhận là nên lắm. Đêm tối, có ai biết đâu mà phải sợ? Cứ thu nhận mau đi và cất vào rương khóa cho thật kỹ lưỡng.

Với các quan có liêm khiết thì việc nhận vàng đêm tối là bỉ ổi xấu xa, trên thì khinh lờn phép nước, dưới thì phụ lòng tin cậy của nhân dân. Có nhân dân nào lại thích quan tham những cái trị mình bao giờ?

Đời Hồng Đức, vua Lê Thánh Tông khen Vũ Tự là có liêm khiết trong sạch, đêm tối không nhận vàng, có đức độ như người ngày xưa.

Đời Đông Hán, Dương Chấn tiến cử Vương Mật làm quan cai trị huyện Xương Ấp. Vương Mật đem vàng đến tạ ơn Dương Chấn, năn nỉ Dương Chấn nhận dùm lễ tạ ơn vì không có ai biết!

Dương Chấn nói:

- Ông biết, tôi biết, trời đất quỷ thần biết, sao gọi là không ai biết?

Rồi nhất định cự tuyệt, đuổi Vương Mật về.

Vũ Tự đời Hồng Đức cách xa Dương Chấn đời Đông Hán đến hơn 1.400 năm. Mới biết quan liêm là thứ quan khó có ở trên cõi trần gian này thật!

Có quyền hành trong tay, giữ được liêm khiết là

việc rất khó. Tục ngữ có câu:

- Một người làm quan cả họ được nhờ!

Nếu chỉ kể một họ nhà quan thì còn ít lắm, chưa sát đúng thực tế. Phải kể luôn thân bằng cố hữu, họ hàng bên vợ của quan nữa. Tác hại của quan tham vì vậy được nhân rộng ra nhiều lần: quan tham nào cũng đủ sức làm cho sinh linh đồ thán.

Mỗi quan tác hại trong một phần đất, nhiều quan tác hại trong nhiều phần đất, sinh linh đồ thán rồi giặc cướp nổi lên. Gặp năm mất mùa, việc ly loạn diễn tiến càng mau càng rộng.

Kiểm được một vị quan liêm khiết, có năng lực an dân là một việc khó. Cho nên sử sách ghi chép để làm gương khuyến khích đời sau.

Phạm Quí Thích khi viết sách nói về phong tục tỉnh Hải Dương ghi rằng:

Thượng Hồng, Hạ Hồng và các huyện Chí Linh, Thanh Lam phủ Nam Sách, phong tục văn nhã gần hợp với lễ. Còn 7 huyện thì vũ dũng gần hợp với nghĩa. Đó là nói đại khái về phong tục ngày thường. Đến như đi qua miếu Phù Ủng mà tưởng nhớ đến di phong Phạm Ngũ Lão, đi qua quán Trung Tân mà tưởng nhớ đến di phong Nguyễn Bình Khiêm, di phong Nguyễn Mại có chính tích tốt đẹp ở Sơn Tây, di phong Phạm Đình Trọng ở xã Kinh Dao có mưu lược đánh dẹp giặc cướp, di phong hết lòng vì nước của Nguyễn Cảnh Tuân, chí khí thanh

cao của Lý Tử Cầu, những người xưa ấy đều để lại những gương sáng cho đời sau.

Đời Lê Vĩnh Hựu (thượng bán thế kỷ XVIII) Nguyễn Trọng Danh, người xã Sài Trang, huyện Đường Hào, đem dân 4 xã Sài Trang, Thụy Trang, Đường Trang, Nghĩa Trang cố sức giữ vững địa phương, không theo giặc, được triều đình ban biểu vàng có 3 chữ Trung nghĩa dân.

Đời Gia Long, giặc Tàu Ô phiên động, dân các huyện Tiên Minh, Nghi Dương, Vĩnh Lại, Thủy Đường ra sức chống giặc, người thì xuất tiền, lúa giúp quân lương, người thì báo cho quan biết tình thế của giặc, khi ra trận họ đều chiến đấu dũng cảm, bắt được nhiều tên giặc, Triều đình ra ơn ban thưởng công minh.

Đời Tự Đức, dân huyện Đường An, Đường Hào đều hăng hái chống cự giặc biển.

Nếu những địa phương ấy bị quan tham nhũng nhiều thì làm sao những người dân trung nghĩa làm tròn được nhiệm vụ bảo vệ thôn xóm của mình?

Sự tác hại của quan lại tham nhũng còn tệ hại hơn giặc cướp biển. Quan tham đáng sợ hơn giặc, quan tham là giặc cướp ban ngày. Đó là một sự thật hiển nhiên.

Không lo xã hội có nhiều giặc cướp. Trước tiên nên lo xã hội có nhiều quan tham.

MỘT BỨC THƯ TIẾNG NÓI CHÍNH NGHĨA

Người viết bức thư này là Nguyễn Quang Bích đậu Hoàng giáp năm 1869, làm quan đến chức Tuần Phủ Hưng Hóa. Đánh với Pháp nhiều trận, duy trì phong trào Cần Vương ở Hưng Hóa, Phú Thọ suốt 4 năm sau ngày Kinh Thành thất thủ.

Ông qua đời cuối năm kỷ Sửu (1859) hưởng thọ 60 tuổi. Để lại Ngư Phong thi tập, thơ làm trong thời kỳ Cần Vương.

Bức thư trích dẫn sau đây trả lời cho những thư chiêu hàng của người Pháp.

... Khi Quý Quốc sang đây, một rằng hòa hiếu, hai rằng bảo hộ, để rồi chiếm thành trì chúng tôi, đuổi vua, đuổi tướng chúng tôi, để rồi lại còn tự quyền lập vua Đồng Khánh, chẳng qua đó chỉ là kế bịt tai ăn trộm chuông thôi. Lợi quyền chính trị đều về tay Quý Quốc nắm cả. Văn thần võ tướng đều bị Quý Quốc câu thúc trói buộc. Ôi còn lòng nào nữa? Gọi là hòa hiếu, gọi là bảo hộ mà lại có như thế ư? Chúng tôi lấy đẳng "làm cân", còn Quý Quốc làm vậy, thử hỏi ai là kẻ đúng sai? Giả sử có một nước lớn khác đến kinh lý Quý Quốc cũng như Quý Quốc đã làm ở nước chúng tôi thì Quý Quốc cũng cứ phục tùng theo họ ư? Hay là cũng nghĩa kích ở lòng, căm giận

lộ ra mặt, rồi Quý Quốc cũng làm như chúng tôi đang làm? Mong rằng Quý Quốc nén bực, bình tâm nghĩ lại, rồi đem trăm họ, đem trăm thành trì mà trả lại cho vua chúng tôi, đặt lại vua Hàm Nghi lên ngôi, khiến cho vua với dân chúng tôi được yên vui hòa hiệp trong đất nước của mình, còn Quý Quốc lại vẫn thông thương như cũ. Điều đó há chẳng phải là việc nghĩa to lớn lắm sao?

Bằng không, Quý Quốc cứ cậy về cái hay, cái giỏi của mình, thì chúng tôi cũng không chịu bỏ cái thua, cái kém của chúng tôi; rồi nếu mà thắng, mà sống, thì là nghĩa sĩ của Triều Đình, nhưng chẳng may mà thua, mà chết thì cũng là quỷ thiêng giết giặc. Thà chịu tội với Quý Quốc, quyết không chịu tội với vua nhà, thà chịu tội với nhất thời, quyết không chịu tội với vạn thế, một chữ “thúc” Từ nay xin Quý Quốc đừng có nhắc lại nữa, xin đừng có khuyên bừa. Chúng tôi cam lòng chịu chết vì nghĩa vua tôi.

Quý Quốc tự lo liệu lấy.

(Trích dẫn theo Trần Văn Giàu trong sách “Phong Trào Cần Vương” Nhà xuất bản Xây dựng – Hà Nội 1957).

Lời văn của bức thư trên giản dị, rõ ràng. Lý luận sắc bén, danh thép, tính chất chiến đấu phản ánh được hùng tâm tráng khí của một người đặt chính nghĩa lên trên sự còn mất, sống chết bản thân.

Bức thư này có thể coi là tiếng nói chung cho các

nghĩa sĩ Việt Nam trong lúc vận mạng nước nhà gặp cơn bĩ cực.

Quả đúng như lời Clausewitz đã nói: “không có ai hay nhắc đến hòa bình bằng các nhà xâm lược chinh phục, họ muốn vào đất nước của kẻ khác một cách êm thấm, không gặp một sự kháng cự nào”. Các vị thực dân Pháp ở thế kỷ XIX cứ gọi những nghĩa sĩ Việt Nam là quân phản loạn, là những kẻ bất trung. Họ muốn sĩ dân ta trung với vua Đồng Khánh là ông vua bù nhìn do họ thiết lập.

Chính vua Đồng Khánh cũng có lần đích thân ra Quảng Bình, mong chiêu dụ vua Hàm Nghi nhưng đi đến đâu cũng bị quân Cần Vương ngăn đón. Vua Đồng Khánh kinh sợ phải dùng đường thủy trở về Huế. Ca dao thời bấy giờ có câu:

Ngẫm xem thế sự mà rầu.

Chính giữa Đồng Khánh hai đầu Hàm Nghi.

Nếu đương hát mà bị lính của triều đình Huế xét hỏi thì cãi lại rằng:

Các quan, các thầy nghe lầm tôi hát,

Chính giữa đòn gánh, hai đầu hai ky.

Bình dân Việt Nam có khiếu ngoan cố và hài hước. Thành Hà Nội thất thủ. Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu tử tiết. Thêm Nguyễn Cao nữa mới đủ bộ.

Hà Thành chính khí tức tam Trung!

Thực dân Pháp hàm hồ nói Nguyễn Cao bất trung.

Nguyễn Cao liền tự mổ bụng, kéo hết ruột gan ra ngoài, hỏi bọn chúng đoạn ruột nào bất trung, cứ nói thử! Quân thù và bọn tay sai chứng kiến đều thất sắc, bàng hoàng.

Quốc gia suy vong mà sức mình không cứu vãn nổi thì nghĩa sĩ, nghĩa dân lựa cái chết hợp với chính nghĩa...

LÝ LUẬN TÌNH CẢM

Lý luận là công việc của lý trí, cảm nhận là công việc của tình cảm. Người khéo thuyết phục có khi dùng tình cảm để lôi kéo đối phương đồng ý với mình. Đối phương tự nguyện đồng ý mà không hề hay biết.

Trong thời Hán Vũ Đế có Quách Xá Nhân là kép hát được nhà vua cho hầu gần. Quách Xá Nhân khéo bông đùa, những lời nói vui thường được nhà vua nghe theo một cách tự nhiên.

Nhà vua có một người vú nuôi, gọi bà này là Đại Nhũ Mẫu (vú nuôi lớn). Bà xin gì cũng được nhà vua chấp thuận, cho đủ lương thực, gấm lụa, công điền. Có chiếu chỉ cho Đại Nhũ Mẫu được ngồi xe đi vào giữa công đường của nhà vua. Các quan đại thần, công khanh đều kính trọng Nhũ Mẫu. Bà con, họ hàng Đại Nhũ Mẫu dựa vào thế lực bà ta mà làm nhiều việc xằng bậy giữa đất Trường An. Quan coi việc pháp luật xin nhà vua dời

nhà Đại Nhũ Mẫu ra biên giới. Nhà vua y theo. Trước khi vào tử biệt nhà vua, Đại Nhũ Mẫu đến gặp Quách Xá Nhân, than khóc về việc đó, Quách Xá Nhân dặn rằng:

- Vào tử biệt nhà vua rồi trở ra cứ đi mau nhưng nhớ phải ngoảnh cổ nhìn lại mấy lần.

Nhũ Mẫu làm đúng theo lời dặn. Quách Xá Nhân đứng bên cạnh nhà vua, quát mắng rằng:

Ô kia! Cái mẹ già này! Sao không đi mau cho rồi? Còn ngoảnh lại làm gì? Bây giờ Bệ Hạ lớn rồi! có cần gì bú mớm nữa đâu!

Nhà vua nghe nói thương hại bà ta, ra lệnh đình chỉ việc dời nhà. Thế là Đại Nhũ Mẫu thoát nạn.

Thời Vũ Đế còn có một người khác là Đông Phương Sóc cũng giỏi thuật bông đùa, được nhà vua yêu mến.

Sau cung Kiến Chương có một con thú lạ xuất hiện, các quan Bác sĩ nho học cũng không biết là con gì. Đông Phương Sóc đến xem, nhà vua có hỏi đến, ông tâu rằng:

- Xin Bệ Hạ đãi cho thần một bữa tiệc thật sang trọng rồi thần sẽ nói.

Nhà vua y cho. Ăn tiệc xong, nhà vua lại hỏi. Đông Phương Sóc lại xin thêm mấy sớ công điền, mấy ao cá, mấy đám lau lách. Nhà vua đều y cho. Lúc bấy giờ Đông Phương Sóc mới giảng giải rằng:

- Con thú này là con sô nha, răng cửa và răng hàm đều bằng nhau như không có răng vậy. Sô nha xuất hiện là điềm quốc gia hưng thịnh, người ở phương xa đến thần phục.

Vũ Đế nghe nói rất lấy làm bằng lòng.

Sau đó một năm quả nhiên vua Hồn Gia của Hung Nô đem mấy vạn người đến đầu hàng nhà Hán.

Lời tiên đoán về con sô nha ứng nghiệm, Đông Phương Sóc được vua Hán ban thưởng rất trọng hậu. Tất nhiên là phải trọng hậu vì tình cảm của nhà vua đã được vượt ve, xoa nắn từ trước rồi!...

NHÀ TRẦN TRƯỚC HIỂM HỌA MÔNG CỔ XÂM LĂNG

I. Oai Võ Của Mông Cổ

Thế kỷ XIII là thế kỷ của Mông Cổ. Từ năm 1206 Thiết Mộc Chân đã xưng đế, danh hiệu là Thành Cát Tư Hãn (Tchinguiz khan) nghĩa Đại Hãn chủ minh toàn thế giới.

Xưa nay, trên đại lục Âu – Á (Eurasie) chưa có một đế quốc nào đất đai kết liền một khối to rộng đến như thế.

Nước Kim, nước Tống diệt vong. Thế lực Mông Cổ tràn vào Trung Á, đánh diệt các nước ở duyên ngạn Lý Hải (Mer casniemre), đánh tan luôn một đạo quân Nga trên sông Dnierr. Rồi lại đại thắng quân Nga một trận quyết liệt trên bờ biển Azoo.

Năm 1227, Thành Cát Tư Hãn băng hà. Oa Hoạt Đài (Ogotai) kế vị, phía đông chiếm hết bán đảo Triều Tiên, phía Tây đánh bắt được vua Nga, chiếm cứ thành Kiew (Nam Nga) và được Mạc Tư Khoa (thủ đô Nga).

Các nước Âu Châu đều rúng động. Năm 1241, Mông Cổ lại đại phá quân Liên minh Bắc Âu.

Trung Hoa đã phát minh ra một thứ hỏa tiễn, sức bắn mạnh mẽ nhưng không ngăn nổi quân Mông Cổ tiến chiếm Khai Phong (1233).

Mông Kha lên ngôi Đại Hãn, sai Ngột Lương Cáp Đài đánh bình nước Nam Chiếu.

Năm 1253, Mông Kha chia quân diệt nước Thổ Phồn (Tây Tạng) uy thế vang dội sang đến Tây Âu. Vua Lowio XI nước Pháp thông sứ với Mông Kha, dự tính dùng binh uy Mông Cổ đánh ép các nước Hồi Giáo ở Cận Đông.

Em Mông Kha là Hạc Lô (Hulagu) đánh hãm thành Bagdad, sát hại 100.000 tín đồ Hồi Giáo, triệt hạ thủ đô tôn giáo, lập I Nhi Hãn Quốc (Iraw).

Năm 1260, Hốt Tất Liệt tự xưng là Đại Hãn. Em ruột là A Lý Bất Ca (Arig Bogè) chiếm một phần đất

tranh quyền với anh. Hốt Tất Liệt thắng được em, năm 1271 đổi quốc hiệu là Nguyên.

Năm 1274, cháu nội Oa Hoạt Đài chiếm một phần đất Tân Cương – Mông Cổ, tranh ngôi Đại Hãn với Hốt Tất Liệt. Tuy có sự tranh chấp quyền vị trong nội bộ, nhưng sau khi nhà Tống diệt vong, quân Nguyên cứ đánh chiếm Miến Điện, rồi dùng thủy quân có sự cố vấn quân sự của các chuyên gia Đại Hãn, tiến đánh Nhật Bản 2 lần. Lần thứ 2, nhà Nguyên dùng đến 4.000 chiến thuyền bị quân Nhật nương theo trận bão Thần Phong đánh cho tan nát trên Hoàng Hải.

Chiến tranh lần đến Đại Việt từ năm 1257. Trước sức mạnh xâm lăng gần như vô địch của quân Hồ Nguyên, quân dân Đại Việt đã dùng những sách lược gì để tự vệ rồi chiến thắng?

II. Sách Lược Của Đại Việt

Tuy không có trận bão Thần Phong nào giúp sức và cũng không có sự cách biệt trùng dương nhưng vua tướng nhà Trần đã vận dụng đủ 3 yếu tố nhân hòa, thiên thời, địa lợi để giữ gìn đất nước và buộc quân Hồ Nguyên phải dẹp bỏ mộng xâm lăng.

Chiến cuộc lần đầu khai diễn vào năm 1257. Tướng Mông Cổ là Ngột Lương Cáp Đài đem binh từ Vân Nam xuống chiếm miền sông Thao (Hưng Hóa)

Rồi tiến về hướng Thăng Long. Vua Trần Thái Tông phải bỏ kinh đô chạy về đóng ở Thiên Mạc (tỉnh

Hưng Yên).

Ngột Lương Cấp Đài vào thành ra lệnh tàn sát tất cả nam phụ, lão ấu như lệ thường của quân Mông Cổ vẫn thực hiện sau mỗi lần thắng trận. Được ít lâu, quân Mông Cổ không quen thủy thổ, khí hậu nóng bức và ẩm ướt nên sinh ra đau ốm, nhuệ khí giảm suy.

Vua Trần Thái Tông mới tiến binh lên đánh ở Đông Bộ Đầu, quân Mông Cổ thua chạy về đường Qui Hóa. Chủ trại ở đó chiêu tập thổ dân, đón đánh một trận quyết liệt. Quân Mông Cổ thua chạy về Vân Nam. Vì mỗi mệt, đau ốm nên quân Mông Cổ cứ lo đào tẩu, không cướp phá gì cả. Dân miền Thượng Du gọi chúng là giặc Phật!

Tuy bị thua, nhưng vua nhà Nguyên vẫn cứ muốn đô hộ các nước Đại Việt, Chiêm Thành, Chân Lạp. Nhà Nguyên muốn nước Việt phải nhận quan Đại Lỗ Hoa Xích là chức quan Chưởng ấn, có quyền giám sát công việc chính trị của nước ta. Vua Trần Thánh Tông phản kháng, viện lý Đại Việt là một nước văn hiến chứ không phải là Man Di, việc đặt quan Chưởng ấn giám sát là không cần thiết.

Thấy dùng cách ôn hòa, xâm lấn từ từ không có hiệu quả, vua nhà Nguyên quyết ý dụng binh.

III. Đạo Giữ Nước Của Nhà Trần

Nước Việt cũng tri cơ, biết rằng thế tất phải dụng võ ứng chiến.

Binh pháp nói: trên dưới đồng một lòng thì thắng (Thượng hạ đồng dục giả thắng!)

Năm 1284, vua Trần Nhân Tông mở Hội Nghị Diên Hồng. Trên từ tướng lĩnh, dưới đến các chức xā quan, ai nấy đều đồng thanh quyết chiến.

Trần Hưng Đạo lại cho phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân bài “Hịch tướng sĩ văn”. Bài này nói rõ sự lợi ích và vinh dự của công tác quyết chiến và giữ nước, bốn phần và quyền lợi của người dân Việt phải thắng được giặc thì mới bảo toàn được vợ con, phụng thờ được tổ phụ, sống cuộc đời yên vui.

Quân sĩ nước Việt đều thích 2 chữ “Sát Thát” vào cánh tay để biểu dương ý chí giết hết quân Thát Đát (Tartares, Mông Cổ). Tuy quân Việt có ý chí quyết chiến mạnh mẽ nhưng vẫn phải lui bước trước những đợt tấn công vũ bão của Thái Tử nhà Nguyên là Thoát Hoan (Togan).

Mặt khác, Toa Đô (Sách Đa, Sagatore) đem thủy quân đánh Chiêm Thành rồi tiến ra Nghệ An.

Chiến lược của nhà Nguyên là trương 2 gọng kìm kẹp nước Việt vào giữa mà đánh cho tơi tả, hết đường vùng vẫy.

Ở những hiệp đầu, lúc nào quân ta cũng thua. Kinh thành Thăng Long là đất trống trải, tứ diện thụ địch nên bị giặc chiếm. Thoát Hoan dùng cả súng đại bác bắn vào các đồn binh của ta ở nam ngạn sông Nhĩ Hà.

Trong hoàng tộc, lũ Trần Kiện, Trần Ích Tắc đầu hàng giặc tự cho rằng mình giữ được tông miếu nhà Trần khi quân Nguyên bình định được thiên hạ.

Tư tưởng hủ bại chỉ có ở một thiểu số người có địa vị cao, không có ảnh hưởng gì đến quảng đại quần chúng.

Quân ta thua nhưng không phải thua tan. Ít lâu sau quân ta lại đủ sức chiến đấu để có những thành tích ở bến sông Chương Dương, cửa ải Hàm Tử.

Trần Quang Khải nêu rõ chiến thắng trong bài thơ hào hùng.

Đoạt sáo Chương Dương độ,

Cầm Hồ Hàm Tử quan.

Thái bình ta nỗ lực

Vạn cổ thử giang san!

Dịch:

Chương Dương cướp giáo giặc,

Hàm Tử bắt quân Hồ

Thái bình nên gắng sức,

Muôn thuở vững cơ đồ.

Cơ đồ vững vì ý chí bảo vệ cơ đồ vững. Do ý chí bảo vệ cơ đồ vững, quân dân nhà Trần mới lập được những thành tích ở Hàm Tử, Chương Dương.

Sĩ khí và dân tâm là yếu tố quyết thắng. Sức mạnh tâm tư chỉ huy sức mạnh thể xác. Tâm tư là động cơ.

Động cơ làm cho thể xác hữu dụng. Dầu vua nhà Nguyên có nổi giận mà hưng binh lần nữa thì sự diễn biến quân sự những năm 1287 - 1288 cũng tương tự như những năm 1284 - 1285 mà thôi!

Bạch Đằng một cõi chiến trường,

Xương phơi trắng đất, máu màng đỏ sông.

Cho đến năm 1293 là năm Thế Tổ nhà Nguyên là Hốt Tất Liệt băng hà, quân Hồ Nguyên không đắc chí thống trị cõi Đông Nam Á Châu được!

Oai võ bách thắng của Mông Cổ cũng có lúc phải cáo chung.

Thanh thế của Hán Quốc Y Nhi Hạng còn y nguyên, nhưng thế lực Hồ Nguyên ở Trung Hoa đã suy giảm.

Đại Hãn ở Y Nhi Hạng được vua Anh gởi tặng chim ưng nhưng các vua nhà Nguyên ở Trung Hoa thì không được Hoa tộc coi là bất khả xâm phạm nữa!

Dân Hoa Tộc truyền bảo nhau:

- Hồ lỗ vô bách niên chi vận. (Giặc Hồ không có vận mạng lâu dài đến trăm năm).

Đế quốc mạnh nhất ở Eurasia thấy chư hầu cứ lần lượt ly khai, chỉ đến giữa thế kỷ XIV là diễn xuất bi kịch suy diệt.

Nhà Trần (rồi Hậu Trần) tồn tại đến năm 1414. Lời nói:

Cường Cường ắt chết, nhân nghĩa còn

Không phải là lời nói suông vậy. Tư tưởng văn trị hoà bình có giá trị hơn hẳn võ lực chinh phục.

Nếu người Bắc Quốc khoe khoang thành tích xâm lược “Đồng trụ chí kim đài dĩ lục” thì người Nam Bang có thể tự hào rằng “Đằng Giang vạn cổ huyết do hồng”.

Trụ đồng nhà Hán rêu xanh.

Bạch Đằng sông Việt còn tanh máu đào.

Quốc gia Đại Việt dưới những đời Trần Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông thiết là một quốc gia hữu đạo.

Đạo là khiến cho dân đồng ý với người trên. Cho nên có thể cùng nhau chết, cùng nhau sống mà dân không sợ nguy (Đạo giả, lệnh dân dĩ Thượng đồng ý dã. Cố khả dĩ chi tử, khả dĩ chi sinh nhi dân bất úy nguy).

Chung cuộc chiến thắng là cho khởi thủy hữu đạo.

Bản chất hữu đạo cũng được thể hiện một cách nghiêm minh và công minh khoan hòa, trung hậu. Lũ Trần Kiện, Trần Văn Lộng, Trần Ích Tắc hàng giặc đều bị tước tông phổ, không được giữ họ Trần nữa. Chúng bị gọi là Á Trần, Mai Kiện để lưu tiếng xấu về sau, nhút nhát như đàn bà, con gái.

Những văn kiện tư thông, tư giao với quân thù do Thoát Hoan bỏ lại, vua Trần đều sai đốt hết, không truy tố, truy cứu một người nào.

Những voi ngựa đá vấy bùn, phủ bụi ở lăng miếu cũng được nhà vua nhắc đến bằng những câu thơ chứa chan tình cảm lưu niệm.

*Xã tắc lương hồi lao thạch mã
Sơn hà thiên cổ điện kim âu*

Dịch:

Xã tắc hai lần bon ngựa đá
Non sông muôn thuở vững âu vàng.

Chỉ có bà Công chúa An Tư là đáng thương, đáng kính. Vua Trần đã dùng mỹ nhân kế gọi bà đến cho Thoát Hoan để làm nạn nước.

Sử chép rằng: “Khiển Nhân Tống An Tư vu Thoát Hoan, dục thư quốc nạn dã”.

Sai người đưa Công chúa An Tư đến với Thoát Hoan, muốn thư nạn nước vậy, với Công chúa An Tư ở hậu phòng, sự hung bạo tàn nhẫn của Thái Tử nhà Nguyên chắc có đôi phần hòa dịu...

*

* *

Chuyện An Tư công chúa mỹ nhân kế của nhà Trần xui chúng ta liên tưởng đến nước Liban, quốc gia độc nhứt trên lục địa Eurasic hưởng lợi được trong oai võ cuồng chinh Mông Cổ.

Biết quân Mông Cổ sắp tràn vào bờ cõi, Vua Liban sai đem nhiều kiều nga, mỹ nữ trang phục hết sức lộng lẫy đem rượu thịt ra hàng. Các tướng lĩnh được vàng bạc, châu báu, có đủ phương tiện thưởng thức mỹ nhân. Các chiến sĩ kỵ binh cũng theo gương chủ tướng. Chẳng bao lâu, số vàng bạc mà quân Mông đã chiếm đoạt, vơi vệt trong chiến cuộc đều rơi vào tay dân Liban một cách

ngon ơ!

Liban không có một nhà nào bị đốt, một người nào bị giết vì quân Mông Cổ Tây chinh cả! Hiệu quả của mỹ nhân kế thật là kỳ diệu. Dem dâng vàng rồi lại thu về một số vàng nhiều gấp mấy! Trong những ngày hưởng lạc, các chiến sĩ Mông Cổ đều tỏ ra hào phóng, hào hoa.

Mỹ nhân kế không phải là một kế lạ. Đó là kế thông thường, quen thuộc của loài người. Biết vận dụng cho đúng lúc thì hiệu quả thật là kỳ diệu, vượt ngoài sức tưởng tượng, dự tính.

MỤC LỤC

Những cái khôn thần kỳ của lưu Bang (có so sánh với chuyện Nguyễn Nhạc).....	5
Liều mình cứu chúa: Kỷ Tín cứu Lưu Bang ở Vinh Dương (có so sánh với Lê Lai đời Lê, Lê Phúc Đắc đời Nguyễn).....	11
Yến hội Hồng Môn: Gươm đao lấp lánh.....	14
Cư Lộc: Chiến thắng anh dũng của Hạng Vũ....	19
Trí khôn trăm mặt của Trần Bình.....	22
Thưởng phạt công minh.....	27
Mưu lược của Viên Thục Sinh.....	32
Khoái Triệt thuyết Hàn Tín chiếm nước Tề.....	35
Anh Bố: Sức mạnh một niềm tin sắt đá.....	38
Quan niệm chiến đấu toàn diện.....	41
500 nghĩa sĩ của Điền Hoành.....	44
Khôn khéo anh dũng đến cuối cuộc đời.....	48
Lưu Bang và Triệu Đà.....	51
Đức độ khoan dung và hùng tài võ lược của Lý Thái Tông.....	54
Lòng nhân ái và quyền tư pháp.....	57
Hồ Nguyên Trừng: niềm hiếu hữu vô song.....	60
Đức hiếu dũng cảm.....	64

Ứng biến phi thường.....	68
Hai chi họ Lý Đại Việt ở Triều Tiên.....	72
Bé gái 9 tuổi thám sát chiến trường.....	75
Một sư biểu đời Đại Hòa.....	78
Bách Lý Hề, tình nghĩa thủy chung.....	81
Tử Sản nhà chính trị hiền triết.....	84
Tây Môn Báo trấn thủ Tây Hà.....	92
Tô Hiến Thành, chiếu sơn còn đó, dấm tham vàng.....	95
Thévuiaotcle: quyền lợi của dân tộc là tối thượng.....	98
Spicion: nhanh trí chuyển bại thành thắng.....	101
Mỹ từ, uyển từ và thực tế.....	104
Điểm cuối cùng của trí khôn thực dân.....	108
Cái khôn tương kế tựu kế.....	112
Sợ là khôn, không biết sợ lại càng khôn.....	116
Mỹ nhân kế.....	119
Bệnh nhân kế.....	122
Vị tha: Khôn vì xã hội.....	125
Những thiếu nhi thông minh.....	127
Nhan sắc và tiết nghĩa, lựa chọn đường nào?....	131
Nghệ thuật... chữ.....	134
Dọa chơi chữ không làm thiệt: nổi da xáo thịt, củi đậu nấu mè.....	139
Tứ diện Sở ca thanh.....	142
Những nghĩa sĩ bơ vơ.....	149
Cái khôn xảo lại.....	152
Hưng hóa và chuyên sách lược biên phòng.....	160

Khôn chết, đại chết, biết sống! Biết?!.....	166
Tìm biết sự thật.....	169
Đào Duy Từ: Trí khôn hưng quốc.....	173
Sự thông thái thiên văn dẫn đến cái khôn quân sự.....	177
Những điều khôn của Hoàng Ngũ Phúc.....	179
Đường cuối cùng của mưu trí Phạm Lãi.....	185
Lòng trung nghĩa của Trương Lương (theo nhận xét của Lý Bạch).....	191
Khôi hài: một cách thuyết phục tuyệt khôn.....	194
Trần Bình: mưu kế tự giữ mình rồi thắng người	199
Cần được lưu ý: cách học sử thời xưa.....	203
Đêm tối nhận vàng.....	211
Một bức thư tiếng nói của chính nghĩa.....	214
Lý luận tình cảm.....	217
Nhà Trần trước hiểm họa Mông Cổ xâm lăng..	219
Mục Lục.....	229

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu, Hà Nội.

ĐT: (84.04) 38229413 - Fax: 04. 39436024.

Email: nxbthanhnien@vnn.vn

Chi nhánh: 27B Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 39106963 - Fax: (08) 39106961



Những cái khôn của người xưa

Lam Giang – Nguyễn Quang Trứ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI THỜI CHÍNH

Biên tập: NGUYỄN SƠN

Sửa bản in: NGUYỄN GIANG

Bìa: THANHNGHIA BOOKSTORE

In 1.000 cuốn, khổ 13*19cm.

Tại Công ty cổ phần in Bến Tre

Giấy CNKHĐT số 394-2011/CXB/187-21/TN.

Quyết định xuất bản số: 494/QĐ-TN/CN cấp ngày 04/10/2011.

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2012.

CÁI KHÔN NGƯỜI XUA



2 000108 052381

Giá: 60.000VNĐ

15

60